

Đặc san

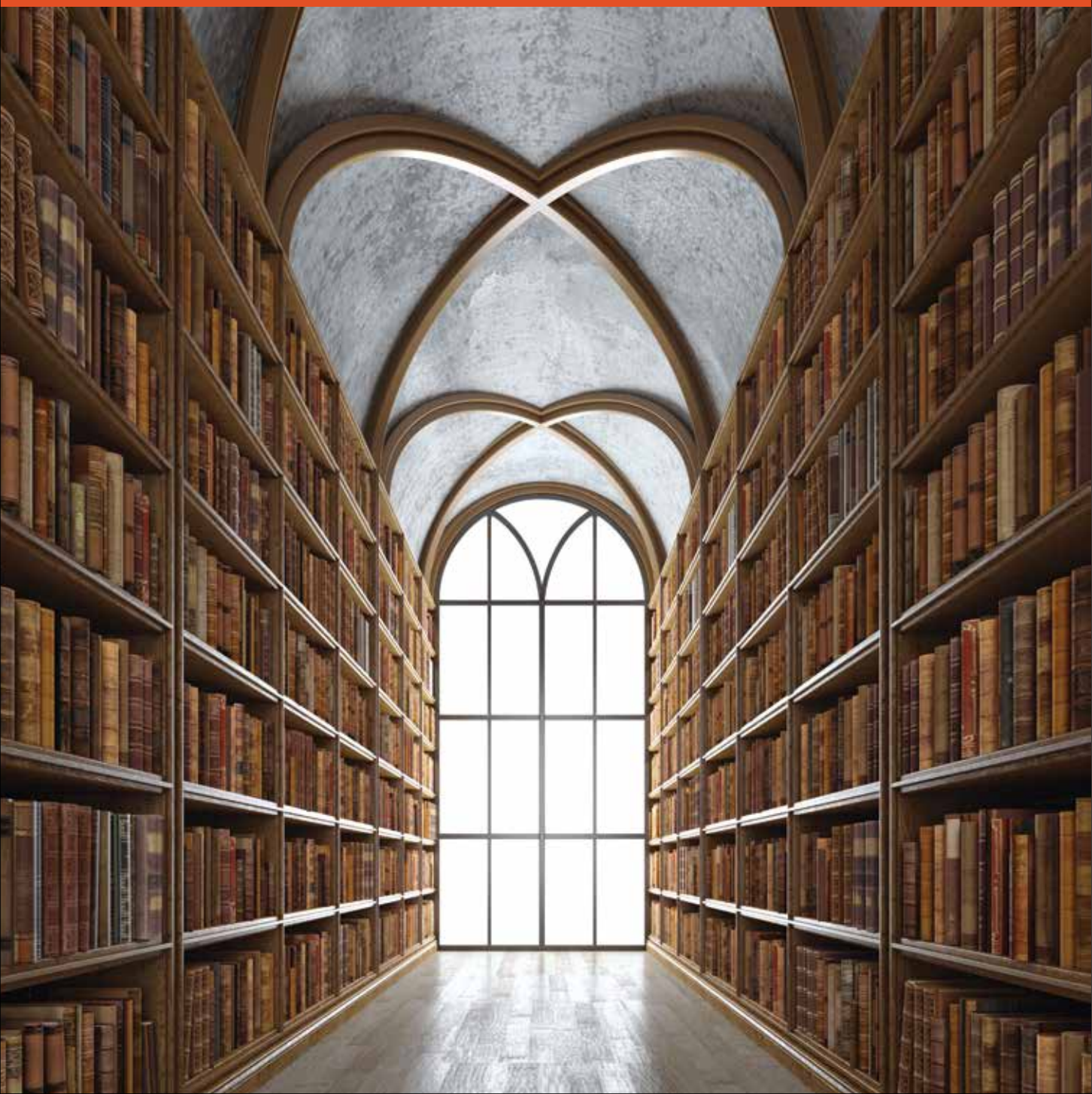
GIÁO DỤC

ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

International Higher Education

*No.108*

(#4-2021)



## SV ĐH Melbourne (Úc) tham dự các lớp học chuyên đề do GV FPT Edu giảng dạy

Từ ngày 29/11 – 10/12/2021 vừa qua, các SV ĐH Melbourne, Úc (UniMelb) đã tham gia chương trình Study Tour trực tuyến do FPT Edu Global tổ chức. Tại đây, SV UniMelb được học tập tại các lớp học chuyên đề do GV FPT Edu giảng dạy.

Các lớp học chuyên đề thuộc Study Tour có thời lượng là 2 tiếng với nội dung chính xoay quanh kinh tế Việt Nam. Được biết, Study Tour là một phần trong môn học International Business Experience của các SV UniMelb, do vậy các giáo án bài giảng tham gia chương trình đã nhận được sự góp ý kỹ càng của các chuyên gia tại ĐH Melbourne (Úc) trước khi chính thức được giảng dạy, nhằm lên thang đo điểm tín chỉ (credit) cho SV UniMelb một cách phù hợp.

Tham gia soạn giáo án và giảng dạy trong chương trình Study Tour là 6 GV ĐH FPT, trong đó có 5 GV bộ môn BA và 1 GV bộ môn tiếng Nhật.



ĐH Melbourne là một trong những trường đại học lâu đời và được xếp hạng cao nhất nước Úc

## FSB lọt Top 2 trường kinh doanh tốt nhất Việt Nam năm thứ 7 liên tiếp theo Eduniversal

Mới đây, Tổ chức Giáo dục toàn cầu Eduniversal đã công bố bảng xếp hạng các trường đào tạo kinh doanh tốt nhất Việt Nam. Trong đó, Viện Quản trị & Công nghệ FSB đứng ở vị trí thứ 2.

Đây là năm thứ 7 FSB duy trì vị trí này trong bảng xếp hạng của Eduniversal. Bên cạnh đó, chương trình Executive MBA của FSB cũng lọt Top 25 chương trình Executive MBA tốt nhất khu vực Đông Á.

Bảng xếp hạng thường niên của Eduniversal đánh giá các trường và các viện đào tạo thông qua nhiều tiêu chí về chuyên môn, cơ sở vật chất, số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học... Bên cạnh đó, Eduniversal cũng áp dụng thêm hình thức Dean Vote: 1.000 hiệu trưởng, viện trưởng của các trường đào tạo kinh doanh trong mạng lưới của Eduniversal cùng bỏ phiếu kín bình chọn. Do vậy, bảng xếp hạng của Eduniversal được các chuyên gia toàn cầu đánh giá là có tính công bằng và mức độ uy tín cao.



Eduniversal công bố FSB là một trong các trường đào tạo kinh doanh tốt nhất Việt Nam

*Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế* (tên tiếng Anh là International Higher Education, viết tắt là IHE) là ấn phẩm định kỳ hàng quý của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE – Boston College).

Tạp chí phản ánh sứ mệnh của Trung tâm nhằm tạo tầm nhìn quốc tế hỗ trợ cho việc xây dựng và thực thi chính sách một cách sáng suốt. Thông qua *Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế*, mạng lưới các học giả trên thế giới cung cấp thông tin và bình luận về những vấn đề chính yếu của giáo dục đại học toàn cầu. IHE được xuất bản bằng Tiếng Anh, Hoa, Pháp, Nga, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Việt Nam. Độc giả có thể xem các ấn bản điện tử này tại

<https://www.internationalhighereducation.net>

Hợp tác với **University World News (UWN)**

Từ tháng 1/2017, CIHE đã hợp tác với UWN - một bản tin cùng các bình luận trực tuyến được phổ biến rộng rãi về bức tranh hiện tại của giáo dục đại học quốc tế. Chúng tôi hân hạnh được tích hợp các nội dung của UWN trên IHE và ngược lại - tích hợp các nội dung của IHE trên Website và bản tin hàng tháng của của UWN.



Đăng ký tạp chí IHE tại  
[ihe@fpt.edu.vn](mailto:ihe@fpt.edu.vn)

## GIỚI THIỆU

### NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU

02— **Vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong giáo dục đại học: Tính chưa hoàn thiện**

Tessa DeLaquil

05— **Hợp tác khoa học Trung - Mỹ có phải chỉ là chuyện của quá khứ**

David S. Zweig

08— **Hệ sinh thái học thuật và hợp tác nghiên cứu toàn cầu: Rủi ro và địa chính trị**

Mark S. Johnson

### CÁC ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19

11— **Quốc tế hóa trong sự cô lập: Tác động của COVID-19**

Daniela Graciun và Ariane de Gayardon

14— **COVID-19 và giáo dục đại học tư thực**

Daniel C. Levy

17— **COVID-19 ở Thổ Nhĩ Kỳ: Đăng ký ít hơn, nhập học nhiều hơn**

Oğuz Esen

### CHỦ ĐỀ CHÂU PHI

20— **Châu Phi: Phức tạp trong việc thu hút cộng đồng học thuật hải ngoại**

Ayenachew A. Woldegiyorgis

23— **Kenya: Sự lệch pha giữa đại học và thị trường lao động**

Ishmael I. Munene

### CHỦ ĐỀ CHÂU MỸ LATINH

25— **Vì sao Mỹ Latinh cần phát triển những trường đại học đẳng cấp thế giới**

Philip G. Altbach và Jamil Salmi

29— **Bầu hiệu trường ở Brazil: Một quy trình chính trị phức tạp**

Marcelo Knobel

### GIÁO DỤC PHI ĐẠI HỌC SAU PHỔ THÔNG: KHU VỰC QUAN TRỌNG BỊ BỎ QUÊN

32— **Quá nhiều người bị bỏ lại phía sau: Tầm quan trọng của TVET**

Ellen Hazelkorn

35— **Giảm ghi danh vào các trường cao đẳng cộng đồng: Chia rẽ kinh tế ở Mỹ**

Anthony P. Carnevale

38— **Khi nào, nếu không phải bây giờ? Những chương trình ngắn hạn ở Mỹ Latinh**

Maria Marta Ferreyra

41— **Rạn nứt chính sách trong giáo dục sau phổ thông và giáo dục đại học ở Anh Quốc**

Michael Shattock

44— **Những lựa chọn thay thế cho giáo dục đại học ở Đức**

Barbara M. Kehm

### CÁC QUỐC GIA/KHU VỰC

46— **Ireland: Cảnh báo về chính sách miễn học phí**

Arthur M. Hauptman

49— **Nhiều giáo sư Ả Rập không hứng thú với công việc giảng dạy**

Rasha Faek

52— **Tin tức CIHE**

## Vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong giáo dục đại học: Tính chưa hoàn thiện

Tessa DeLaquil

*Tessa DeLaquil là Trợ lý Nghiên cứu và nghiên cứu sinh tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: tessa.delaquil@bc.edu. Phần này là phiên bản rút gọn của một bài báo đã xuất bản trước đây trên University World News, ngày 24 tháng 7 năm 2021.*

Giáo dục đại học chưa đạt được sự phát triển đồng đều trong quyền bình đẳng giới, đặc biệt tụt hậu ở các vị trí lãnh đạo và ra quyết định. Bình đẳng giới trong lãnh đạo giáo dục đại học có thể được coi là “chưa hoàn thiện” hoặc chỉ đạt “phần nào” ở các cấp độ quốc gia/khu vực, cấp lịch sử/văn hóa - xã hội, và cấp cá nhân. Do đó, giải quyết vấn đề này và hành động để đạt được mục tiêu này đòi hỏi những nỗ lực phối hợp để đảm bảo sự hỗ trợ ở từng cấp độ.

Báo cáo Quốc tế Tóm tắt về Lãnh đạo Giáo dục Đại học từ Hội đồng Giáo dục Hoa Kỳ (ACE - American Council on Education) và Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE - Center for International Higher Education), có tiêu đề là “Đại diện phụ nữ trong lãnh đạo giáo dục đại học trên toàn thế giới” - cho thấy mặc dù tỷ lệ nữ sinh tiếp cận giáo dục đại học nói chung đã tăng lên ở một số vùng nhưng không phải tất cả (đôi khi có vùng nữ chiếm tỷ lệ cao hơn), sự phát triển này không đồng đều và nói chung là không tương đương ở các vị trí lãnh đạo và ra quyết định.

Báo cáo cho thấy tình trạng “chưa hoàn thiện” về bình đẳng giới ở cấp độ cá nhân, tổ chức, quốc gia và quốc tế. Thật vậy, tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao trong những quốc gia được khảo sát dao động từ mức không đáng kể tại các cơ sở giáo dục đại học ở Ghana (Adu-Yeboah và cộng sự) hoặc đại học công ở Hồng Kông (Chelan Li & Chui Ping Kam), đến một số vị trí ít ỏi tại các đại học Hồi giáo và đại học công ở Indonesia (Ferary), chỉ chiếm 10% ở Malaysia (Azman), 19.5% ở Nam Phi (Moodly), 24% ở Kazakhstan (Kuzhabekova) và 28% ở vị trí hiệu trưởng ở đại học Úc (Di Iorio).

Mặc dù những rào cản và sự hỗ trợ liên quan đến sự thành đạt của nữ lãnh đạo trong giáo dục đại học là khác nhau tùy theo bối cảnh xã hội và lịch sử, vẫn có một số điểm chung dễ nhận ra trong những quốc gia tham gia khảo sát giúp hiểu rõ tính chất chưa hoàn thiện của dự án thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo giáo dục đại học.

### Hiểu biết về những yếu tố của vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong giáo dục đại học

Xem xét từ khía cạnh đại diện phụ nữ trong vai trò lãnh đạo nói chung và trong giáo dục đại học nói riêng, tính chất chưa hoàn thiện của việc thực hiện quyền bình đẳng giới có thể được hiểu là sự định kiến ở cả ba cấp độ: bối cảnh quốc gia/khu vực, ảnh hưởng lịch sử và nền tảng văn hóa - xã hội, cấp độ cá nhân và sự phức tạp của bản sắc cá nhân, bao gồm cả những yếu tố khiến phụ nữ bị gạt ra ngoài lề xã hội.

#### Tóm tắt

Bình đẳng giới trong giáo dục đại học chưa phát triển đồng đều, đặc biệt ở các vị trí lãnh đạo và ra quyết định. Nó có thể được coi là “chưa hoàn thiện” hoặc chỉ đạt “phần nào” ở cấp độ quốc gia/khu vực, lịch sử và văn hóa-xã hội, và cá nhân; và do đó đòi hỏi nỗ lực phối hợp để đảm bảo có sự hỗ trợ ở từng cấp độ.

Ví dụ, có thể thấy tỷ lệ nữ lãnh đạo trong giáo dục đại học là không đáng kể ngay cả ở một số quốc gia nơi tỷ lệ phụ nữ tham gia (trong các chương trình đại học và sau đại học) đang đạt mức ngang bằng. Hiện tượng này thay đổi theo bối cảnh khu vực và quốc gia, theo loại hình trường học (ví dụ theo xếp hạng và phân loại trường đại học), và theo văn hóa-xã hội, truyền thống và những kỳ vọng văn hóa - xã hội liên quan áp đặt lên phụ nữ. Sự kết hợp của nhiều yếu tố cũng có tính quyết định, vì những dấu hiệu khác của tình trạng bị gạt ra ngoài lề cũng khiến phụ nữ bị hạn chế tham gia vào các vị trí lãnh đạo giáo dục đại học.

### **Những rào cản đối với thực hiện bình đẳng giới trong lãnh đạo giáo dục đại học**

Những rào cản đối với thực hiện bình đẳng giới trong lãnh đạo giáo dục đại học hiện diện ở tất cả các cấp độ (quốc gia hoặc thể chế, văn hóa và cá nhân), do đó sự hỗ trợ hiệu quả và việc thay đổi cơ cấu cũng cần đáp ứng theo từng cấp độ. Từ những ví dụ nêu ra trong Báo cáo Tóm tắt, chúng ta thấy rằng khi thiếu sự hỗ trợ ở bất kỳ cấp độ nào, dự án tổng thể nhằm đạt được bình đẳng giới trong giáo dục đại học cũng sẽ bị trì trệ hoặc không trở thành hiện thực.

Mặc dù chúng ta không thể giải quyết mọi nguyên nhân dẫn đến mất cân bằng giới tính trong lãnh đạo, nhưng cộng đồng học thuật không phải là bất lực. Cái gọi là trần kính đang được duy trì ít nhất một phần nhờ vào sự tự mãn với cấu trúc và văn hóa trong các tổ chức và cộng đồng học thuật của chúng ta.

Những đóng góp trong Báo cáo Tóm tắt đã chỉ ra những rào cản nhất định đang xuất hiện trở lại ở cả cấp độ trường đại học và xã hội. Ở những cấp độ này, rào cản bao gồm vai trò giới do văn hóa và xã hội xác định, những tiêu chuẩn văn hóa cố hữu hình thành do tôn giáo và lịch sử, sự phân công lao động trong gia đình không công bằng và thiếu nhận thức về tác động của nhiều yếu tố kết hợp với nhau. Cũng ở cấp độ trường đại học và xã hội, rào cản bao gồm mức lương khác biệt theo giới, định kiến liên quan đến năng lực lãnh đạo của phụ nữ, thất thoát trên con đường nghề nghiệp đầy khó khăn, và hiện tại ở các vị trí lãnh đạo có quá ít đại diện nữ. Việc dữ liệu không được tách riêng theo giới nói chung càng hạn chế hiệu quả của quá trình xây dựng quyết sách.

Những xu hướng và rào cản này gia tăng trong đại dịch COVID-19 càng cho thấy rõ sự bấp bênh của những lợi ích đã đạt được trong bình đẳng giới. Ví dụ, sự cố chấp của vấn đề bình đẳng giới liên quan đến công việc nội trợ và chăm sóc gia đình có thể thấy rõ qua sự sụt giảm số lượng những bản thảo học thuật của các tác giả nữ trong thời kỳ đại dịch. Ý tưởng về “vách kính” (ràng có quá nhiều đại diện nữ giữ vai trò lãnh đạo trong thời kỳ khủng hoảng) cho thấy rằng việc đảm nhận những vị trí lãnh đạo bấp bênh có thể không khuyến khích những phụ nữ khác theo đuổi sự thăng tiến lên vị trí lãnh đạo học thuật trong tương lai.

### **Hỗ trợ đạt được bình đẳng giới trong lãnh đạo giáo dục đại học**

Do đó, để hỗ trợ được hiệu quả cần giải quyết những rào cản ở cả ba cấp độ quốc gia hoặc cấp trường, xã hội và văn hóa, và cấp cá nhân. Chính sách chung ở cấp quốc gia nhằm mục tiêu hỗ trợ bình đẳng giới có thể khuyến khích thay

đổi cơ cấu và văn hóa. Chính sách ở cấp trường là cần thiết để đảm bảo công bằng về chế độ quyền lợi, ví dụ, nghỉ phép để chăm sóc con cái, yêu cầu về khối lượng công việc, và tuyển dụng, hợp đồng làm việc, và thăng chức. Cần thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu tách riêng theo giới cả trong các cơ sở giáo dục đại học và hệ thống giáo dục đại học toàn quốc nhằm hỗ trợ việc ra quyết định chính sách ở từng cấp độ.

Ở cấp độ cá nhân, chương trình mục tiêu phát triển năng lực lãnh đạo và các hình thức của chương trình cố vấn đã được áp dụng ở một số quốc gia. Ngoài ra, nhiều mạng lưới giáo dục đại học, cả bên trong và bên ngoài cơ cấu tổ chức hoặc quốc gia, bao gồm các chương trình tìm kiếm, cố vấn và đào tạo phụ nữ trong giáo dục đại học dường như là một cơ chế hiệu quả cao hỗ trợ vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong giáo dục đại học.

Tuy nhiên, nếu chỉ hỗ trợ các cá nhân phụ nữ trong việc điều hướng những cơ cấu có sự hiện diện của phụ nữ là không đủ. Bất công về cơ cấu phải được giải quyết bằng sự công bằng hệ thống thông qua những chính sách cấp quốc gia và đại học. Những thay đổi về văn hóa cũng có thể bắt đầu trong các trường đại học như những không gian phản biện văn hóa, như được chứng minh bằng đóng góp của Renn trong Báo cáo Tóm tắt về vai trò lãnh đạo tại các trường đại học dành cho phụ nữ. Như vậy, công bằng có thể đạt được thông qua sự thay đổi văn hóa trong cách tiếp cận của chúng ta đối với phụ nữ làm lãnh đạo, ví dụ thông qua những thay đổi về chính sách của nhà trường do lãnh đạo có tiếng nói ủng hộ.

Hỗ trợ và khuyến khích các cá nhân phụ nữ đạt được mục tiêu nghề nghiệp của họ có thể là cách làm hiệu quả, nhưng nhìn chung sẽ hữu ích nhất nếu những biện pháp này được các trường đại học và quốc gia định hướng và quy hoạch. Thật vậy, như Regulska khẳng định trong Báo cáo Tóm tắt nói trên, để đảm bảo quyền bình đẳng giới của con người được đáp ứng đòi hỏi cả cá nhân và tập thể phải hành động.

Cuối cùng, mọi ý kiến đóng góp cho Báo cáo Tóm tắt đều ngụ ý rằng rào cản quan trọng nhất đối với sự bình đẳng của phụ nữ trong giáo dục đại học là sự tự mãn bền bỉ trong cộng đồng học thuật của chúng ta. Chúng ta có trong tay những công cụ cần thiết để thực hiện thay đổi ban đầu. Điều cần thiết bây giờ là ý chí nỗ lực để đạt được bình đẳng giới thực sự trong các cộng đồng học thuật và các tổ chức, với hy vọng rằng những bước đi này sẽ hướng đến việc thực hiện quyền bình đẳng giới bên ngoài các trường đại học, trong các quốc gia và trên toàn thế giới của chúng ta.

*Hỗ trợ và khuyến khích các*

*cá nhân phụ nữ đạt được*

*mục tiêu nghề nghiệp của*

*họ có thể là cách làm hiệu*

*quả, nhưng nhìn chung sẽ*

*hữu ích nhất nếu những*

*biện pháp này được các*

*trường đại học và quốc gia*

*định hướng và quy hoạch.*

## Hợp tác khoa học Trung - Mỹ có phải chỉ là chuyện của quá khứ?

David S. Zweig

David S. Zweig là Giáo sư danh dự tại Đại học Khoa học và Công nghệ Hồng Kông. Email: sozweig@ust.hk.

### Tóm tắt

Một khía cạnh đáng khen ngợi của mối quan hệ hợp tác Trung - Mỹ sau năm 1978 là hợp tác nghiên cứu. Nhưng những nỗ lực thái quá của Trung Quốc nhằm thu lợi từ cộng đồng khoa học Hoa kiều, sự dịch chuyển công nghệ tiên tiến từ Hoa Kỳ sang Trung Quốc, và nhận thức mới của Hoa Kỳ về Trung Quốc như một "đối thủ cạnh tranh chiến lược" đã khiến chính quyền Trump triển khai "Sáng kiến Trung Quốc" nhằm an ninh hóa hợp tác khoa học. Bất chấp sự phản đối mạnh mẽ từ các trường đại học và các nhóm bảo vệ quyền của người Mỹ gốc Á, hoạt động hợp tác khoa học vẫn gặp nhiều rủi ro.

Trao đổi khoa học góp phần nâng tầm nhân loại. Vì vậy, một nội dung chính của mối quan hệ Trung - Mỹ sau năm 1978 là trao đổi học thuật và cuối cùng đã dẫn đến hợp tác nghiên cứu. Những nỗ lực như vậy được đánh giá cao. Vào năm 2014, chủ tịch Viện Y tế Quốc gia (National Institutes of Health - NIH) Francis Collins phát biểu tại Đại học Phúc Đán ở Thượng Hải rằng "Khoa học không có biên giới bởi vì tri thức thuộc về cả nhân loại", trong khi một đánh giá nội bộ của NIH cũng cho thấy từ năm 2010 đến 2019, những dự án chung do NIH và Trung Quốc tài trợ đã thực hiện được một số nghiên cứu về căn bệnh ung thư có tác động lớn.

### Đã sai điều gì?

Những thay đổi trong chính sách của Trung Quốc, mức độ cao của sự dịch chuyển công nghệ tiên tiến từ Hoa Kỳ sang Trung Quốc, và những thay đổi trong nhận thức của Hoa Kỳ về an ninh quốc gia đã kết thúc mối quan hệ ấm áp này.

Để khai thác lợi ích từ nguồn tài năng người Hoa ở nước ngoài, các tổ chức của Trung Quốc, như Bộ Giáo dục (MOE), Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc, đã thiết lập những chương trình nhằm lôi kéo về nước những tài năng và trí tuệ nổi bật nhất. Tuy nhiên, vì những nhà khoa học giỏi nhất của cộng đồng Hoa kiều vẫn chọn ở lại nước ngoài, cả MOE và Viện Hàn lâm Khoa học đều đề nghị họ liên kết bán thời gian với các trường đại học Trung Quốc, do đó những nhà nghiên cứu này vẫn duy trì công việc của họ ở nước ngoài và tiếp tục những nghiên cứu của họ trong các phòng thí nghiệm phương Tây. Họ cũng đào tạo được hàng chục nghìn nghiên cứu sinh tiến sĩ và nghiên cứu viên sau tiến sĩ của Đại lục, những người cùng làm việc với họ trong phòng thí nghiệm.

Nhưng vào khoảng năm 2013, Trung Quốc ngừng công bố tên của những học giả cộng tác bán thời gian trong Kế hoạch Ngàn Nhân tài (TTP), đưa chương trình này đi vào hoạt động ngầm. Vào năm 2018, Chiến lược Phòng thủ Quốc gia của chính quyền Trump đã coi Trung Quốc là "đối thủ cạnh tranh chiến lược" đang tìm kiếm sự ưu việt trên toàn cầu. Cơ quan an ninh quốc gia Hoa Kỳ đã siết chặt an ninh đối với hợp tác khoa học do lo ngại trước nguy cơ chủ nghĩa khủng bố thể chỗ cho cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia.

### Đích ngắm của Sáng kiến Trung Quốc là các mối quan hệ hợp tác

"Sáng kiến Trung Quốc" do Bộ Tư pháp (DOJ) đưa ra. Dưới sự chỉ đạo của Cục Điều tra Liên bang (FBI), cơ quan này cáo buộc các sinh viên, giáo sư, nhà nghiên cứu khoa học và nhân viên thương mại người Trung Quốc là

“những người thu thập thông tin tình báo phi truyền thống”. Cơ quan này cũng cố gắng ngăn cản sự hợp tác khoa học và học thuật giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Do đó, tuyên bố của Collins được trích dẫn ở trên, như lời dự báo về quan hệ hợp tác Trung - Mỹ, đã bị xóa khỏi trang web của NIH.

Động lực cho chiến dịch này đến từ cấp cao nhất, với việc Tổng thống Trump cáo buộc hầu hết sinh viên Trung Quốc là gián điệp. Giám đốc FBI kêu gọi "toàn xã hội" phòng vệ trước cái mà ông ta tuyên bố là một cuộc tấn công "toàn xã hội" chưa từng có của Trung Quốc. Tại một phiên điều trần quốc hội vào tháng 4 năm 2018 mang tên "Học giả hay gián điệp", Hạ nghị sĩ Lamar Smith đã cáo buộc Trung Quốc cài cắm "điệp viên nằm vùng" trong các trường đại học Hoa Kỳ để đánh cắp những đột phá khoa học.

**FBI gây áp lực buộc 94 văn**

**phòng hiện trường của họ**

**tìm kiếm các gián điệp.**

### **NIH và FBI vào cuộc**

Chính quyền Trump đã áp dụng hai chiến lược. Các cơ quan tài trợ, đặc biệt là NIH, gây áp lực buộc các trường đại học và phòng thí nghiệm điều tra những nhà nghiên cứu được sinh ra ở Trung Quốc, hoặc là phải đối mặt với việc cắt giảm tài trợ. Một số trường đình chỉ giảng viên người Trung Quốc mà không có lý do chính đáng nhằm đảm bảo tiếp tục được nhận tài trợ từ NIH. Tiến sĩ Epling-Burnette, người bị sa thải khỏi một viện nghiên cứu lớn vì không tiết lộ mối quan hệ của mình với Trung Quốc, cho biết "những cơ sở này sống trong nỗi sợ hãi tuyệt đối trước NIH và lo ngại rằng, nếu họ không hành động vượt mức, NIH có thể cắt tài trợ". Các cơ quan cấp phép của Hoa Kỳ cũng siết chặt thêm những yêu cầu báo cáo đối với những tổ chức và cá nhân nhận tài trợ và có mối liên kết với nước ngoài. Tuy nhiên, vị quan chức của NIH dẫn đầu những cuộc điều tra này đã thừa nhận với tác giả rằng tổng số tiền tài trợ có khả năng bị các nhà nghiên cứu có liên quan đến Trung Quốc lạm dụng chỉ tương đương khoảng 0,5% tổng mọi khoản tài trợ mà NIH dành cho các tổ chức và cá nhân bên ngoài NIH.

Thứ hai, FBI gây áp lực buộc 94 văn phòng hiện trường của họ tìm kiếm các gián điệp. Trong một cuộc phỏng vấn, Trợ lý Bộ trưởng Tư pháp John Demers thừa nhận rằng DOJ muốn mỗi khu vực phát hiện được một hoặc hai gián điệp mỗi năm. Có thể dễ dàng đoán trước được kết quả. Trong trường hợp của Tiến sĩ Anming Hu, người bị sa thải khỏi Đại học Tennessee ở Knoxville, chính nhân viên FBI - người bắt giữ Hu vì tội làm gián điệp - đã thừa nhận rằng anh ta không có bằng chứng để chứng minh cho tuyên bố của mình.

### **Họ làm gì khi không có bằng chứng?**

FBI và DOJ, do thiếu bằng chứng, thường tìm cách buộc tội và trừng phạt vì những tội nhẹ hơn, chẳng hạn như tội nói dối FBI về việc tham gia vào những chương trình của chính phủ Trung Quốc (nói dối FBI là một tội hình sự), hoặc không tiết lộ đầy đủ cho các cơ quan cấp phép của Hoa Kỳ về mối liên hệ của mình với các tổ chức của Trung Quốc (có thể dẫn đến tội gian lận điện tử). Khi không có trợ cấp hoặc thậm chí không có việc làm, nhiều sinh viên tốt nghiệp đã trở về Trung Quốc, nơi họ thường được chào đón nồng nhiệt. Tuy nhiên, theo Rory Truex của Đại học Princeton, với khoảng 107 ngàn công dân Trung Quốc nghiên cứu về các ngành học STEM ở trình độ sau



đại học, tỷ lệ phạm tội tính đến năm 2020 ở nhóm dân số này là dưới 1/10 ngàn. Vào tháng 7 năm 2021, DOJ đã bãi bỏ các cáo buộc đối với 9 viện sĩ sinh ra ở đại lục, những người bị cáo buộc tham gia vào những hoạt động bất chính.

### **Bảo vệ môi trường khoa học mở của Hoa Kỳ**

Các hiệu trưởng của Đại học Stanford, Đại học California–Berkeley, Đại học California–Davis, Đại học California–Los Angeles, Đại học Michigan, Đại học Rice và những trường khác đã chống lại những áp lực này. Chủ tịch của MIT đồng ý trả tiền bảo vệ pháp lý cho một nhà nghiên cứu cấp cao là Chen Gang. Trường Đại học Y khoa Baylor đã không sa thải những nhân viên không thực hiện yêu cầu của NIH về việc cung cấp thông tin, vì những hành động này “không nghiêm trọng đến mức phải xử lý kỷ luật”. Nhiều người cáo buộc DOJ lập hồ sơ phạm tội trên căn cứ chủng tộc, với lập luận rằng một số chủng tộc nhất định có xu hướng phạm một số tội nhất định cao hơn chủng tộc khác - dẫn đến tỷ lệ kết án dường như xác nhận những định kiến đó. NIH và Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Quốc gia (NASA) bị cáo buộc “di chuyển các mục tiêu”, để những hành động trước đây được coi là tích cực bỗng trở thành hoạt động âm mưu. Trong bài công bố trên tạp chí Science vào tháng 7 năm 2019, Tiến sĩ Elias Zerhouni, cựu giám đốc NIH, viết: "Trong nhiều năm, các nhà hoạch định chính sách của Mỹ đã khuyến khích trao đổi và hợp tác khoa học với Trung Quốc, bao gồm cả sự hỗ trợ ngầm đối với Chương trình Ngân tài năng của Trung Quốc". Ngoài ra, ông lập luận, khi những nhà khoa học được chính phủ liên bang tài trợ đảm nhiệm các vị trí ở Trung Quốc, Hoa Kỳ đã không phản đối. Cuối cùng, "những quy tắc" mới đây được đặt ra và thực thi là vi phạm nghiêm trọng những quy định về đạo đức và sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ, đã không được nhiều tổ chức Hoa Kỳ thực hiện nghiêm túc. Ngay cả Văn phòng Giải trình của Chính phủ Hoa Kỳ, vào tháng 12 năm 2020, cũng thừa nhận rằng các mục tiêu đã được bãi bỏ.

### **Rủi ro của Sáng kiến Trung Quốc**

Sáng kiến Trung Quốc gây ra vô số rủi ro. Ở cấp độ cá nhân, cuộc sống trở nên vô cùng khó chịu đối với những nhà khoa học và học giả sinh ra ở đại lục đang làm việc tại Hoa Kỳ, nhiều người trong số họ yêu mến nền văn hóa khoa học cởi mở của Hoa Kỳ. Thứ hai, năng suất của họ đã đưa Trung Quốc trở thành đối tác cộng tác lớn nhất của Mỹ kể từ năm 2011. Trên thực tế, xét theo số lượng những bài báo được đăng trên những tạp chí có tác động lớn, chẳng hạn như Nature hoặc Science, Trung Quốc có tỷ lệ chia sẻ nghiên cứu của họ với Hoa Kỳ cao hơn nhiều so với chiều ngược lại. Tuy nhiên, tỷ lệ chia sẻ nghiên cứu công nghệ cao của Hoa Kỳ với Trung Quốc đã liên tục tăng trong 10 năm qua, trong khi tỷ lệ công nghệ cao được tạo ra ở Trung Quốc được chia sẻ với Hoa Kỳ tương đối ổn định. Thứ ba, hầu hết những người được trao giải thưởng TTP (The Technology Partnership) ở Hoa Kỳ đều nằm trong số những nhà nghiên cứu người Trung Quốc giỏi nhất trên thế giới, vì vậy Hoa Kỳ sẽ mất một phần đáng kể sức mạnh nghiên cứu của mình

nếu nhóm này bị đuổi về Trung Quốc. Thứ tư, nếu sinh viên STEM, do bị ngăn đến Hoa Kỳ, sẽ chuyển hướng sang châu Âu hoặc Nhật Bản, nhiều khả năng họ sẽ trở về Trung Quốc hơn là làm việc cho các công ty hoặc trường đại học Hoa Kỳ. Thứ năm, quan hệ hợp tác nghiên cứu với một quốc gia hàng đầu về nghiên cứu ung thư - có thể chấm dứt. Cuối cùng, theo ProPublica, những cuộc điều tra và truy tố các nhà khoa học vì không tiết lộ thông tin - một hành vi trước đây thường được coi là vi phạm nhỏ và chỉ bị xử lý trong các trường đại học - lại "giúp Trung Quốc đạt được mục tiêu lâu dài là thu hút những tài năng khoa học hàng đầu".

Những gì nên làm? Viết trên tờ Bulletin of the Atomic Sciences năm 2014 về chủ đề mở cửa khoa học khác với an ninh quốc gia, Krige trích dẫn một báo cáo của chính phủ Hoa Kỳ năm 2007 lập luận rằng chính sách an ninh hợp lý duy nhất là chỉ bảo vệ những tri thức nhạy cảm nhất bằng cách xây những bức tường cao xung quanh những mảnh vườn nhỏ, hơn là cố gắng xây những bức tường danh nghĩa quanh những cánh đồng rộng lớn. Do đó, Bộ Năng lượng, cơ quan chịu trách nhiệm về chương trình hạt nhân của Hoa Kỳ, đã không khôn ngoan khi để 9 nhà nghiên cứu Trung Quốc sinh ra ở đại lục, là người của bộ này - tham gia TTP. Mặt khác, chính quyền Biden cần thận trọng trong việc theo đuổi những chính sách làm suy yếu sự hợp tác toàn cầu và sự tiến bộ của nghiên cứu khoa học và học thuật.

## Hệ sinh thái học thuật và hợp tác nghiên cứu toàn cầu: Rủi ro và địa chính trị

**Mark S. Johnson**

*Mark S. Johnson là Giảng viên tại Trường Giáo dục, Đại học Wisconsin – Madison, Hoa Kỳ và là Chuyên gia Chính sách Fulbright (2019–2023). Email: mark.s.johnson@wisc.edu.*

**Đ**ại dịch COVID-19 chắc chắn sẽ được coi là một thời điểm chuyển đổi trong các tiến trình đương đại của toàn cầu hóa tân tự do. Hoặc những cường quốc lớn và cộng đồng quốc tế sẽ xích lại gần nhau trong sự hợp tác để giải quyết những vấn đề sức khỏe cộng đồng, nghiên cứu y sinh học, chia sẻ và phân phối những công nghệ vắc-xin mới; và đại dịch cũng như sự gián đoạn kinh tế vì đại dịch sẽ giảm bớt. Hoặc hệ thống quốc tế sẽ bị chia rẽ bởi những đường đứt gãy đó, và những biến thể mới sẽ tiếp tục biến đổi và lan rộng - với những hậu quả ngày càng nghiêm trọng về kinh tế và chính trị.

### **Triển vọng toàn cầu và lập kế hoạch kịch bản cho hậu quả của COVID-19**

Cứ bốn năm một lần, vào thời gian được ấn định trước để thông báo về sự khởi đầu của một chính quyền mới, Văn phòng Giám đốc Tình báo Quốc gia (DNI) Hoa Kỳ và Hội đồng Tình báo Quốc gia tham gia vào việc hoạch định kịch bản cho chính sách an ninh quốc gia của Hoa Kỳ nhằm đối phó với những diễn biến toàn cầu được dự đoán. Vào tháng 3 năm 2021, báo cáo mới

**Tóm tắt**

Đại dịch COVID-19 đã làm sáng tỏ và làm trầm trọng thêm những vết nứt do áp lực trong các hệ thống giáo dục đại học quốc gia, cũng như những rủi ro đang nổi lên trong hệ sinh thái lớn hơn của hợp tác nghiên cứu và giáo dục đại học quốc tế. Những rủi ro xung đột địa chính trị và chính sách dân tộc chủ nghĩa này có thể tương tác để tạo ra những luồng phản kháng mạnh mẽ đối với sự dịch chuyển quốc tế của sinh viên và học giả và ngoại giao tri thức. Những rào cản gia tăng như vậy, đến lượt chúng, có thể dập tắt bất kỳ hy vọng có ý nghĩa nào trong việc giải quyết những trường hợp khẩn cấp toàn cầu đang ngày càng rối loạn.

nhất được phát hành với tên gọi "Xu hướng toàn cầu 2040: Thế giới có nhiều tranh chấp hơn" (Văn phòng Giám đốc Tình báo Quốc gia). Báo cáo đã phân tích "sự không chắc chắn ngày càng lan rộng" do đại dịch gây ra, cũng như những thay đổi sâu sắc về nhân khẩu học, môi trường, kinh tế và công nghệ có thể dẫn đến "sự mất cân bằng" trên toàn cầu. Những rủi ro bao gồm đại dịch mới, tác động xấu của khí hậu, khủng hoảng tài chính và nợ, di cư hàng loạt, tấn công mạng và bất bình đẳng xã hội ngày càng trầm trọng.

Báo cáo tình báo năm 2021 đưa ra năm kịch bản tương lai của thế giới cho đến năm 2040 và xa hơn, bao gồm: "thời kỳ phục hưng của các nền dân chủ" (dẫn đầu bởi một Hoa Kỳ đã hồi sinh, nếu quốc gia này có thể bắt đầu một quá trình đổi mới trong nước đầy tham vọng, có chính sách nhập cư mới, cải thiện gắn kết xã hội và bình đẳng hơn); "một thế giới trôi dạt" (đặc biệt không có sự lãnh đạo của Hoa Kỳ trong các tổ chức quốc tế và được đánh dấu bằng việc phó mặc các cuộc khủng hoảng chung); "cùng tồn tại cạnh tranh" (trong đó cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc, cũng như những thách thức toàn cầu chung - ít nhiều được quản lý thành công, nếu không nói là một cách tối ưu); "các khối tách biệt" (trong đó hệ thống thế giới phân mảnh thành những khối bán chức năng, nhưng tự trị về kinh tế và an ninh; nhưng trong đó những quốc gia đang phát triển và người nghèo toàn cầu bị bỏ lại phía sau ngày càng xa); và kịch bản đáng ngại nhất, "thảm kịch và tổng động viên" (trong đó một loạt những thảm họa về khí hậu và lương thực tạo nên sự hợp tác toàn cầu một cách tuyệt vọng, đặc biệt là hợp tác xuyên Á - Âu và châu Phi). Trong tất cả những viễn cảnh này, Hoa Kỳ sẽ đóng một vai trò thiết yếu - hoặc thông qua đổi mới và lãnh đạo, hoặc từ chối và rút lui.

**Vai trò quan trọng của hợp tác giáo dục đại học và nghiên cứu quốc tế trong thích ứng toàn cầu**

Nhìn lại khoảng thời gian 20 hoặc 30 năm qua, có thể coi là đã xuất hiện những tiền đề lạc quan ở trọng tâm của hầu hết những lý thuyết hàng đầu về toàn cầu hóa tân tự do trong khu vực giáo dục đại học: lợi ích tự thân và việc theo đuổi có cân nhắc những mục tiêu thương mại và "lợi thế thị trường" - sẽ nghiêng về những chính sách hợp tác và biên giới mở, và việc đa dạng hóa các nhà cung cấp sẽ mở rộng đối tượng tiếp cận, cơ hội và công bằng. Trong những kịch bản đầy hy vọng này, mọi cường quốc, khi theo đuổi lợi ích của mình, sẽ tiếp tục cho phép tăng cường hơn nữa dịch chuyển học thuật toàn cầu và tích hợp các nền kinh tế và hệ thống nghiên cứu của họ. Thậm chí xuất hiện nhiều hơn những lý thuyết phản biện nhấn mạnh đến lợi ích bá quyền của các tập đoàn và các "lãnh đạo thị trường" Anh - Mỹ; những lý thuyết này cho rằng hệ thống toàn cầu hiện tại về cơ bản là ổn định và hoạt động tốt, ít nhất là đối với những thể chế hàng đầu. Tương tự như vậy, những tài liệu về quốc tế hóa đề cao tiện ích trí tuệ và tài chính của nó, nhưng có lẽ đã dành quá ít sự chú ý đến địa chính trị và rủi ro hệ thống.

Nhấn mạnh đến sự cần thiết cơ bản của việc thích ứng và khả năng phục hồi, báo cáo DNI/NIC năm 2021 kết luận rằng: "Những quốc gia hiệu quả nhất là những quốc gia có thể xây dựng sự đồng thuận của xã hội và sự tin tưởng vào những hành động tập thể nhằm thích ứng và khai thác chuyên môn

liên quan, năng lực và mối quan hệ của những thành phần không thuộc nhà nước để bổ sung cho năng lực của nhà nước”. Nói cách khác, ngành giáo dục đại học nói chung cũng như các nhà lãnh đạo tổ chức, các nhà nghiên cứu, các học giả và sinh viên đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong bất kỳ tình huống tích cực nào. Hoặc là sự hợp tác toàn cầu của các nhà giáo dục và sinh viên có thể giúp dẫn dắt và định hình những quá trình hội nhập và đổi mới đa văn hóa này thông qua tinh thần trách nhiệm trước xã hội, ngoại giao tri thức có nguyên tắc và tính bền vững. Hoặc những cú sốc chính trị và sự xáo trộn này có thể chặn đứng hoạt động dịch chuyển học thuật toàn cầu, làm gián đoạn hoặc cản trở hợp tác đa quốc gia; các quốc gia và các khối riêng biệt sẽ phải tự chống đỡ trong một hệ thống thế giới ngày càng rối loạn, trong bối cảnh các hệ sinh thái sụp đổ và đa dạng sinh học suy giảm nhanh chóng.

### **Công nghệ mới, địa chính trị và chủ nghĩa dân tộc quốc gia: Nguy cơ loại trừ và chính sách phòng vệ hóa**

Tuy nhiên, đồng tình với những kịch bản nghiêm trọng từ báo cáo Xu hướng toàn cầu, tác giả cho rằng trên thực tế, có rất nhiều lỗi mới xuất hiện và những rủi ro hệ thống sâu sắc trong các hệ thống đại học đương đại, cũng như trong hệ sinh thái lớn hơn của giáo dục đại học quốc tế. “Cuộc khủng hoảng thế giới” đa chiều này có thể phá vỡ hoặc làm sụp đổ sự đồng thuận về chính sách tân tự do, hạn chế hoặc chặn đứng du học toàn cầu và ngăn cản sự hợp tác nghiên cứu đang cực kỳ cần thiết. Có nhiều rủi ro mới xuất hiện và cấp tính đe dọa sự hợp tác và ngoại giao tri thức các bên cùng có lợi.

Thứ nhất, ý đồ thiết lập một chế độ toàn cầu mới để quản lý Internet rõ ràng đã thất bại, điều này góp phần vào việc “vũ khí hóa” phương tiện truyền thông xã hội, tạo ra sự phân mảnh Internet (dưới danh nghĩa “chủ quyền Internet”) và gây ra những vụ bê bối xung quanh sự thâm nhập của các chính phủ vào các nền tảng kỹ thuật số và sự xói mòn của những biện pháp bảo vệ quyền riêng tư.

Thứ hai, thất bại tương tự cũng xảy ra với việc thống nhất những tiêu chuẩn đạo đức và quy định khác cho những công nghệ “thế hệ tiếp theo” đang phát triển nhanh chóng như Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật, robot và tự động hóa, và sinh học tổng hợp. Đáng ngại nhất, những công nghệ như vậy cũng đang nhanh chóng định hình lại các ngành công nghiệp quốc phòng, và đến lượt ngành công nghiệp củng cố chương trình nghị sự chính sách về loại trừ và chính sách phòng vệ hóa. Những chế độ thương mại toàn cầu và chuỗi cung ứng đằng sau những công nghệ đột phá này cũng bị mất ổn định bởi đại dịch và hậu quả của đại dịch, và sẽ chịu thêm những cú sốc khi AI và tự động hóa tiếp tục quét qua nền kinh tế thế giới - điều này sẽ tiếp tục phá vỡ thị trường lao động và chính trị bầu cử quốc gia.

Thứ ba, sự gia tăng của chủ nghĩa dân tộc quốc gia và chủ nghĩa dân túy giả tạo tại các cường quốc có nguy cơ dẫn đến những hạn chế mới đối với di cư có tay nghề cao và dòng sinh viên quốc tế, cùng với việc tăng cường giám sát những nghiên cứu đa quốc gia và quan hệ đối tác đại học.

*Sự cạnh tranh giữa các cường quốc đã dẫn đến những tình huống khi mà các dịch vụ an ninh và tình báo quốc gia thâm nhập, hoặc ít nhất là giám sát những chương trình trao đổi và hợp tác học thuật.*

Và cuối cùng, không thể phủ nhận rằng sự cạnh tranh giữa các cường quốc đã dẫn đến những tình huống khi mà những dịch vụ an ninh và tình báo quốc gia thâm nhập, hoặc ít nhất là giám sát những chương trình trao đổi và hợp tác học thuật, hoặc trực xuất một số nhà tài trợ và tổ chức viện trợ. Những can thiệp như vậy đe dọa tự do học thuật và tính hợp pháp, tính toàn vẹn được thừa nhận của các chương trình thị thực sinh viên, học bổng do nhà nước tài trợ và nghiên cứu hợp tác.

Bất kỳ vấn đề nào trong số đó đều có thể tạo ra một “dòng chảy địa chiến lược” đối kháng mạnh mẽ với những động lực dịch chuyển đã được thiết lập, và nếu tất cả chúng cùng xấu đi và tương tác với nhau, tình huống này có thể gây ra một cuộc khủng hoảng hệ thống leo thang trong giáo dục đại học và hợp tác nghiên cứu. Hậu quả là, những rào cản như vậy sẽ dập tắt bất kỳ hy vọng có ý nghĩa nào về việc giải quyết những tình huống khẩn cấp toàn cầu đang thúc đẩy sự loại trừ và chính sách phòng vệ hóa.

#### Tóm tắt

Khi cuộc khủng hoảng y tế toàn cầu cản trở việc đi lại giữa các quốc gia khiến các trường đại học trên thực tế bị cô lập và trở nên xa xôi, các nhà nghiên cứu cần cân nhắc những cách thức khác để định nghĩa lại và khái quát hóa quốc tế hóa, hơn là chỉ tập trung vào sự dịch chuyển học thuật. Học hỏi từ “những trường hợp bất thường” của quốc tế hóa - tức là, những cơ sở vẫn bị coi là xa xôi từ trước khi xảy ra khủng hoảng - là cách thức duy nhất để không chỉ chú trọng vào dịch chuyển học thuật, và thúc đẩy quốc tế hóa phát triển bền vững và toàn diện hơn.

## Quốc tế hóa trong sự cô lập: Tác động của COVID-19

**Daniela Crăciun và Ariane de Gayardon**

*Daniela Crăciun và Ariane de Gayardon là Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Giáo dục Đại học (CHEPS), Đại học Twente, Hà Lan. Email: d.craciun@utwente.nl và a.degayardon@utwente.nl. Crăciun và Gayardon sẽ tiếp tục nghiên cứu những chủ đề này nhờ vào tài trợ từ Spencer Foundation.*

Quốc tế hóa luôn được coi là một thuật ngữ chung bao trùm bất kỳ và mọi quá trình tích hợp khía cạnh quốc tế vào mục đích, chức năng và hoạt động của giáo dục đại học với hy vọng đạt được những mục tiêu giáo dục, xã hội, kinh tế và chính trị. Tuy nhiên, dịch chuyển quốc tế từ lâu đã chiếm ưu thế là cơ chế nổi bật nhất thúc đẩy quá trình quốc tế hóa, và do đó, là cơ chế được nghiên cứu nhiều nhất. Khi đại dịch COVID-19 khiến mọi cơ hội dịch chuyển bị cản trở, bao gồm cả dịch chuyển học thuật - câu nói của Sancho Panza trong cuốn tiểu thuyết Don Quixote năm 1615 của Cervantes trở nên thích hợp hơn bao giờ hết: “Đừng bỏ tất cả trứng (của bạn) vào một giỏ”.

Vấn đề càng tệ hơn vì du học/trao đổi học thuật quốc tế chưa bao giờ là loại hình hoạt động lý tưởng. Đây không phải một quá trình toàn diện, vì chỉ một số ít sinh viên và giảng viên có đủ điều kiện và nguồn lực để tham gia. Do đó, nó loại trừ một loạt những cơ sở có ít sinh viên và giảng viên quốc tế. Kết quả là, dịch chuyển học thuật tạo ra sự phân tầng các trường đại học trên cơ sở sức hấp dẫn của trường đối với du học sinh và giảng viên quốc tế, tạo ưu thế cho những trường đại học chuyên sâu về nghiên cứu, tuân theo “không gian tri thức” và phân chia các quốc gia theo đường lối chính sách ngôn ngữ. Nó cũng tạo ra đặc quyền cho những nền kinh tế phát triển và mạng lưới những thành phố toàn cầu tập trung tri thức. Do đó, tập trung vào hoạt động dịch chuyển học thuật như thành phần cốt lõi của quốc tế hóa không phải là

lý tưởng. Điều này đã tạo ra và tiếp tục duy trì một hệ thống tinh hoa, bất bình đẳng được vận hành theo những nguyên tắc kinh tế và bỏ qua phần lớn sinh viên, giảng viên và các tổ chức.

### **Không nên lãng phí một cuộc khủng hoảng tốt**

Khi đại dịch toàn cầu được công bố vào tháng 3 năm 2020, Altbach và de Wit đã gọi COVID-19 là “cuộc cách mạng quốc tế hóa không trở thành hiện thực”. Một năm rưỡi sau, dự đoán của họ rằng cuộc khủng hoảng Corona sẽ không mang lại những chuyển đổi mạnh mẽ trong trung hạn cho giáo dục đại học - đã được xác nhận. Chính phủ và các trường đại học về cơ bản vẫn đang chờ nó qua đi. Nhưng, như Winston Churchill đã nói, chúng ta không nên lãng phí một cuộc khủng hoảng tốt.

Ở một mức độ nào đó, khi việc di chuyển giữa các quốc gia bị hạn chế, nhiều tổ chức đã gạt hoạt động quốc tế hóa xuống hàng thứ yếu. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng COVID-19 là cơ hội hoàn hảo để xem xét lại quốc tế hóa trong điều kiện không được phép đi lại, để thiết kế những hoạt động và xem xét lại chương trình giảng dạy để cho phép quốc tế hóa giáo dục ngay trong các cơ sở nội địa - tức là quốc tế hóa tại chỗ. Cuộc khủng hoảng này cũng là thời điểm thích hợp hoàn hảo để suy nghĩ về việc gia tăng những kết nối ảo khi xây dựng những dự án nghiên cứu quốc tế, với cơ hội vươn ra mọi nơi trên thế giới. Tuy nhiên, không việc nào trong số đó đã diễn ra một cách có hệ thống.

Một khái niệm mà đại dịch đã tác động đến là định nghĩa “vùng xa xôi”. Oxford Languages phát hiện ra rằng, vào năm 2019, tính từ “xa xôi” chủ yếu gắn với làng, đảo hoặc một địa điểm. Vào năm 2020, nó thường được sử dụng khi đề cập đến việc học tập, làm việc, lực lượng lao động và việc hướng dẫn - cho thấy ý nghĩa của từ “xa xôi” đã trở nên khái quát hơn. Điều này cũng đúng trong giáo dục đại học: tất cả các trường đại học đều trở thành vùng sâu vùng xa vào năm 2020.

Trong nỗ lực đề xuất hướng đi mới cho quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học nhằm chống đỡ trước những cú sốc từ bên ngoài, chúng tôi khuyến cáo dành nhiều sự chú ý hơn đến chiến lược quốc tế hóa của các trường đại học vốn đã là vùng sâu vùng xa từ trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng y tế toàn cầu. Những tổ chức này từ trước đến nay phải vận hành mà hầu như không có bất kỳ hoạt động trao đổi học thuật nào và phải sáng tạo ra những chính sách và chiến lược quốc tế hóa khác nhau. Học hỏi từ “những trường hợp bất thường” này là cơ hội duy nhất để không chú trọng duy nhất vào dịch chuyển học thuật, và thúc đẩy việc thực hiện quốc tế hóa bền vững và toàn diện hơn.

### **Chúng ta có thể học được gì từ “những trường hợp bất thường”?**

Có rất ít tài liệu bàn luận cụ thể về những hoạt động quốc tế hóa không cần dịch chuyển trong bối cảnh bị cô lập/xa xôi, nhưng những tài liệu hiện có lại đầy hứa hẹn. Những nghiên cứu điển hình từ châu Phi cận Sahara, vùng nông thôn Nam Phi, vùng Balkan và Siberia chứng thực cho tuyên bố rằng những trường đại học ở những khu vực này theo đuổi quốc tế hóa một cách có cân nhắc, tập trung vào sự hợp tác giữa các trường và thiết lập một hồ sơ

*Dịch chuyển học thuật tạo*

*ra sự phân tầng các trường*

*đại học trên cơ sở sức hấp*

*dẫn của trường đối với*

*du học sinh và giảng viên*

*quốc tế.*

quốc tế độc đáo. Ví dụ các trường đại học ở Siberia tìm cách tăng cường khả năng hiện diện quốc tế của họ bằng cách nhấn mạnh, thay vì che giấu, vị trí độc đáo của họ. Sử dụng hệ sinh thái quý hiếm của họ làm lợi thế cạnh tranh, các trường đại học ở Siberia quảng bá bản thân trên trường quốc tế thông qua nghiên cứu về môi trường và tính bền vững, giải quyết những thách thức khí hậu toàn cầu.

Trong khi môi trường thể chế thuận lợi là chìa khóa để phát triển những chiến lược và thực hành quốc tế hóa như vậy, chính sách quốc gia cũng đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng hoạt động quốc tế hóa của những trường đại học này. Ở cấp độ quốc gia, quốc tế hóa trong điều kiện cô lập liên quan đến những mục tiêu xã hội và học thuật, không chỉ những mục tiêu kinh tế. Ví dụ, quốc đảo Mauritius đã thành công trong việc sử dụng quốc tế hóa để tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục đại học.

Để đạt được điều này, Mauritius đã áp dụng những quy định khuyến khích các trường đại học quốc tế cung cấp giáo dục đại học tại địa phương, và xây dựng một khuôn khổ để đảm bảo chất lượng của những chương trình và bằng cấp được cung cấp. Những nghiên cứu sâu hơn được giới thiệu tại hội nghị của Hiệp hội Nghiên cứu về Giáo dục Đại học (Society for Research into Higher Education - SRHE) về giáo dục đại học trên những hòn đảo nhỏ - đã nhấn mạnh đến việc những thách thức của vị trí địa lý dẫn đến những thực tiễn đổi mới. Ngược lại, những giải pháp này cũng thách thức về địa lý và thực tiễn quy chuẩn của khuôn khổ trung tâm - ngoại vi, một điều cần được xem xét đến trong những nghiên cứu về quốc tế hóa trên quy mô toàn cầu.

Những kinh nghiệm này khuyến khích chúng ta quốc tế hóa "phi trung tâm". Như những ví dụ ở trên cho thấy, khi nói đến quốc tế hóa, những trường ở khu vực ngoại vi không phải luôn luôn là con mồi của chủ nghĩa đồng hình sao chép, quy chuẩn hay cưỡng ép. Do điều kiện đặc biệt của mình, họ phải thiết kế những chiến lược quốc tế hóa có tính toán và sáng tạo, mà nếu được nghiên cứu kỹ, có thể trở thành tiêu chuẩn trong giáo dục đại học. Ngược lại, những trường ở trung tâm phải đối mặt với sự thiếu bền vững của tính di động học thuật và có thể (sẽ) bị đẩy ra ngoại vi của việc nghiên cứu và thực hành quốc tế hóa.

### **Quốc tế hóa trong sự cô lập: Chương trình nghiên cứu**

Điều chúng ta cần lúc này là một chương trình nghiên cứu cung cấp sự đánh giá thực sự toàn cầu về những chiến lược quốc tế hóa trong những trường đại học ở vùng xa hoặc vùng bị cô lập. Vượt ra khỏi những "trường hợp thông thường" về quốc tế hóa để xem xét kinh nghiệm của những trường đại học ở vùng bị cô lập sẽ giúp làm phong phú thêm hiểu biết của chúng ta về cách thực hiện quốc tế hóa không cần duy trì những chiến lược tinh hoa. Chương trình nghiên cứu có thể phát hiện ra những thực tiễn mang lại lợi ích cho một loạt các bên liên quan đến giáo dục đại học, đồng thời làm giảm nhẹ những tổn thương trước những cú sốc từ bên ngoài. Một chương trình nghiên cứu toàn diện về quốc tế hóa, tận dụng lợi thế và nhận thức được sự thiếu bền vững của tính di động - vẫn có thể biến cuộc khủng hoảng COVID-19 thành một "cuộc cách mạng quốc tế hóa thực sự".

## COVID-19 và giáo dục đại học tư thục

Daniel C. Levy

*Daniel C. Levy là Giáo sư danh dự của SUNY, Khoa Chính sách Giáo dục và Lãnh đạo, Đại học Albany, Hoa Kỳ. Email: dlevy@albany.edu. Chương trình Nghiên cứu Giáo dục Đại học Tư thục (PROPHE) thường xuyên đóng góp các bài viết cho IHE.*

Đa số nghiên cứu về COVID-19 trong giáo dục đại học chỉ xem xét giáo dục đại học một cách chung chung, nhưng cũng có những nghiên cứu nhận ra và thậm chí còn so sánh những hiện tượng trong giáo dục đại học (ví dụ chính sách của địa phương trong một quốc gia). Giữa giáo dục đại học tư thục và công lập chắc chắn có sự tương phản nổi bật đáng chú ý. Tuy nhiên, giáo dục đại học tư thục (private higher education - PHE) cận biên có thể đã xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới từ nửa thế kỷ trước đây, hiện nay nổi bật lên trong mọi khu vực toàn cầu và chiếm một phần ba tổng số tuyển sinh toàn cầu.

### Bối cảnh

Ở đây, chúng tôi đề cập đến những điểm tương đồng và khác biệt đáng chú ý trong chính sách của giáo dục đại học công lập và tư thục nhằm đối phó với COVID-19 và ảnh hưởng của nó, đồng thời cũng so sánh giữa những thành phần khác nhau bên trong PHE. Chúng tôi dựa trên phân tích sơ bộ của 14 quốc gia, và sau đó theo dõi trên toàn cầu. Mặc dù có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia, chúng tôi vẫn nhận ra những hình mẫu toàn cầu, khá nhất quán với những phát hiện chung trong những nghiên cứu cụ thể về PHE, về sự khác biệt giữa công lập và tư thục, và sự khác biệt bên trong PHE.

### Chính sách

Câu hỏi ai là người đưa ra chính sách COVID-19 minh họa cho sự xuất hiện của những hình mẫu chung. Chính phủ can thiệp sâu và mạnh mẽ hơn đối với khu vực công (so với khu vực tư nhân), và chính phủ có xu hướng đưa ra chính sách khá thống nhất cho toàn bộ khu vực công. Các chủ thể tư nhân có nhiều tiếng nói hơn trong việc hoạch định chính sách COVID-19 trong khu vực tư nhân, và bởi vì các chủ sở hữu là gia đình, doanh nghiệp, nhà thờ ... phần lớn chỉ điều hành cơ sở riêng của họ, nên việc hoạch định chính sách COVID-19 trong khu vực tư nhân được phân cấp và khác biệt nhiều hơn, thường ở cấp trường. Việc xem xét kỹ hơn vai trò của chính phủ cũng cho thấy một số hình mẫu kém rõ ràng hơn. Một là, với mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng COVID-19 đối với sức khỏe cộng đồng và kinh tế, chính sách của chính phủ thiên về kiểm soát nhiều hơn đối với cả hai khu vực giáo dục đại học. Trong khu vực công, đại diện giảng viên và sinh viên ít tham gia trực tiếp vào việc hoạch định chính sách (COVID-19) hơn so với những chính sách khác. Đối với khu vực tư nhân, sự kiểm soát cực đoan nhất của chính phủ chỉ đến mức xem các cơ sở đào tạo có đóng cửa hay không. Chắc chắn, những chính thể có bản chất can thiệp sẽ không ngần ngại áp đặt yêu cầu của họ lên chính sách COVID-19 của PHE, ví dụ

### Tóm tắt

Những khác biệt và tương đồng rõ rệt giữa giáo dục đại học tư thục và công lập trong các chính sách và ảnh hưởng của COVID-19 đang lộ diện. Giữa những thành phần khác nhau của khu vực tư nhân cũng tương tự như vậy. Mặc dù những cơ sở tư thục mức trung bình có thể phải đối mặt với rủi ro cao vì ảnh hưởng của COVID-19, và những cơ sở thu hút đông sinh viên được dự báo là có nguy cơ cao nhất, trong thời kỳ dịch bệnh vẫn có những yếu tố bù đắp, bao gồm cả những lợi thế nhất định liên quan đến chính sách tự chủ và sự linh hoạt của khu vực tư nhân.



yêu cầu các cơ sở tư thục phải trả lại các khoản phí nào cho sinh viên khi các lớp học không diễn ra trực tiếp. Trung Quốc nằm trong số những quốc gia cấm thu trước tiền ký túc xá, tiền ăn và buộc các cơ sở tư thục hoàn trả hai khoản thu này theo tỷ lệ đối với kỳ Xuân 2020.

Tuy nhiên, thông thường, các chính phủ không chỉ đạo khu vực tư nhân nhiều như khu vực công, vẫn cho phép các cơ sở tư thục tự đưa ra những quyết định khác dựa trên đánh giá của họ về tài chính, sức khỏe và sự phù hợp, như ở Nhật Bản. Các trường tư thục trên thế giới đôi khi chọn cách vẫn mở cửa hoặc vẫn dạy và học trực tiếp, trong khi các trường công lập đóng cửa hoặc chỉ đào tạo trực tuyến. Trong khi đó, mặc dù sinh viên và gia đình họ trông cậy vào sự cứu trợ từ cả chính phủ và các trường đại học, dĩ nhiên áp lực trong mỗi khu vực là khác nhau, trong khu vực công lập chính phủ chịu nhiều áp lực hơn, còn trong khu vực tư nhân là các cơ sở đào tạo.

Do có sự phân quyền lớn hơn trong quá trình hoạch định chính sách, PHE nhiều lần chứng tỏ linh hoạt hơn trong việc đối phó với COVID-19. Những phản ứng về mặt chính sách của khu vực công bị hạn chế nhiều hơn bởi luật công vụ, quyền công đoàn và bởi quy tắc rằng mọi việc thực hiện ở bất kỳ nơi nào trong khu vực công đều phải được tiêu chuẩn hóa và bình đẳng trong toàn khu vực. Có lẽ đây là điều trái ngược hoàn toàn với các trường tư thục bán tinh hoa (tinh hoa cấp quốc gia, không phải cấp quốc tế), vì đặc trưng của những trường này là có kỹ năng quản lý chuyên nghiệp cùng với quyền quản trị phân cấp; cả hai yếu tố này cho phép họ hành động nhanh chóng, kể cả những hành động khác thường. Tuy nhiên, ngay cả những PHE “thu hút đông sinh viên”, không thuộc loại tinh hoa, cũng nhiều lần cho thấy sự linh hoạt trong phản ứng với COVID-19. Một lần nữa, hình thức quản trị phân cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh học phí và hạn ngạch tuyển sinh phù hợp với nhu cầu của tổ chức, và thực tế nhiều lần đã chứng minh rằng các trường tư thục dễ dàng chuyển sang học trực tuyến hơn so với các trường công lập.

Thực tế là những trường đại học thu hút đông sinh viên có một số lợi thế về tính linh hoạt so với các trường đại học tôn giáo hoặc trường đại học bán tinh hoa: Giảng viên của họ phần lớn là bán thời gian, nên dễ bị loại bỏ hơn, hoặc vĩnh viễn hoặc tạm thời; những chương trình đào tạo tuyển được ít sinh viên cũng tương tự, trong khi các phòng thí nghiệm, khu học xá, và cơ sở hạ tầng thường thừa thớt, như vậy có thể giảm bớt gánh nặng chi phí. Đôi khi, thứ hạng học thuật thấp của các trường tư thục không tinh hoa lại có nghĩa là họ đã có những chương trình đào tạo trực tuyến từ trước khi xảy ra COVID-19, một bước khởi đầu để đối phó với COVID-19. Ngay cả ở Hoa Kỳ, nơi mà sự khác biệt giữa giáo dục đại học công lập và tư thục nói chung ít rõ rệt hơn nhiều so với nơi khác, sự linh hoạt hơn của PHE về cả doanh thu lẫn chi phí cũng rất đáng chú ý.

### **Ảnh hưởng**

Vì sao những lời tiên tri Cassandra (hoặc đôi khi là niềm hân hoan không thể kiểm chế!) về sự sụp đổ hàng loạt của PHE, hoặc ít nhất là phần không tinh hoa của nó, thường không thành hiện thực? Tính linh hoạt trong hoạch định chính sách của khu vực tư thục như vừa nêu trên là một lý do.

Một lý do khác nữa là nền kinh tế suy thoái có ít việc làm hơn khiến nhiều người lao động đăng ký theo học đại học, trong cả những trường tư thục trực tuyến và không tinh hoa. Mặc dù kinh tế suy thoái làm sụt giảm ngân sách chính phủ dành cho giáo dục đại học, khu vực PHE ít bị cắt giảm hơn nhiều, do PHE ít phụ thuộc vào trợ cấp của chính phủ; nếu ngân sách công tiếp tục bị cắt giảm, điều này có thể làm tổn hại tới chất lượng của đại học công lập và gây ra tình trạng rối loạn đến mức các gia đình sẽ bỏ chạy sang các trường đại học tư thục và đại học tôn giáo.

Trong khi đó, không khó để nhận ra rằng du học quốc tế giảm sút lại tạo ra nguồn sinh viên mới cho các trường tư thục nội địa bán tinh hoa - vẫn được coi là mô hình thu nhỏ của trải nghiệm định hướng Hoa Kỳ hoặc định hướng phương Tây, với vị thế học thuật và xã hội mà những người có đủ khả năng tài chính hướng đến khi đi du học nước ngoài, và họ có thừa khả năng chi trả tại quê nhà (ví dụ như ở Việt Nam). Mặt khác, thực trạng hiện nay của du học quốc tế cũng nhắc nhở chúng ta về mức độ thiệt hại trầm trọng do COVID-19 gây ra đối với cả hai khu vực: các trường đại học tư thục bán tinh hoa và các trường đại học công lập hàng đầu đều bị thiệt hại bởi sự thu hẹp dòng du học sinh từ những nước kém phát triển hơn. Vì thế Nhật Bản nhận thấy việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên quốc tế cũng như sinh viên trong nước - bất kể của trường tư thục hay công lập - là phù hợp. Thực trạng du học nước ngoài cũng cho thấy mức độ ảnh hưởng của COVID-19 đối với từng quốc gia cụ thể, ví dụ, PHE của Pháp đặc biệt phụ thuộc vào sinh viên quốc tế.

Bất chấp những khác biệt, việc phân tích sớm tác động của COVID-19 cũng có một bài học rõ ràng được đúc kết từ những nghiên cứu tích lũy về PHE: Những trường thu hút đông sinh viên dễ bị tổn thương nhất mỗi khi nhu cầu giáo dục đại học nói chung giảm bớt hoặc suy yếu. Đó là những cơ sở đào tạo chỉ cung cấp vị thế và chất lượng học thuật thấp trong khi vẫn dễ dàng thu học phí cao hơn mức phí của các cơ sở công lập. Đánh giá tổng quát về COVID-19 (đúng đối với mọi lĩnh vực) cho thấy tác động tiêu cực trong giáo dục đại học chủ yếu rơi vào nhóm sinh viên có thu nhập thấp, và thể hiện đặc biệt rõ nét trong những trường đông sinh viên ở những quốc gia có thu nhập thấp. Khác biệt lớn nhất và khá phổ biến giữa giáo dục tư thục và công lập là mức học phí, nên không có gì ngạc nhiên khi, trong giai đoạn COVID-19, điều này gây tác động khác biệt rất lớn đối với PHE nói chung và đối với những PHE thu hút đông sinh viên nói riêng, như ở Ấn Độ. Khách hàng thường không vượt qua được những khó khăn tài chính và không thể trả học phí. Và dĩ nhiên, PHE phải gánh chịu thiệt hại khi những gia đình, doanh nghiệp, hoặc nhà thờ là chủ sở hữu của trường bị thiệt hại. Thiệt hại đặc biệt nặng nề khi PHE chỉ được hỗ trợ rất ít từ những chương trình cứu trợ của chính phủ so với giáo dục đại học công lập (mặc dù một số trường tư thục nhận được tiền từ những chương trình giải cứu doanh nghiệp của chính phủ). Trong trường hợp cả hai khu vực được viện trợ khẩn cấp, thì đôi khi khu vực tư nhân sớm bị chấm dứt viện trợ hơn.

Còn quá sớm để biết được những chính sách tiếp theo sẽ là gì hay ảnh hưởng cuối cùng của COVID-19 sẽ thế nào. Tuy nhiên, chúng tôi đã nhận diện được những hình mẫu khác biệt quan trọng giữa hai khu vực tư thục và công lập và bên trong khu vực tư thục - những mẫu hình rất đáng được nghiên cứu tiếp.

*Vì sao những lời tiên tri*

*Cassandra (hoặc đôi khi*

*là niềm hân hoan không*

*thể kiểm chết!) về sự sụp đổ*

*hàng loạt của PHE, hoặc*

*ít nhất là phần không tinh*

*hoa của nó, thường không*

*thành hiện thực?*

## COVID-19 ở Thổ Nhĩ Kỳ: Đăng ký ít hơn, nhập học nhiều hơn

Oğuz Esen

*Oğuz Esen là Giáo sư kinh tế học và Nguyên Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Izmir, Izmir, Thổ Nhĩ Kỳ. Email: oguz.esen@ieu.edu.tr.*

### Tóm tắt

Giáo dục đại học ở Thổ Nhĩ Kỳ bị ảnh hưởng đáng kể bởi dịch COVID-19. Từ tháng 4 năm 2020, hình thức đào tạo từ xa đã thay thế cho đào tạo trực tiếp. Năm 2021, tình hình bất định nói chung ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học và đăng ký vào đại học của học sinh trung học, đặc biệt là học sinh năm cuối cấp từ những gia đình có thu nhập thấp. Những học sinh này phải hoãn dự định học đại học hoặc chọn theo học hệ đào tạo mở. Nhu cầu tăng lên đối với giáo dục mở, với các chương trình dạy nghề chính quy hai năm và chương trình đại học chính quy trong các trường đại học tư thục.

**T**rong đợt dịch, số lượng sinh viên nhập học vào các trường đại học ở Thổ Nhĩ Kỳ tăng 242.647 thí sinh so với năm trước. Ở nhiều nước khác trên thế giới, nhu cầu về giáo dục đại học giảm đi vì dịch COVID-19, do đó hiểu được vì sao ở Thổ Nhĩ Kỳ tình hình lại khác là điều quan trọng. Mục đích của bài viết này là đóng góp vào cuộc thảo luận về tác động của dịch bệnh đối với giáo dục đại học, trong đó tập trung vào giáo dục đại học Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong thời gian dịch bệnh, đã diễn ra những cuộc tranh luận gay gắt về mức độ ảnh hưởng đối với nhu cầu giáo dục đại học. Có ý kiến cho rằng sự lo ngại về sức khỏe lẫn khủng hoảng kinh tế sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu giáo dục đại học. Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, có hai yếu tố đối lập ảnh hưởng đến nhu cầu học đại học. Một mặt, thu nhập gia đình giảm có xu hướng làm giảm bớt nhu cầu; mặt khác, chi phí cho cơ hội học hành gần như bằng không lại làm tăng nhu cầu.

Tuy nhiên lần này tình hình có khác. Khủng hoảng kinh tế ngày càng trầm trọng và những biện pháp ngăn chặn dịch bệnh khiến gia tăng sự bất bình đẳng. Đã có dự đoán rằng sự gia tăng bất bình đẳng về thu nhập do đại dịch gây ra sẽ làm giảm nhu cầu giáo dục đại học trong các nhóm thu nhập thấp và tăng trong các nhóm thu nhập cao. Xét tới sự bất bình đẳng nghiêm trọng hiện nay về thu nhập giữa các sinh viên đại học ở Thổ Nhĩ Kỳ, người ta cho rằng dịch bệnh sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng này thông qua sự giảm sút nhu cầu giáo dục đại học.

### Ít đơn đăng ký thi tuyển vào đại học hơn

Bước đầu tiên để vào đại học Thổ Nhĩ Kỳ là nộp đơn thi tuyển. Trong hệ thống giáo dục Thổ Nhĩ Kỳ, đây là cách duy nhất để vào trường đại học. Học sinh của các trường trung học phổ thông và các trường trung học nghề đều có thể đăng ký thi. Các cơ sở giáo dục trung học gồm ba loại hình chủ yếu: trường trung học phổ thông (công lập và tư thục), trường trung học nghề và trường trung học tôn giáo. Theo báo cáo, học sinh thuộc nhóm thu nhập thấp nhập học vào các trường trung học dạy nghề và trường tôn giáo nhiều hơn so với học sinh thuộc nhóm thu nhập trung bình và cao.

Số lượng đăng ký dự thi đại học năm 2020 giảm 91 ngàn người, tương ứng với mức giảm 4%. Điều này đã chấm dứt xu hướng tăng trung bình 4,4% trong 5 năm trước.

Có bốn nhóm đối tượng đăng ký dự thi đại học. Nhóm đầu tiên bao gồm học sinh năm cuối phổ thông và dạy nghề, và nhóm thứ hai, bao gồm những học sinh đã tốt nghiệp nhưng trước đó chưa đậu vào đại học; hai nhóm này chiếm tỷ lệ lớn nhất trong số những người đăng ký dự thi. Ví dụ năm 2020, hai nhóm này chiếm 75% số người nộp đơn. 25% còn lại bao gồm nhóm thứ

ba, là những người trước đó đã tốt nghiệp một trường đại học và nhóm thứ tư, là những sinh viên vẫn đang học trong một trường đại học.

Trước đại dịch, hầu hết thí sinh thuộc nhóm đầu tiên là học sinh năm cuối trung học phổ thông. Điều này đã thay đổi trong năm 2020, số học sinh đã tốt nghiệp những năm trước nhưng “chưa đậu đại học” lớn hơn số lượng học sinh năm cuối phổ thông. Trên thực tế, năm 2020, số lượng thí sinh năm cuối phổ thông thậm chí đã giảm xuống thấp hơn mức của năm 2015. Sự thay đổi xu hướng này là ảnh hưởng đầu tiên của dịch COVID-19. Số lượng thí sinh đến từ các trường trung học phổ thông bình thường chỉ giảm nhẹ; trong khi đó, số lượng đăng ký đến từ những trường trung học tư thục đào tạo bằng ngoại ngữ tăng đáng kể, lên đến 67%. Số lượng thí sinh đến từ các trường trung học tôn giáo giảm 5%, trong khi số lượng thí sinh từ các trường trung học dạy nghề giảm mạnh hơn, đến 10%.

### **Nhu cầu tăng đối với giáo dục từ xa, đào tạo nghề và đại học tư thục**

Bước thứ hai để vào đại học là nhập học. Năm học 2020–2021 có 1.609.913 sinh viên mới nhập học đại học, 53% theo hệ giáo dục chính quy và 47% theo hệ giáo dục mở. Số lượng nhập học tăng 18% so với năm 2019–2020 và cao hơn nhiều so với mức trung bình 2,7% trong 5 năm trước.

- Giáo dục chính quy so với giáo dục mở: Năm 2020–2021, số sinh viên nhập học đại học tăng 113.338 sinh viên, tức tăng 16% so với năm trước, trong đó 24% (27.112 sinh viên) đăng ký vào giáo dục chính quy, và phần còn lại (76%) đăng ký vào giáo dục mở.

- Giáo dục chính quy, so sánh đại học công lập và tư thục: Đã có thêm 27.112 lượt đăng ký vào hệ đại học chính quy trong năm 2020–2021 và tăng 5,5% vào các chương trình đào tạo trực tiếp. Tỷ lệ nhập học chính quy vào các trường đại học công lập tăng 4%, và vào các trường đại học tư thục tăng 15%. Trong số gia tăng này, có 44% đăng ký vào các trường đại học công, và 46% đăng ký vào các trường đại học tư thục. Đây là tình huống mới lạ và thú vị; một nửa số sinh viên nhập học tăng thêm là vào các trường đại học tư thục, vốn đã trở thành một nguồn chính đáp ứng nhu cầu học đại học tăng lên.

- Chương trình hai năm: Năm 2021, có thêm 23.567 sinh viên nhập học chương trình đào tạo trực tiếp hai năm, tăng 7%. Các chương trình hai năm trực tiếp trong trường đại học công lập và tư thục có tỷ lệ tăng trưởng như nhau, khoảng 7–8%, nhưng các trường đại học công lập chiếm tới 79% tổng số sinh viên.

- Giáo dục từ xa: trong năm học 2020–2021 tổng số sinh viên nhập học tăng 35%. Số lượng nhập học vào các chương trình dạy nghề tăng 31% và vào các chương trình đại học tăng 39%. Đối với giáo dục từ xa, những con số này cho thấy sự khởi đầu của một xu hướng mới, bởi vì năm học 2019–2020, tuyển sinh vào chương trình đào tạo từ xa của các trường dạy nghề chỉ tăng 2%, còn vào chương trình đào tạo đại học giảm 5%.

### **Kết luận: Xu hướng đăng ký và tỷ lệ đậu đại học**

Trong giai đoạn COVID-19, số lượng thí sinh tham dự kỳ thi tuyển đại học giảm. So với năm 2019, trong số bốn nhóm đối tượng đăng ký thi năm 2020,

*Dịch bệnh ảnh hưởng*

*nhiều nhất đến những*

*học sinh có thu nhập thấp*

*trong năm cuối cấp của*

*họ, những người này hoặc*

*phải hoãn kế hoạch học*

*tiếp lên đại học hoặc chọn*

*con đường giáo dục mở.*

sự sụt giảm lớn nhất là ở nhóm học sinh cuối cấp của các trường trung học chuyên nghiệp và trường tôn giáo. Số lượng học sinh cuối cấp đăng ký thi giảm, nhưng số lượng đăng ký của những học sinh đã tốt nghiệp, nhưng chưa đậu đại học những năm trước – lại tăng lên, lần đầu tiên vượt qua số lượng đăng ký của học sinh cuối cấp. Học sinh cuối cấp của tất cả các loại hình trường học đăng ký thi đều giảm, nhưng mức sụt giảm lớn nhất là ở học sinh trung học chuyên nghiệp. Số lượng đăng ký của học sinh cuối cấp từ các trường trung học phổ thông công lập tăng nhẹ, mức tăng chủ yếu là từ những trường trung học phổ thông tư thục có chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài.

Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông đậu vào đại học và học sinh trung học chuyên nghiệp đậu vào chương trình học nghề hai năm bị sụt giảm. Năm 2020, tỷ lệ đậu vào đại học của những thí sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học và trung học chuyên nghiệp nhưng chưa đậu đại học những năm trước - tiếp tục tăng bằng mức tăng của năm trước, trong khi tỷ lệ đậu đại học của những thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và có sự chuẩn bị cho kỳ thi vào đại học tăng gần gấp đôi so với tỷ lệ đậu của học sinh cuối cấp trung học phổ thông.

Tuy nhiên, tình hình đảo ngược đối với học sinh trung học nghề. Nói cách khác, nếu học sinh trung học chuyên nghiệp, thường từ những gia đình có thu nhập thấp hơn, không thi đậu vào một chương trình nào trong năm cuối trung học của họ, thì cơ hội vào đại học của họ sẽ giảm đi một nửa. Số lượng nhập học vào các chương trình đại học và dạy nghề hai năm đều tăng, nhưng lĩnh vực tăng trưởng chính là giáo dục từ xa. Các trường đại học công lập có số lượng nhập học vào các chương trình dạy nghề hai năm và giáo dục mở tăng lên, nhưng các trường đại học tư thục có tỷ lệ sinh viên nhập học vào các chương trình đại học cao hơn.

Dịch bệnh ảnh hưởng nhiều nhất đến những học sinh có thu nhập thấp trong năm cuối cấp của họ, những người này hoặc phải hoãn kế hoạch học tiếp lên đại học hoặc chọn con đường giáo dục mở. Trong khi đó, nhu cầu học đại học hoặc học nghề hai năm của những học sinh đã tốt nghiệp trung học và trượt đại học những năm trước – lại tăng lên. Các chương trình đại học của các trường đại học tư thục có số lượng đăng ký tăng lên là do học sinh cuối cấp của các trường trung học tư thục. Khi ảnh hưởng của dịch bệnh thâm hơn, ta có thể dự đoán rằng những xu hướng mới nổi này sẽ còn tiếp tục.

## Châu Phi: Phức tạp trong việc thu hút cộng đồng học thuật hải ngoại

**Ayenachew A. Woldegiyorgis**

*Ayenachew A. Woldegiyorgis là Trợ lý nghiên cứu sau đại học ở Center for International Higher Education, Boston College, US. Email: woldegiy@bc.edu.*

Ở đây, việc thu hút nguồn tri thức từ các cộng đồng hải ngoại trở thành một chủ đề nóng trong những thảo luận chính sách giáo dục đại học. Nhiều quốc gia ở châu Phi và những nơi khác đã phát triển những chính sách nhằm tăng cường thu hút cộng đồng hải ngoại của mình, trong khi các cơ quan chính phủ liên quan và các cơ sở giáo dục đại học cũng xây dựng những chiến lược nhằm thu hút trí thức hải ngoại tham gia vào những hoạt động học thuật, nghiên cứu, phát triển và đổi mới.

Những chính sách và chiến lược nói trên thường chỉ tập trung vào tình huống và yêu cầu của các trường/học viện ở phía tiếp nhận. Cũng như những nghiên cứu về chủ đề này, những chính sách và chiến lược này dường như không tính đến những phức tạp và đặc thù trải nghiệm của cộng đồng học giả hải ngoại, những thứ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành quyết định, bản chất sự tham gia và cam kết lâu dài của họ.

Mình họa bằng những ví dụ về cộng đồng học thuật Ethiopia ở Hoa Kỳ, một nghiên cứu được xuất bản gần đây trên Tạp chí quốc tế về giáo dục đại học châu Phi đã công bố những khám phá về những yếu tố phức tạp nói trên. Nghiên cứu này tác động đến hiểu biết quốc tế rộng hơn về sự tham gia của cộng đồng hải ngoại vào giáo dục đại học, về cách những chương trình thu hút trí thức nên được thiết kế và thực hiện một cách thích hợp, trong những bối cảnh khác nhau.

### Cảm giác mắc nợ

Được giáo dục miễn phí ở đất nước nơi họ chào đời, được đặc ân theo đuổi học tập/nghiên cứu và có sự nghiệp thành công trong một hệ thống tiên tiến, nhiều người ở hải ngoại mang trong mình cảm giác mắc nợ và nghĩa vụ phải đền đáp. Những giá trị “tình yêu quê hương” và lòng yêu nước khắc sâu trong tâm trí từ thuở thiếu thời là nền tảng cho tinh thần trách nhiệm này. Những trải nghiệm học tập trong môi trường vô cùng thiếu thốn ở quê nhà, so với điều kiện phong phú tại quốc gia nơi họ đang sống, càng củng cố thêm khát vọng giúp đỡ tạo một môi trường học tập tốt hơn cho thế hệ sinh viên mới ở quê hương. Việc thường xuyên kết nối văn hóa và xã hội với đất nước cũng tạo ra nhiều cơ hội chứng kiến cuộc đấu tranh của nền giáo dục đại học dù đã đạt được những tiến bộ đáng kể, nhưng vẫn bị hạn chế bởi nhiều yếu tố - càng thôi thúc họ đóng góp để cải thiện giáo dục đại học ở quê nhà.

### Kết quả của hợp tác

Thành quả của nỗ lực hợp tác và những hứa hẹn thành công trong tương lai cũng tạo nên một tập hợp những yếu tố khác định hình bản chất và tính

### Tóm tắt

Nhiều quốc gia ban hành các chính sách nhằm thu hút trí thức từ cộng đồng hải ngoại thuộc nhiều lĩnh vực, bao gồm giáo dục đại học. Lâu nay trọng tâm của những chính sách này là bố trí chức vụ, ưu đãi vật chất và thực thi các chiến lược. Tuy nhiên những yếu tố vi mô ảnh hưởng lẫn nhau, hình thành nên động lực cũng như trải nghiệm của các học giả hải ngoại trong sự hợp tác với các trường đại học ở quê nhà - lại thường không được xem xét kỹ, cả trong nghiên cứu cũng như thực tiễn. Bài viết này đề cập đến một số yếu tố vi mô nổi bật này.

*Quan điểm cho rằng những nỗ lực hướng về quê hương có ý nghĩa lớn hơn và là vinh dự - là một yếu tố then chốt thúc đẩy cộng đồng hải ngoại xuyên quốc gia đóng góp vào giáo dục đại học quê nhà.*

bền vững của hoạt động hợp tác. Kết quả được thể hiện bằng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn, số buổi đào tạo và số người được đào tạo, những lớp học được thực hiện, nguồn lực được huy động, số hội nghị - hội thảo được tổ chức thành công; những con số này tạo nên tảng cho cam kết lâu dài, cũng như cung cấp thông tin để cải thiện nỗ lực hợp tác.

Mặt khác, quan điểm cho rằng những nỗ lực hướng về quê hương có ý nghĩa lớn hơn và là vinh dự - là một yếu tố then chốt thúc đẩy cộng đồng hải ngoại xuyên quốc gia đóng góp vào giáo dục đại học quê nhà. Quan niệm này xuất phát không chỉ từ cảm giác hạnh phúc khi hoàn thành những nhiệm vụ nêu trên, mà còn từ suy nghĩ của nhiều người cho rằng, lĩnh vực chuyên môn của họ ở quê hương phần lớn vẫn còn “phôi thai”. Do đó, những nỗ lực nhỏ có thể tạo ra khác biệt đáng kể, so với bối cảnh học thuật tốt hơn ở quốc gia nơi họ đang sống, nơi những đóng góp của họ khó trở thành nổi bật.

Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng ngoài những chi phí không nhỏ, các học giả hải ngoại có thể phải trả giá rất lớn về mặt tình cảm và xã hội vì những nỗ lực của họ. Một ví dụ điển hình là trường hợp về những học giả đã làm mọi cách huy động đồng nghiệp trong tổ chức và mạng lưới của mình để tổ chức một loạt hoạt động như hội thảo nghiên cứu và thảo luận hội đồng, cuối cùng chỉ có một người đến dự, khiến họ xấu hổ về mặt nghề nghiệp và xã hội. Tương tự, không có gì lạ khi những mối quan hệ hợp tác là nguồn gốc của căng thẳng và thậm chí là xung đột. Những kết quả tích cực và tiêu cực như thế có ảnh hưởng quyết định đến sự thành công, tính liên tục, hoặc chấm dứt quan hệ hợp tác.

### **Vấn đề chủng tộc trong các đại học quê nhà**

Dù thể hiện dưới hình thức những hành động phân biệt đối xử trắng trợn hoặc vi phạm tinh vi, thì môi trường phân biệt chủng tộc khó chịu trong những cơ sở các học giả hải ngoại làm việc đều ảnh hưởng đến sự tham gia của họ theo một trong hai cách.

Một số học giả nói rằng năng lực của họ bị xem nhẹ và thường xuyên bị nghi ngờ, vì vậy họ phải nhiều lần tự chứng minh bản thân. Điều này buộc họ phải nỗ lực hơn nhiều so với đồng nghiệp để đạt được điều tương tự trong sự nghiệp. Gánh nặng vất vả của công việc ngoài giờ và những tổn thương tình cảm khiến họ không còn thời gian và năng lượng để đóng góp sáng tạo cho quê hương và nhà trường.

Những người khác cho rằng môi trường phân biệt chủng tộc trong nhà trường đẩy rẩy những lời bóng gió rằng họ không thuộc về nơi này. Những tín hiệu xa lánh đó đẩy họ tìm nơi ẩn náu tình cảm trong mối quan hệ với chính quê hương mình. Điều này, và những điều khác nữa, thể hiện trong việc tăng cường mối quan hệ của họ với các đồng nghiệp và tổ chức ở quốc gia hải ngoại, do đó đóng góp tích cực vào hoạt động hợp tác chuyên môn của họ ở quê nhà. Tình cảm này trở nên phổ biến khi chủ nghĩa dân tộc bài trừ ngày càng gia tăng ở nhiều nơi trên thế giới.

### **Hoàn cảnh cá nhân**

Hoàn cảnh cá nhân đóng vai trò quan trọng trong số những yếu tố then chốt hình thành và dự báo sự thành công, sự hợp tác liên tục của các học giả ngoại

kiểu trong hoạt động học thuật xuyên quốc gia. Ví dụ, con cái còn học phổ thông là một trong những yếu tố nổi bật nhất quyết định thời gian và sự linh hoạt, đặc biệt khi các học giả muốn về nước để trực tiếp tham gia hợp tác. Những người có con trong độ tuổi đi học thường có xu hướng đi lại trong phạm vi gần. Tất nhiên, một yếu tố khác làm tăng/giảm tầm quan trọng của vấn đề này là tính chất công việc của người vợ hoặc chồng.

Tuy nhiên, đáng chú ý là với xu hướng gia tăng tương tác ảo gần đây, những yếu tố này đang trở nên ít quan trọng hơn trước. Những hoạt động như hướng dẫn nghiên cứu sinh hoặc thỉnh thoảng tham gia hội thảo được ưu tiên vì tính linh hoạt của chúng, so với những hoạt động có cấu trúc hơn như giảng dạy trọn khóa học hoặc thực hiện những dự án nghiên cứu lớn.

Sự ổn định về tài chính và chi phí cơ hội của khoảng thời gian mà lẽ ra có thể dành cho những hoạt động tạo thu nhập khác, như tìm kiếm tài trợ, cũng đóng một vai trò quan trọng. Tìm kiếm tài trợ trên thực tế được đánh giá là đem lại lợi ích kép - cả về tài chính và sự nghiệp. Do đó, đặc biệt đối với những nhà nghiên cứu và học giả mới bắt đầu sự nghiệp, cộng tác học thuật với quê nhà có thể phải cạnh tranh với những hoạt động tạo thu nhập kiểu này. Một cách tiếp cận mạnh mẽ bao gồm những yếu tố nói trên có thể giúp dễ dàng giải quyết tình trạng khó khăn trong việc thu hút sự hợp tác của các học giả ngoại kiều.

Mặt khác, những yếu tố như triết lý và chiến lược của các trường/học viện về sự hợp tác của các học giả quốc tế; khả năng hỗ trợ, nguồn lực ở cấp khoa/trường; và gánh nặng trách nhiệm quản trị cũng sẽ ảnh hưởng đến mức độ tham gia hiệu quả và bền vững.

### **Lập kế hoạch linh hoạt**

Cân nhắc kỹ lưỡng những yếu tố và tác động qua lại phức tạp giữa chúng là chìa khóa để khai thác nguồn tài nguyên trí tuệ trong cộng đồng hải ngoại. Cân bằng hợp lý giữa một bên là tính linh hoạt và bên kia là cách quản lý có trách nhiệm và hiệu quả - là điều quan trọng trong việc thiết lập những chính sách và tổ chức hoạt động của nhà trường/học viện. Việc lập kế hoạch cần chú ý đến những sắc thái trong kinh nghiệm và hoàn cảnh (cá nhân, gia đình và nhà trường ở nước ngoài) của các học giả hải ngoại, cùng mức với những yếu tố chung khác như sự khác biệt về chương trình và lịch học.



# Kenya: Sự lệch pha giữa đại học và thị trường lao động

Ishmael I. Munene

*Ishmael I. Munene là Giáo sư ở khoa Educational Leadership, Northern Arizona University, Hoa Kỳ. Email: Ishmael.Munene@nau.edu.*

## Tóm tắt

Tỷ lệ thất nghiệp sau đại học ở châu Phi là một vấn đề chính sách nhức nhối gây lo ngại cho các bên liên quan. Ở Kenya, những rào cản nội tại cũng như thất bại cải tổ là nguyên nhân dẫn đến sự lệch pha giữa các chương trình đào tạo đại học và thị trường lao động. Tuy nhiên, một số cải tổ khiêm tốn cùng với những con đường thay thế cho giáo dục sau phổ thông vẫn đem lại chút hy vọng.

Về lý thuyết, giáo dục đại học và việc làm có mối liên hệ chặt chẽ, nhưng ở châu Phi thất nghiệp là một quả bom hẹn giờ, với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học thất nghiệp dài hạn lên tới 50%. Điều này đặt ra câu hỏi về bản chất của giáo dục đại học và nhu cầu của thị trường lao động ở lục địa châu Phi. Mặc dù bài viết này tập trung vào Kenya, vấn đề được nêu ra và những đề xuất cải cách có liên quan đến giáo dục đại học và việc làm ở châu Phi nói chung.

Mới đây, Hội đồng tuyển dụng giáo viên công lập (Teaching Service Commission - TSC) tuyên bố ngừng tuyển dụng những cử nhân tốt nghiệp đại học sư phạm. Trong khi đó, các trường đại học mở mới chương trình đào tạo giáo viên, theo đó sinh viên hoàn thành chương trình cử nhân trong những lĩnh vực chuyên môn khác, sau đó học thêm một năm để lấy chứng chỉ sư phạm sau đại học. Vài tuần sau, Ủy ban Giáo dục Đại học chỉ đạo các hiệp hội nghề nghiệp tuân theo lệnh của tòa án, ngừng công nhận những chương trình đào tạo giáo viên của các trường đại học. Những hành động này thể hiện sự phản ứng của thị trường lao động về những khiếm khuyết của sinh viên tốt nghiệp đại học.

## Đại học không đồng hành với thị trường lao động

Về đại thể, thất nghiệp gắn liền với hoạt động kinh tế. Suy thoái kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp những chương trình tập trung đào tạo kỹ năng cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Kenya với hoạt động kinh tế tương đối tốt, thất nghiệp bị cho là có nguyên nhân từ sự yếu kém nội tại của giáo dục đại học, đặt ra bài toán nan giải về việc làm cho sinh viên tốt nghiệp đại học.

Cục Thống kê Quốc gia Kenya năm 2020 báo cáo tỷ lệ thất nghiệp trên 32,4% trong thanh niên độ tuổi từ 20 đến 29, nhóm tuổi của sinh viên tốt nghiệp đại học, trong đó thất nghiệp dài hạn chiếm 7,9%. Thời đại mà sinh viên tốt nghiệp đại học được đảm bảo việc làm đã suy tàn trong hai thập kỷ qua, khi tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp gia tăng trong nhiều năm. Ngay cả những ngành chuyên môn có nhu cầu cao như khoa học y tế, kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh cũng không tránh khỏi vấn nạn này.

Các bên liên quan cho rằng nguồn gốc của vấn đề là sự thiếu phù hợp của các chương trình đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Sự lệch pha này được cho là do ba nguyên nhân chính: quá trình phát triển chương trình tập trung quá nhiều vào học thuật hơn là vào yêu cầu của nghề nghiệp; chỉ chú trọng đáp ứng nguồn tuyển dụng của chính phủ; không xem xét một cách đầy đủ vai trò của các dịch vụ tư vấn nghề nghiệp.

Mặc dù chính phủ đặt tiền đề cho phát triển giáo dục đại học - công và tư - là đáp ứng nhu cầu nhân lực, các trường lại tập trung vào những yêu cầu học thuật. Ngoài trừ 5 trường đại học công lập hàng đầu (Đại học Nairobi, Đại học Kenyatta, Đại học Moi, Đại học Nông nghiệp & Công nghệ Jomo Kenyatta, và Đại học Egerton) được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của chính phủ, 72 trường đại học công và tư còn lại được thành lập mà không có bất kỳ đánh giá nào về nhu cầu thị trường lao động của nền kinh tế quốc dân. Chính trị và liên minh tôn giáo là động lực chính khiến giáo dục đại học mở rộng. Chỉ trong vòng một năm 2012-2013, 23 trong số 38 trường đại học công lập đã được thành lập để đáp ứng yêu cầu chính trị liên quan đến những nhóm dân tộc khác nhau. Ngày nay, gần như tất cả những hệ phái tôn giáo lớn đều có trường đại học; đây là động lực chính thúc đẩy khu vực đại học tư thực phát triển. Đặc điểm chung của những trường đại học mới thành lập gần đây là chương trình đào tạo hầu như không đáp ứng trực tiếp cho nhu cầu việc làm, họ tập trung vào khoa học nhân văn, khoa học xã hội, khoa học cơ bản và truyền thông.

Bất chấp logic của đào tạo là đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực, những chương trình hiện hành trong các trường đại học hiếm khi phù hợp với yêu cầu tuyển dụng. Cho dù cuộc tranh luận có ngã ngũ về việc đại học nên chú trọng đào tạo ra sinh viên tốt nghiệp phù hợp với công việc hay nên truyền tải kiến thức, thực tế cuộc sống sau khi tốt nghiệp đòi hỏi tập trung vào một số kỹ năng mà những nhà tuyển dụng tiềm năng mong muốn. Nhà tuyển dụng ở Kenya phàn nàn về việc sinh viên mới tốt nghiệp thiếu kỹ năng trong công việc. Khảo sát của Liên đoàn Nhà tuyển dụng Kenya năm 2018 ghi nhận rằng 64% sinh viên tốt nghiệp đại học thiếu những kỹ năng mà nhà tuyển dụng cần, bao gồm tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, sáng tạo, làm việc nhóm, giao tiếp và kỹ năng viết. Khả năng tạo ra việc làm của sinh viên tốt nghiệp cũng là một vấn đề quan trọng đối với các bên liên quan, tuy nhiên tinh thần khởi nghiệp hầu như không có trong các chương trình đào tạo, khiến mục tiêu này không thể đạt được.

Di sản lâu đời của chính phủ với tư cách là nhà tuyển dụng chính ngấm sâu trong hầu hết các chương trình đào tạo đại học. Nông nghiệp, thú y, lâm nghiệp, hành chính công, kinh tế và giáo dục là những ngành được thiết kế để đáp ứng nhu cầu nhân lực của nhà nước vào những năm 1960. Từ 20 năm nay, nhà nước không còn là nhà tuyển dụng chính đối với sinh viên tốt nghiệp, nhưng nội dung các chương trình đào tạo không phản ánh thực tế này. TSC là cơ quan chính phủ tuyển dụng giáo viên cho các trường công lập, có quy mô tuyển dụng 100 ngàn giáo viên. Tuy nhiên, vào năm 2020, hạn chế về ngân sách chỉ cho phép họ tuyển 12 ngàn giáo viên. Họ chỉ tuyển những giáo viên tốt nghiệp vào năm 2015. Mặc dù 56 (74%) trong số 77 trường đại học đang có chương trình đào tạo giáo viên.

Dịch vụ tư vấn nghề nghiệp hỗ trợ triển vọng được tuyển dụng bằng cách trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế và nền tảng vững chắc để tham gia thị trường việc làm. Bên cạnh việc cung cấp cơ hội thực tập, các trung tâm nghề nghiệp cần có đội ngũ nhân viên tốt để hỗ trợ sinh viên chuẩn bị cho phỏng vấn, chuẩn bị hồ sơ cá nhân cũng như cải thiện kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường đại học của Kenya hiện không có những dịch vụ nghề

*Di sản lâu đời của chính*

*phủ với tư cách là nhà*

*tuyển dụng chính ngấm sâu*

*trong hầu hết các chương*

*trình đào tạo đại học.*

nghiệp mạnh mẽ và chuyên gia về nghề nghiệp. Văn phòng Dịch vụ Nghề nghiệp tại Đại học Nairobi, trường đại học hàng đầu của đất nước, chỉ có hai nhân viên chuyên nghiệp cho 77 ngàn sinh viên.

### **Những cải cách chưa từng diễn ra**

Đã có những cải cách giáo dục để giải quyết vấn đề thất nghiệp, nhưng những cải cách này không đặt ra mục tiêu chuyển đổi giáo dục đại học. Ủy ban Giáo dục Ominde năm 1964 - Ủy ban giáo dục đầu tiên sau khi Kenya giành độc lập - đã đưa ra những khuyến nghị tập trung vào sự thống nhất quốc gia, tăng cường nguồn nhân lực và tạo ra của cải. Ủy ban McKay năm 1985 đưa ra những cải cách 8-4-4 tập trung vào việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong nông nghiệp, thương mại và nghệ thuật sáng tạo để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Cải cách chương trình giảng dạy dựa trên năng lực năm 2017 đã đổi mới chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở để phát triển năng lực của học sinh trong việc nắm vững nội dung, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề phức tạp, v.v..., giúp cho học sinh chủ động hơn.

Chính phủ đã làm mọi việc cần thiết để những cải cách cơ cấu và chương trình giảng dạy trong hệ thống phổ thông đạt được những khuyến nghị của Ủy ban. Những quy định về quyền tự chủ và tự do học thuật cho phép các trường đại học có thể cải cách chương trình giảng dạy của họ theo khuyến nghị của chính sách cũng như quyết định riêng của họ. Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra. Các trường đại học chỉ sửa đổi số năm học ở bậc đại học, mà vẫn giữ nguyên chương trình giảng dạy.

### **Vấn chưa mất hết**

Các nhà quản lý giáo dục đại học và hoạch định chính sách đã nhận thấy cần cải thiện tình hình này. Các trường đại học đã bắt đầu tìm kiếm những biện pháp khắc phục mặc dù đang theo những cách hạn chế. Có thể tìm thấy trên trang web của các trường đại học những bảng liệt kê triển vọng nghề nghiệp đối với sinh viên tốt nghiệp của mỗi ngành học và danh sách những chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực đó. Một số trường đại học cung cấp chương trình đào tạo khởi nghiệp nhằm nhấn mạnh thông điệp tạo việc làm khi tốt nghiệp. Những trường đại học mới thành lập gần đây cung cấp những chương trình đào tạo mới tập trung vào thị trường lao động như du lịch, quản lý nhà hàng và nghiên cứu chính sách.

Nhờ nhà nước đưa ra những biện pháp khuyến khích tạo ra triển vọng việc làm cho sinh viên tốt nghiệp hệ Kỹ thuật, Dạy nghề và Đào tạo (TVET), các trường cao đẳng TVET trở nên có sức thu hút lớn. Gần như tất cả sinh viên tốt nghiệp cao đẳng TVET đều có việc làm sau khi tốt nghiệp hoặc thành lập doanh nghiệp của riêng họ. Cơ quan chủ quản TVET đặt ra chính sách, công nhận các trường cao đẳng và giám sát quy chế để đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo. Ngoài ra, sinh viên đăng ký vào những trường này đủ điều kiện để xin hỗ trợ tài chính của chính phủ thông qua Hội đồng Tín dụng Đại học. Chương trình TVET thành công đến mức được 10% học sinh đầu vào đại học lựa chọn. Những trường đại học lâu đời trước đây vẫn được coi là điểm khởi đầu của con đường đảm bảo việc làm - đang mất dần danh tiếng.

## Vì sao Mỹ Latinh cần phát triển những trường đại học đẳng cấp thế giới

Philip G. Altbach và Jamil Salmi

*Philip G. Altbach là Giáo sư nghiên cứu và là thành viên xuất sắc tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: altbach@bc.edu.*

*Jamil Salmi là Chuyên gia Giáo dục đại học toàn cầu, Giáo sư danh dự về chính sách giáo dục đại học tại Đại học Diego Portales, Chile, và là thành viên nghiên cứu tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: jsalmi@tertiaryeducation.org.*

Cùng với châu Phi, châu Mỹ Latinh là châu lục có ít trường đại học chuyên sâu về nghiên cứu đạt chất lượng hàng đầu. Không một trường đại học Mỹ Latinh nào lọt vào top 100, và rất ít học giả và nhà khoa học Mỹ Latinh có tên trong số những học giả được trích dẫn nhiều nhất. Châu Mỹ Latinh đại diện cho 8,5% dân số thế giới và đóng góp 8,7% vào GDP của cả hành tinh, nhưng các trường đại học của nó chỉ chiếm 1,6% trong số 500 trường hàng đầu trong bảng xếp hạng Thượng Hải và ít hơn 1,5% trong số 400 trường hàng đầu trong xếp hạng của Times Higher Education. Đây là một khiếm khuyết nghiêm trọng nếu châu lục này muốn tạo ra những nghiên cứu và đổi mới có chất lượng và tham gia vào tiến bộ khoa học của thế kỷ XXI, đặc biệt là trong thời kỳ đại dịch hiện nay.

Một trong những lý do chính là sự kém hiệu quả của những trường đại học công lập lớn xuất hiện từ “cuộc cách mạng giáo dục đại học Cordoba” năm 1918. Cần phân tích vì sao đây là điều kiện tiên quyết cần cải thiện.

### Ý tưởng và thực tế về những trường đại học “Cordoba”

Cuộc cách mạng Cordoba, được khởi xướng ở Argentina vào năm 1918 bởi những sinh viên mong muốn dân chủ hóa và hiện đại hóa trường đại học, dẫn đến sự phát triển những trường đại học công lập đa ngành trên khắp lục địa và củng cố thành khuôn mẫu giáo dục đại học công lập cho đến ngày nay, khiến cho việc thay đổi càng khó khăn.

Những nguyên tắc của Cordoba có thể tóm tắt sơ lược như sau. Vai trò của các trường đại học rất quan trọng, bởi vì có thể đào tạo sinh viên tham gia vào việc xây dựng quốc gia và cung cấp nghiên cứu và dịch vụ để đóng góp vào những nỗ lực phát triển quốc gia. Với lý tưởng cung cấp cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng, các trường đại học không thu học phí và tuyển sinh dựa trên những tiêu chí đại chúng và minh bạch (hoàn thành trung học cơ sở hoặc đạt kỳ thi tuyển sinh đại học cạnh tranh). Để ngăn chặn sự can thiệp của những chế độ độc tài, các trường đại học phải được tự chủ: không chịu sự kiểm soát trực tiếp của chính phủ, được đảm bảo quyền tự do học thuật, nhưng đồng thời vẫn được nhà nước tài trợ. Trong nội bộ, các trường đại học phải được quản lý một cách dân chủ - bao gồm việc giảng viên, sinh viên và đôi khi là nhân viên hành chính tham gia vào quá trình ra quyết định và bầu ra những lãnh đạo học thuật chủ chốt.

### Tóm tắt

Các trường đại học nghiên cứu của Mỹ Latinh hoạt động kém hiệu quả và khu vực này có rất ít trường đạt đẳng cấp thế giới. Để phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XXI, Mỹ Latinh cần có những trường đại học chất lượng cao. Chúng tôi cho rằng một phần nguyên nhân là “cuộc cách mạng học thuật Cordoba” và những ý tưởng học thuật của nó. Các trường đại học công lập lớn ở Mỹ Latinh cần được cải cách.

Trên khắp châu Mỹ Latinh, những trường đại học công chịu ảnh hưởng của mô hình Cordoba thống trị nền học thuật và vẫn là những cơ sở giáo dục đại học chủ chốt cho đến nay, hầu như không thay đổi trong thế kỷ qua. Bất chấp xu hướng đại chúng hóa, sự phát triển của khu vực tư nhân (ở nhiều nước Mỹ Latinh, giáo dục đại học tư thực chiếm hơn một nửa tổng số sinh viên), và sự đa dạng hóa thể chế đáng kể, “các trường đại học Cordoba” vẫn là tiêu chuẩn vàng. Một số trong đó trở thành những siêu đại học, và nhiều trường là những nhà sản xuất trong nước nổi bật nhất, thực hiện những nghiên cứu liên quan đến những vấn đề địa phương. Ví dụ, Đại học Tự trị Quốc gia Mexico (UNAM), lớn nhất trong khu vực, có 350 ngàn sinh viên, bao gồm học sinh của các trường trung học trực thuộc. Đại học Buenos Aires (UBA) hiện có 309 ngàn sinh viên.

Tình hình càng trở nên trầm trọng hơn do mức tài trợ công cho giáo dục đại học ở hầu hết các nước Mỹ Latinh thấp, những chính sách giáo dục đại học quốc gia thiếu tính liên tục lâu dài do những bất ổn chính trị, và đôi khi do những quan điểm tiêu cực đối với sứ mệnh khoa học của các trường đại học, như chính sách đối nghịch của chính quyền Bolsonaro ở Brazil là ví dụ.

#### **Những thách thức về quản trị của các trường đại học Cordoba**

Trường hợp của Đại học São Paulo, trường đại học hàng đầu của Brazil, là một minh họa rõ ràng về việc những hạn chế trong quản trị khiến nhiều trường đại học công lập ở Mỹ Latinh không thể phát triển nhanh chóng do thiếu tính linh hoạt vốn là đặc trưng của những đại học hàng đầu ở những nơi khác. Đại học São Paulo có số lượng lớn nhất những chương trình sau đại học được xếp hạng cao trong nước, mỗi năm đào tạo ra nhiều tiến sĩ hơn bất kỳ trường đại học nào của Hoa Kỳ, tạo ra những nghiên cứu phù hợp với đất nước và là trường đại học công lập được tài trợ cao nhất ở Mỹ Latinh. Tuy nhiên, khả năng quản lý các nguồn lực của trường bị hạn chế nghiêm ngặt bởi những quy định hành chính công cứng nhắc. Trường có ít mối liên kết với cộng đồng nghiên cứu quốc tế; chỉ 3% sinh viên tốt nghiệp của trường đến từ bên ngoài Brazil, và phần lớn các giáo sư là sinh viên tốt nghiệp USP.

Yếu tố quan trọng còn thiếu là tầm nhìn xuất sắc để thách thức hiện trạng và chuyển đổi trường đại học. Điều này được củng cố bởi một hệ thống bầu cử dân chủ những nhà lãnh đạo đại học thúc đẩy chủ nghĩa khách hàng, và sự thay đổi thường xuyên đội ngũ lãnh đạo - một hội đồng nội bộ lớn của trường đại học - khiến quá trình ra quyết định trở nên khó khăn và một nền văn hóa học thuật bình quân không khuyến khích sự công nhận và khen thưởng những nhà nghiên cứu và giảng viên xuất sắc. Ở Brazil, cũng như ở nhiều quốc gia trong khu vực Mỹ Latinh và Caribe (LAC), sự thiếu tham vọng chiến lược nhằm phát triển giáo dục đại học có thể nhận thấy ở cấp chính quyền quốc gia cũng như trong giới lãnh đạo các trường đại học.

### Những việc có thể làm

Việc chuyển đổi các trường đại học công lập của châu Mỹ Latinh chắc chắn sẽ đòi hỏi một “cuộc cách mạng Cordoba” thứ hai, cần được thúc đẩy bởi tầm nhìn táo bạo từ cộng đồng học thuật và sự hỗ trợ và nguồn lực đáng kể từ chính phủ. Điều này sẽ liên quan đến những thay đổi sau:

- Tăng nguồn tài trợ công: Hiện nay, tài trợ dành cho nghiên cứu chiếm từ 0,3 đến 1% GDP hàng năm, thấp hơn nhiều so với mức đầu tư ở các nước Bắc Âu và các nước Đông Á.

- Tập trung liên tục vào dịch vụ quốc gia và các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc: Một trong những điểm mạnh của “các trường đại học Cordoba” truyền thống là cam kết của họ đối với sự phát triển quốc gia và xã hội. Điều cần thiết là giữ lại truyền thống và tầm nhìn này.

- Thiết lập hệ thống quản trị hiện đại cho phép lựa chọn các nhà lãnh đạo đại học chuyên nghiệp; thật trớ trêu, trên phạm vi quốc tế thực tế này được chấp nhận khi lựa chọn huấn luyện viên cho đội tuyển bóng đá quốc gia nhưng lại bị coi là vi phạm đối với các trường đại học. Các trường đại học là những tổ chức phức tạp đòi hỏi sự cân bằng giữa quản lý chuyên nghiệp, học thuật và lãnh đạo.

- Quyền tự chủ và tự do học thuật, đi đôi với trách nhiệm giải trình trước chính phủ, trước nguồn tài trợ chính và trước xã hội.

- Quy mô trong tầm quản lý: Hầu hết các trường đại học đẳng cấp thế giới có số lượng sinh viên từ 40 ngàn sinh viên trở xuống, và có nhiều chương trình học toàn diện ở cả cấp độ đại học và sau đại học.

- Liên ngành: Các trường đại học hàng đầu có cấu trúc và động lực để khuyến khích và cho phép giảng dạy và nghiên cứu liên ngành. Đáng chú ý là điều này không có ở nhiều trường đại học Mỹ Latinh.

- Quốc tế hóa: Các trường đại học Mỹ Latinh nhìn chung tụt hậu so với các trường đại học toàn cầu về kết nối quốc tế, hợp tác học thuật và nghiên cứu cũng như trao đổi học thuật. Mọi khía cạnh của quốc tế hóa đều quan trọng, bao gồm cả việc thúc đẩy sử dụng tiếng Anh nhằm phục vụ cho du học quốc tế và nghiên cứu hợp tác, trong chừng mực tiếng Anh là phương tiện chính của khoa học và học thuật toàn cầu.

Lập luận của chúng tôi không phải là một bài tập học thuật, mà là lời kêu gọi các chính phủ và các nhà lãnh đạo đại học suy nghĩ về vai trò phát triển của các trường đại học của mình trong thế kỷ XXI. Châu Mỹ Latinh xứng đáng có những trường đại học hạng nhất có thể tham gia vào nền khoa học toàn cầu thông qua nghiên cứu cơ bản và ứng dụng tiên tiến hàng đầu, đào tạo những công dân và chuyên gia có đạo đức và đóng góp vào sự phát triển bền vững của các quốc gia Mỹ Latinh - Caribe. Một điều rõ ràng là, mặc dù đổi mới và thành công từ một thế kỷ trước, mô hình “các trường đại học Cordoba” truyền thống không còn phù hợp và cần được xem xét lại. Cần có một cuộc cách mạng khác, lần này không phải là một khuôn mẫu chung như Cordoba đề xuất, mà là dưới dạng những ý tưởng đổi mới và những sáng kiến táo bạo phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của mỗi quốc gia.

**Tóm tắt**

Bài báo này mô tả quá trình bổ nhiệm chủ tịch (hiệu trưởng) của một trong những trường đại học công lập quan trọng nhất ở Brazil. Mặc dù các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Mỹ Latinh có hệ thống bầu chọn khác nhau, nhưng vẫn áp dụng một khuôn mẫu chung. Hệ thống bầu chọn phức tạp trước khi bổ nhiệm chính thức có những khía cạnh tích cực và tiêu cực, và là những lập luận quan trọng trong cuộc thảo luận về cải thiện quản trị - rất cần thiết không chỉ với các trường đại học công lập ở Mỹ Latinh mà còn trên toàn thế giới.

## Bầu hiệu trưởng ở Brazil: Một quy trình chính trị phức tạp

**Marcelo Knobel**

*Marcelo Knobel là Cựu Hiệu trưởng trường Đại học Estadual de Campinas (Unicamp) và là Giáo sư chính thức tại Viện Vật lý Gleb Wataghin, Unicamp, Brazil. Email: knobel@ifi.unicamp. Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: tác giả đã hai lần tham gia vào quá trình bầu chọn hiệu trưởng.*

Đại học Campinas (Universidade Estadual de Campinas, được biết đến rộng rãi với tên gọi Unicamp), là một trường đại học đa ngành, được nhà nước tài trợ và được xếp trong số những trường tốt nhất ở Mỹ Latinh. Hệ thống quản trị của Unicamp tương tự như hầu hết các trường đại học công lập ở Brazil, trong đó hiệu trưởng lựa chọn đội ngũ quản trị. Có hội đồng đại học (UC) do hiệu trưởng chủ trì, với sự tham gia của tất cả các giám đốc hành chính, các viện trưởng và trưởng khoa khác nhau, và các đại diện được bầu từ cộng đồng học thuật (sinh viên, nhân viên và giảng viên). Hiện tại, hội đồng này có 76 thành viên, trong đó 70% là giảng viên.

Trong hầu hết các tổ chức giáo dục đại học trên toàn thế giới, hiệu trưởng là chuyên gia được lựa chọn thông qua quá trình tuyển chọn và chịu trách nhiệm thực hiện những chiến lược và hành động được phê duyệt bởi một hội đồng không do hiệu trưởng chủ trì. Ở Brazil, hiệu trưởng thường là một giáo sư, người chủ trì hội đồng đại học, hội đồng này lại quyết định các chính sách của trường đại học, điều này tạo ra sự mơ hồ về cơ cấu tổ chức và quyền lực bị chồng chéo.

### Quy trình bầu chọn

Hiệu trưởng trường đại học được thống đốc bang São Paulo bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 4 năm, và không được tái bổ nhiệm. Chỉ các giáo sư cơ hữu của trường đại học mới đủ điều kiện để được xem xét bổ nhiệm. Người đắc cử được chọn từ danh sách do UC đệ trình gồm ba ứng cử viên. Danh sách này là kết quả của cuộc bầu chọn với sự tham gia của toàn bộ cộng đồng học thuật. Mỗi trường đại học có thể có hệ thống bầu chọn riêng, theo hình thức phổ thông đầu phiếu hoặc hình thức bầu chọn các đại diện vào cử tri đoàn. Tại Unicamp, mọi thành viên cộng đồng đều có quyền bỏ phiếu bầu hiệu trưởng, nhưng phiếu bầu từ những bộ phận khác nhau có trọng số khác nhau; phiếu bầu của giảng viên có trọng số lớn hơn (phiếu bầu từ giảng viên được tính bằng 3/5, phiếu bầu từ nhân viên bằng 1/5 và phiếu bầu của sinh viên cũng bằng 1/5). Nếu không ứng cử viên nào đạt được hơn 50% số phiếu bầu tính theo trọng số, thì sẽ có vòng bầu chọn thứ hai. UC lập danh sách đệ trình lên thống đốc dựa trên kết quả của cuộc bầu chọn.

Các quyết định bổ nhiệm chính thức của các thống đốc trong trường hợp các trường đại học của tiểu bang, hoặc của tổng thống quốc gia trong trường hợp các trường đại học liên bang - luôn tạo ra sự căng thẳng nhất định. Từ khi đất nước trở lại chế độ dân chủ, thông lệ là cơ quan hành pháp

chỉ định người đầu tiên trong danh sách, tôn trọng sự lựa chọn của cộng đồng các trường đại học. Tuy nhiên, kể từ năm 2019, trong số 54 cuộc bầu chọn, tổng thống đương nhiệm Jair Bolsonaro đã bổ nhiệm 20 hiệu trưởng các trường đại học liên bang không theo sự lựa chọn của các trường. Trong 2 trường hợp, tổng thống thậm chí bổ nhiệm người không có tên trong danh sách. Mặc dù không có quy định pháp lý bắt buộc bổ nhiệm người trong danh sách do các trường đề cử, việc chấp nhận lựa chọn của cộng đồng học thuật được coi là thể hiện sự tôn trọng quyền tự chủ của các trường đại học, tính dân chủ và hợp pháp của quy trình. Bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo một người không được đa số cộng đồng đại học lựa chọn chỉ làm trầm trọng thêm căng thẳng trong môi trường học thuật. Trong một số trường hợp, dẫn đến hậu quả là những cuộc đình công và xung đột kéo dài có thể cần nhiều năm để hàn gắn.

Do tính chất phức tạp của quá trình bầu chọn, việc chuẩn bị thường bắt đầu từ rất lâu trước ngày bầu chọn. Một ủy ban được thành lập bởi UC để xác định lịch, quy tắc và công tác hậu cần của cuộc bỏ phiếu và quy trình kiểm phiếu (vào năm 2021, toàn bộ quy trình tại Unicamp là hoàn toàn trực tuyến, với khoảng 35 ngàn cử tri). Ngoài ra, trước đó các ứng cử viên đã bắt đầu chiến dịch vận động của mình để trao đổi ý kiến với cộng đồng bằng cách tham gia vào các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn, tranh luận, giống như một chiến dịch vận động trong một thị trấn nhỏ. Tìm kiếm sự ủng hộ từ những khu vực bầu chọn khác nhau, xác định những mối đe dọa trong tương lai và phát triển những chiến lược thể chế khả thi là những bước cần thiết trong việc chuẩn bị một chương trình nghị sự toàn diện cho nhiệm kỳ sắp tới. Một chiến lược truyền thông được tổ chức tốt cũng rất quan trọng, với sự hiện diện trên mạng xã hội để tiếp cận toàn bộ cộng đồng. Mỗi ứng cử viên đều được những người ủng hộ giúp đỡ trên cơ sở tình nguyện - xây dựng chương trình của ứng viên, sắp xếp lịch trình của các chuyến thăm và đóng góp tài chính khi cần thiết. Nhóm hỗ trợ này cuối cùng sẽ trở thành một phần của nhóm quản trị nếu ứng cử viên của họ thắng cử.

Các ứng cử viên thường đại diện cho các nhóm trong trường đại học với những ưu tiên và mục tiêu khác nhau được xác định rõ, hoặc ít nhất sẽ như vậy, trong suốt chiến dịch. Trong các cuộc trao đổi và tranh luận thường xuất hiện một hỗn hợp khá đa dạng các vấn đề, bao gồm chính sách học thuật và thực tiễn, những vấn đề về cơ sở hạ tầng, bộ máy hành chính, tiền lương, v.v... Những nhóm lợi ích cụ thể khác, bao gồm các đảng phái chính trị, công đoàn, đại diện sinh viên, và một số nhóm khác, cuối cùng sẽ chọn một trong những ứng cử viên mà họ ủng hộ. Đáng buồn thay, những cuộc tấn công cá nhân và tin tức giả mạo ngày càng trở nên phổ biến, do những phần tử xấu ẩn danh lan truyền trên các phương tiện truyền thông xã hội và tin nhắn cho các nhóm. Vì chiến dịch tranh cử chỉ diễn ra giữa các ứng cử viên địa phương, họ thường sa đà vào những cuộc tranh luận nông cạn về những vấn đề nội bộ, trong khi thiếu sự kết nối nền tảng với xã hội mà trường đại học có trách nhiệm phục vụ.

### **Những ưu điểm và hạn chế của hệ thống bầu chọn**

Quá trình bầu chọn tổng thể có ưu và nhược điểm. Các ứng cử viên nhất thiết

*Danh sách này là kết quả  
của cuộc bầu chọn với sự  
tham gia của toàn bộ cộng  
đồng học thuật.*



phải là giáo sư cơ hữu tại trường đại học, điều này khiến hạn chế đến mức thấp nhất cơ hội của những ứng viên tiềm năng tốt với những kỹ năng quản trị và trình độ học vấn cần thiết, những người có thể đến từ một trường đại học khác hoặc thậm chí một lĩnh vực khác. Tuy nhiên, để cuối cùng tạo ra sự thay đổi nhằm thu hút những ứng viên có hồ sơ khác nhau, cần phải thay đổi điều kiện, quan trọng nhất là mức lương và thời hạn của nhiệm kỳ. Trên thực tế, không có lương bổ sung cho hiệu trưởng, thay vào đó là một khoản cố tức bổ sung, trong trường hợp của Unicamp, hiện vào khoảng 1200 USD mỗi tháng. Ngoài ra, thời hạn bốn năm là không đủ để thực hiện những thay đổi hoặc dự án đột phá. Việc hạn chế hiệu trưởng phục vụ tiếp nhiệm kỳ thứ hai gây bất ổn cho các chương trình đại học, vì các chương trình nghị sự có thể thay đổi đáng kể sau mỗi bốn năm. Điều này cản trở việc triển khai những thay đổi chính sách đòi hỏi nhiều năm mới cho thấy rõ hiệu quả, hoặc có thể bị coi là không thích hợp và kết quả là hạn chế cơ hội được bầu của một người kế nhiệm có cùng chí hướng.

Trên thực tế, luôn có khả năng xảy ra những thay đổi chính sách lớn sau mỗi bốn năm. Những bài phát biểu theo chủ nghĩa dân túy có thể đưa ra những lời hứa hẹn nhằm thu hút phiếu bầu từ những nhóm cụ thể trong trường đại học. Nếu được thực hiện, một số cam kết này có thể gây nguy hiểm cho sự ổn định tài chính của trường đại học hoặc chấm dứt những sáng kiến quan trọng.

Giai đoạn chiến dịch vận động cung cấp cho ứng viên hiểu biết sâu hơn về những vấn đề mà những bộ phận khác nhau trong trường đang phải đối mặt. Sự tham gia của cán bộ nhân viên và sinh viên đảm bảo rằng mọi thành phần đều tích cực tham gia vào quá trình này và có cơ hội bày tỏ mối quan tâm của họ. Các ứng cử viên phải chuẩn bị trước kế hoạch hành động của họ và những cuộc thảo luận này giúp xây dựng kế hoạch mạnh mẽ hơn.

Nhìn chung, hệ thống quản trị trong các trường đại học công lập ở Brazil (và Mỹ Latinh) có rất nhiều không gian để cải tiến, nhưng cũng có những yếu tố giá trị cần được duy trì. Một hệ thống tốt hơn có thể xem xét những thực tiễn đang được áp dụng ở những nơi khác nhằm xác định vai trò của lãnh đạo trường đại học, ví dụ một hội đồng tuyển chọn để tìm kiếm những chuyên gia có năng lực ở bên trong hoặc bên ngoài trường đại học. Hệ thống cũng có thể cho phép sự tham gia rộng rãi hơn của những thành phần khác nhau của xã hội. Điều này sẽ làm suy yếu mô hình gồm những lời hứa, kỳ vọng và "sự đền ơn" sau chiến dịch, mô hình có thể gây tổn hại đến các kế hoạch hành động. Mặt khác, sự tham gia của cả cộng đồng trường đại học vào cuộc bầu chọn, cũng như những cuộc thảo luận sâu sắc diễn ra trong chiến dịch vận động tranh cử là những thực tiễn lành mạnh cần được duy trì trong một hệ thống quản trị cải tiến, điều này cuối cùng sẽ hỗ trợ vai trò của trường đại học như một hoạt động công ích.

## Quá nhiều người bị bỏ lại phía sau: Tầm quan trọng của TVET

Ellen Hazelkorn

*Ellen Hazelkorn là Giáo sư danh dự và là Trưởng phòng Nghiên cứu Chính sách Giáo dục Đại học, Viện Công nghệ Dublin, Ireland; là đối tác của Hiệp hội BH, Tư vấn Giáo dục; là thành viên nghiên cứu tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. Email: ellen.hazelkorn@tudublin.ie và info@bhassociates.eu., US. Email: ellen.hazelkorn@tudublin.ie và info@bhassociates.eu.*

Những thập kỷ gần đây đã chứng kiến sự thành công đáng kể về chính sách làm tăng số lượng thanh niên theo học và hoàn thành giáo dục đại học. Theo Education at a Glance 2020, trong những quốc gia OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế), 45% số người trong độ tuổi 25 - 34 đã gia nhập giáo dục đại học, so với chỉ 28,4% của độ tuổi 55 - 64, mặc dù tỷ lệ này khác nhau giữa các quốc gia. Con số này có thể sẽ tăng lên 49% trong những năm tới. Bất chấp việc học tập đòi hỏi chi phí cao, những người có trình độ học vấn cao hơn vẫn thành công hơn trong thị trường lao động và các cơ hội trong cuộc sống về lâu dài. Nhưng 50% còn lại thì sao? Chúng ta đã quan tâm nhiều đến những người không theo học đại học chưa?

Siêu toàn cầu hóa, thay đổi nhân khẩu học, khủng hoảng khí hậu và cuộc cách mạng công nghệ - cộng với những thay đổi do đại dịch COVID-19, tất cả đều đang định hình lại đáng kể thế giới công việc, cách thức và nơi chúng ta sống. Ngoài câu châm ngôn rằng mọi người sẽ làm những công việc mà hiện nay chúng ta thậm chí không biết đến, bản thân lực lượng lao động sẽ trở nên đa dạng hơn, ở nhiều độ tuổi hơn, nhiều phụ nữ hơn và đa dạng về sắc tộc hơn. Theo Trung tâm Phát triển Đào tạo Nghề của châu Âu (European Centre for the Development of Vocational Training - CEDEFOP), những kỹ năng cao hơn sẽ chiếm 41% tổng số kỹ năng cần có vào năm 2030 và gần 45% các công việc sẽ yêu cầu những kỹ năng ở mức trung bình. Tuy nhiên, tính trung bình ở những nước OECD, gần 39% thanh niên trong độ tuổi 25 - 29 được phân loại là NEET (neither employed nor in education or training) - không có việc làm cũng như không được giáo dục hoặc đào tạo.

Những thay đổi này, cùng với sự gia tăng chủ nghĩa dân túy và bất ổn xã hội, đang buộc các nhà hoạch định chính sách phải tập trung vào những điểm yếu lâu nay trong hệ thống giáo dục và đào tạo của mình. Những giả định rằng quá trình đại chúng hóa tự nó sẽ mang lại cơ hội cho tất cả mọi người bằng những cơ chế hòa nhập xã hội và tính di động - đang bị hoài nghi, và những con đường gia nhập giờ đây được coi là cũng khép lại nhiều cơ hội giáo dục và nghề nghiệp tương đương như mở ra những cơ hội mới. Ngược lại với sự chú trọng quá mức vào các trường đại học nghiên cứu sử dụng nhiều tài nguyên, có vị thế cao - sự chú ý đang chuyển hướng tới những trường bị bỏ lại phía sau. Suy cho cùng, 100 trường đại học hàng đầu được liệt kê trong bảng xếp hạng học thuật các trường đại học thế giới (2019) chỉ chiếm 1,4% tổng số sinh viên trên toàn thế giới.

### Tóm tắt

Chúng ta có quan tâm nhiều đến những người không học cao đẳng và đại học như những người được học không? Những giả định rằng đại chúng hóa tự nó sẽ mang lại cơ hội cho tất cả mọi người đang bị hoài nghi. Các trường cao đẳng kỹ thuật và trung cấp dạy nghề ngày càng được thừa nhận là đóng một vai trò không thể thiếu trong giáo dục cho người trên 18 tuổi. Nhiều quốc gia đang tiến xa hơn thế bằng việc xem xét định hình lại chính sách xoay quanh giáo dục đại học, bao gồm học chính quy, không chính quy, “cơ hội thứ hai” và học tập suốt đời.

*Bất chấp việc học tập đòi*

*hỏi chi phí cao, những*

*người có trình độ học vấn*

*cao hơn vẫn thành công*

*hơn trong thị trường lao*

*động và các cơ hội trong*

*cuộc sống về lâu dài.*

### **Phi đại học/TVET là gì?**

Giáo dục sau trung học được mô tả hoặc định nghĩa bằng những thuật ngữ khác nhau. Các chính phủ thường cho phép thị trường tự do hoặc hệ thống nhị phân kết hợp của họ tạo ra những loại hình đào tạo khác biệt, và mỗi loại hình đào tạo ra sinh viên tốt nghiệp cho những mục tiêu nghề nghiệp khác nhau. Vào những năm 1970, UNESCO đã phát triển bảng Phân loại Giáo dục Tiêu chuẩn Quốc tế (International Standard Classification of Education - ISCED) như một khuôn khổ để phân biệt những chương trình lý thuyết dài hơn với những chương trình thực hành kỹ thuật ngắn hơn tập trung vào kỹ thuật hoặc kỹ năng nghề nghiệp. ISCED sau đó được sửa đổi vào năm 1997 và một lần nữa vào năm 2011.

Giáo dục đại học (ISCED 6–8) được phân định rõ ràng bởi những bằng cấp được quốc tế công nhận ( cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) chủ yếu do các trường đại học cung cấp. Ngược lại, việc cung cấp đào tạo và thái độ đối với khu vực “phi đại học” khác nhau đáng kể. Bản thân tên gọi này minh họa cho mức độ mà những phát ngôn và chính sách công vẫn đóng khung những tổ chức này và sinh viên của họ là “những tổ chức khác”.

Có nhiều loại chứng chỉ khác nhau được liên kết với ISCED cấp 4 và 5, thường ít được công nhận bên ngoài quốc gia của họ. Loại hình đào tạo này được cung cấp ở nhiều quốc gia, từ những quốc gia có mức độ tiêu chuẩn hóa cao, có sự phân hóa trình độ mạnh mẽ và có mối liên kết giữa giáo dục và thị trường lao động, đến những quốc gia ít có sự phân hóa trình độ và có mối liên kết yếu giữa trường học và thị trường việc làm.

Ví dụ, Đức nhấn mạnh đến sự ngang bằng giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục học thuật. Tại Úc và Ireland, các cơ sở đào tạo hai bậc được thành lập để cung cấp giáo dục nghề nghiệp/chuyên môn từ ISCED 5 đến 8. Các trường cao đẳng cộng đồng ở Hoa Kỳ tập trung vào việc đào tạo lực lượng lao động, đào tạo nghề nghiệp đầu tiên cho sinh viên hoặc đào tạo lại, nâng bậc, hỗ trợ chủ sở hữu những doanh nghiệp nhỏ, hoặc giúp cộng đồng lập kế hoạch phát triển kinh tế. Ở những khu vực như Vương quốc Anh, giáo dục sau trung học phổ thông chủ yếu được coi là nguồn cung cho các trường đại học, dẫn đến tình trạng tranh giành giữa các trường đại học và cao đẳng.

Các cơ sở đào tạo Phi đại học/TVET (giáo dục và đào tạo kỹ thuật và dạy nghề) cung cấp lộ trình dẫn đến sự nghiệp có thu nhập cao cũng như đầu vào những cấp độ giáo dục cao hơn cho những người muốn học cao hơn. Tuy nhiên, ở nhiều quốc gia, những yếu tố văn hóa xã hội và chính sách lại mặc định rằng những tổ chức này có vị thế tương đối thấp và được cấp kinh phí và nguồn lực ít hơn đáng kể so với các trường đại học.

### **Định hình lại giáo dục sau trung học (postsecondary) thành giáo dục đại học (tertiary)**

Hoạt động dưới những tên gọi khác nhau, các trường cao đẳng TVET, trường bách khoa và những cơ sở tương tự ngày càng được thừa nhận là đóng một vai trò không thể thiếu trong giáo dục cho người từ 18 tuổi. Nhiều quốc gia đang tiến xa hơn bằng việc xem xét định hình lại chính sách xoay quanh giáo dục đại học, bao gồm học chính quy, không chính quy, “cơ hội thứ hai” và học tập suốt đời. Mục tiêu là hướng đến một tập hợp các lộ trình học tập tích hợp

hơn và mạng lưới các trường cao đẳng, đại học cung cấp cả kiến thức, kỹ năng phù hợp hơn với thị trường lao động, nhấn mạnh vào việc học tập dựa trên công việc và dựa trên sự hiểu biết công việc.

Những thay đổi cũng đang ảnh hưởng đến giáo dục nghề nghiệp, theo truyền thống vẫn được cung cấp trong các trường kỹ thuật ở cấp trung học. Được thiết kế lại cho thế kỷ XXI, nó vẫn giữ nguyên mô hình “vừa học vừa làm” nhưng giờ đây bao gồm cả những ngành công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu, sản xuất tiên tiến, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, v.v..., ngoài những lĩnh vực truyền thống như xây dựng, ô tô, v.v... Nhiều nước đang áp dụng những cách tiếp cận khác nhau, nhưng điều rõ ràng là giáo dục “phi đại học” sau trung học đang chiếm vị trí trung tâm. Là quốc gia đi đầu trong việc đổi mới, New Zealand đã thành lập Ủy ban Cố vấn Giáo dục Đại học (Tertiary Education Advisory Commission - TEAC) vào năm 2000. Ủy ban này đã thông qua một định nghĩa rộng về giáo dục đại học, đưa tất cả các cơ sở đào tạo tư nhân và công lập, giáo dục doanh nghiệp, đào tạo công nghiệp và mọi loại hình học tập suốt đời sau phổ thông trung học – về dưới sự quản lý của Ủy ban Giáo dục Đại học (Tertiary Education Commission - TEC). Wales cũng đang đi theo hướng này với việc soạn thảo luật để thành lập Ủy ban Nghiên cứu và Giáo dục Đại học (Commission for Tertiary Education and Research - CTER). Ireland đã đưa giáo dục sau trung học và giáo dục đại học về cùng một bộ chuyên trách.

Cơ quan Kỹ năng Tương lai của Singapore (Singapore's Skills Future) cung cấp một bộ chương trình giáo dục và đào tạo phổ quát cho sinh viên, cho công nhân viên chức ở ba mức thâm niên khác nhau, và cho người sử dụng lao động; bộ chương trình này được xây dựng như một phần của Khung Kỹ năng Singapore. Nó liên quan đến một loạt các nhà cung cấp giáo dục sau trung học, bao gồm cả các trường bách khoa Polytechnic. Mạng lưới liên bang gồm các tổ chức giáo dục nghề nghiệp, khoa học và công nghệ của Brazil tập hợp hơn 40 trường khác nhau. Ethiopia đã xác định TVET là ưu tiên quốc gia đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế quốc tế hóa năng động, được dẫn dắt bởi ngành công nghiệp. Tổng thống Hoa Kỳ Obama, và bây giờ là Tổng thống Biden, đề xuất miễn học phí cho hai năm cao đẳng cộng đồng.

Liên minh châu Âu đã khởi động sáng kiến Trung tâm dạy nghề xuất sắc (Centres of Vocational Excellence initiative), đặt giáo dục nghề nghiệp vào trung tâm của hệ sinh thái kỹ năng góp phần vào sự phát triển và đổi mới của khu vực, kinh tế và xã hội. Tại Vương quốc Anh, Ủy ban về Trường Cao đẳng của Tương lai (Commission on the College of the Future) đã công bố một số báo cáo, đề ra một chương trình tương tự cho các trường cao đẳng sau trung học. Ở cấp độ quốc tế, có Trung tâm Giáo dục và Đào tạo Kỹ thuật và Dạy nghề Quốc tế của UNESCO (UNESCO International Centre for Technical and Vocational Education and Training - UNEVOC) và CEDEFOP.

### **Thay đổi nhận thức về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo**

Thường xuyên bị gạt sang một bên hoặc bị coi nhẹ trong cơ sở phổ cập giáo dục đại học, hoặc bị coi là một lựa chọn rẻ tiền, giáo dục nghề

ng nghiệp sau trung học/TVET hiện được công nhận là một thành phần thiết yếu của hệ thống giáo dục (đại học) và hệ sinh thái rộng hơn. Bởi vì giáo dục sau trung học đã bao gồm cả phát triển kỹ năng cũng như phổ biến đổi mới và nghiên cứu ứng dụng - những yếu tố khi kết hợp cùng nhau có thể tác động trực tiếp hơn đến tăng trưởng kinh tế, văn hóa và xã hội bền vững, đặc biệt là ở những khu vực kém phát triển hơn. Nó đáp ứng những nhu cầu về đào tạo lại và nâng cao kỹ năng và có thể góp phần giải quyết những thách thức về nhân khẩu học - ngoài vai trò mạnh mẽ và trách nhiệm xã hội của nó đối với những cộng đồng thiệt thòi và thiếu số. Mục tiêu của việc tạo ra một hệ thống đại học thống nhất, bao gồm những nhà cung cấp giáo dục khác nhau cùng hợp tác, mỗi nhà cung cấp đều hướng tới mục tiêu trở thành tốt nhất trong loại hình của mình - là một ý tưởng đúng thời điểm.

## Giảm ghi danh vào các trường cao đẳng cộng đồng: Chia rẽ kinh tế ở Mỹ

**Anthony P. Carnevale**

*Anthony P. Carnevale là Giám đốc và là Giáo sư nghiên cứu tại Trung tâm Giáo dục và Lực lượng Lao động của Đại học Georgetown, Washington, Hoa Kỳ. Email: cewgeorgetown@georgetown.edu.*

**T**hị trường lao động Hoa Kỳ đang trải qua một thời kỳ thay đổi sâu sắc, khi nhiều công việc hơn đòi hỏi trình độ học vấn sau trung học và người lao động phải tìm mọi cách để điều chỉnh. Trong khi những cuộc suy thoái trước đây khiến người lao động thất nghiệp hoặc thiếu việc làm đổ xô đến các trường cao đẳng cộng đồng để nâng cao kỹ năng hoặc đào tạo lại, thì điều đó lại không diễn ra trong cuộc suy thoái COVID-19. Tỷ lệ ghi danh vào các trường cao đẳng công lập hệ hai năm giảm 10% vào mùa Thu năm 2020 và 9,5% vào mùa Xuân năm 2021 so với những năm trước.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy sự thay đổi này tác động mạnh nhất đến những cá nhân thuộc những hộ gia đình có thu nhập thấp và những người đang có kế hoạch theo đuổi chứng chỉ hoặc bằng cấp cao đẳng/đại học. Những hộ gia đình có người dự định ghi danh vào những chương trình chứng chỉ hoặc bằng cấp liên kết nhiều khả năng phải hủy bỏ hoàn toàn kế hoạch học tập của họ. Lý do có thể là chương trình họ dự định theo học không chuyển sang môi trường ảo. Một số chương trình chứng chỉ và bằng cấp liên kết yêu cầu thời gian thực hành nên không thể đào tạo trực tuyến. Trong những trường hợp khác, việc tiếp cận công nghệ ở nhà có thể là một thách thức đối với những sinh viên bất ngờ phải chuyển sang hình thức học tập ảo. Ngoài ra, mất việc làm và những khó khăn tài chính khác do suy thoái kinh tế gây ra có thể khiến sinh viên khó theo đuổi việc học tập như kế hoạch, vì nhiều người vẫn phải làm việc trong thời gian theo học để trang trải học phí và những chi phí khác.

### Tóm tắt

Số lượng sinh viên ghi danh vào các trường cao đẳng cộng đồng của Hoa Kỳ đã giảm xuống trong đại dịch COVID-19. Sự sụt giảm này là một bất lợi đặc biệt nghiêm trọng đối với người lao động, vì trình độ học vấn sau trung học đã trở nên giá trị hơn trên thị trường lao động Hoa Kỳ. Điều này làm nổi bật khoảng cách ngày càng tăng giữa những người được và không được đào tạo sau trung học ở Hoa Kỳ.

### **Sự chia rẽ ngày càng tăng**

Sự sụt giảm số lượng ghi danh vào các trường cao đẳng cộng đồng là một bất lợi đặc biệt nghiêm trọng đối với người lao động vì giáo dục sau trung học đã trở nên rất có giá trên thị trường lao động Hoa Kỳ. Mặc dù thu nhập khác nhau tùy theo chương trình học, nhưng nhìn chung, người lao động có thể mong đợi kiếm được nhiều tiền hơn sau mỗi cấp học bổ sung. Những người có bằng cử nhân kiếm được nhiều hơn trung bình 74% trong suốt cuộc đời của họ so với những người chỉ tốt nghiệp trung học.

Những thay đổi này càng làm trầm trọng thêm sự phân chia theo chủng tộc và giai cấp trong giáo dục đại học Hoa Kỳ. Những hộ gia đình có thu nhập cao hơn và những gia đình có sinh viên theo học các chương trình cử nhân hoặc sau đại học thường hiếm khi thay đổi kế hoạch của họ, và khi thay đổi, đa số cho biết họ tham gia các lớp học theo một hình thức khác thay vì hủy bỏ hoàn toàn kế hoạch học tập.

Hệ thống giáo dục đại học của Hoa Kỳ vốn đã có hai con đường riêng biệt và bất bình đẳng từ trước đại dịch COVID-19: một là những chương trình đào tạo đại học bốn năm được tài trợ tốt, có xu hướng tuyển sinh viên da trắng giàu có, và con đường kia là những chương trình hai năm, tuyển sinh rộng rãi, đông sinh viên và thiếu tài chính, mà hầu hết là trong các trường cao đẳng cộng đồng (ghi danh vào các trường cao đẳng cộng đồng chủ yếu là sinh viên da đen và Mỹ Latinh, cũng như sinh viên da trắng có thu nhập thấp). Do có vai trò ngày càng tăng đối với thành công kinh tế của các cá nhân, hệ thống giáo dục sau trung học của Hoa Kỳ hiện là một bánh răng trong cỗ máy bất bình đẳng giai cấp và chủng tộc của đất nước. Các trường đại học chọn lọc hệ bốn năm chi cho việc hỗ trợ giảng dạy và học tập nhiều gấp ba lần so với các trường cao đẳng cộng đồng, nên không có gì lạ khi các trường đại học chọn lọc có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao hơn. Giáo dục đại học đang lặp lại và khuếch đại sự bất bình đẳng được thừa hưởng từ hệ thống giáo dục Pre-K-12 (Hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ: từ nhà trẻ mẫu giáo đến lớp 12), sau đó lan truyền sự bất bình đẳng này vào thị trường lao động, truyền những đặc quyền chủng tộc và giai cấp qua các thế hệ.

### **Tương lai của các trường cao đẳng cộng đồng**

Sự sụt giảm bất ngờ số lượng ghi danh vào các trường đại học cộng đồng trong đại dịch COVID-19 báo trước cuộc khủng hoảng tuyển sinh đại học trong tương lai. Số lượng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng từ khoảng 3,8 triệu học sinh năm 2020 lên khoảng 3,9 triệu học sinh năm 2025, sau đó giảm xuống còn 3,5 triệu học sinh vào năm 2037. Xu hướng này sẽ củng cố sự phân chia giáo dục đại học ở Hoa Kỳ. Đối với các trường cao đẳng cộng đồng và các trường đại học không chọn lọc khác, sự thu hẹp dân số trong độ tuổi đại học sẽ dẫn đến giảm tỷ lệ nhập học. Tuy nhiên, đối với các trường đại học chọn lọc, sự gia tăng số lượng những gia đình có cha mẹ có bằng cử nhân - và sự giàu có đi kèm với trình độ đại học - sẽ làm tăng quy mô của nhóm ứng viên. Cuối cùng, chúng ta có thể sẽ phải chứng kiến sự giảm quy mô,

*Những thay đổi này càng  
làm trầm trọng thêm sự  
phân chia theo chủng tộc  
và giai cấp trong giáo  
dục đại học Hoa Kỳ.*

sáp nhập và đóng cửa các trường đại học không chọn lọc, trong khi các trường chọn lọc tiếp tục phát triển mạnh.

Hai đề xuất chính sách lớn cũng ảnh hưởng đến tương lai của các trường cao đẳng cộng đồng Hoa Kỳ và sinh viên của họ: kế hoạch việc làm cơ sở hạ tầng liên bang, và trường đại học cộng đồng miễn phí. Hiện chưa rõ liệu những đề xuất này sẽ được ban hành hay không và nếu có thì những điều khoản nào sẽ được đưa vào. Tuy nhiên, chúng ta cần đảm bảo rằng những đề xuất chính sách lớn này không dẫn đến những hình thức mới của sự phân biệt chủng tộc, giai cấp và giới tính.

Hơn một nửa trong số 15 triệu công việc giản đơn được tạo ra theo Kế hoạch Việc làm Hoa Kỳ trong hơn 10 năm sẽ dành cho những người lao động có bằng tốt nghiệp trung học trở xuống, những người có thể chỉ cần đào tạo ngắn hạn để thực hiện những công việc đó. Chúng tôi kỳ vọng rằng dự luật cơ sở hạ tầng sẽ hướng phần lớn nam thanh niên - những người thường làm những công việc giản đơn - đến những chương trình đào tạo tại các trường cao đẳng cộng đồng. Tuy nhiên, khi chương trình cơ sở hạ tầng cuối cùng kết thúc, nhiều người trong số những công nhân này có thể bị thay thế, ít nhất là trong ngắn hạn.

Nếu một chương trình cao đẳng cộng đồng miễn phí được triển khai ở Hoa Kỳ, những sinh viên có thu nhập thấp hoặc thuộc những nhóm chủng tộc và sắc tộc khó khăn có thể sẽ tập trung nhiều hơn vào những trường cao đẳng này. Trong khi đó, sinh viên da trắng giàu có sẽ tiếp tục ghi danh vào những chương trình đại học bốn năm, nơi họ có nhiều khả năng lấy được bằng cử nhân hơn và kèm theo là thu nhập cao hơn.

### **Khuyến nghị về chính sách**

Chúng ta có thể hành động để giúp thu hẹp khoảng cách ngày càng tăng này giữa những người có và không có trình độ đại học. Bằng cách tạo thêm những con đường từ trung học đến cao đẳng cộng đồng và từ cao đẳng cộng đồng đến bằng cử nhân, chúng ta có thể đảm bảo rằng nhiều sinh viên hơn có thể tiếp cận tấm vé đáng tin cậy nhất để gia nhập tầng lớp trung lưu. Những chính sách cải thiện cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo cử nhân, chẳng hạn như cho phép các trường đại học cộng đồng cấp bằng cử nhân, đã được thực hiện ở khoảng một nửa số tiểu bang ở Hoa Kỳ. Một số bang cũng quy định tỷ lệ chuyển tiếp cao hơn từ các trường cao đẳng cộng đồng sang các trường đại học công lập hệ 4 năm. Những thay đổi như thế rất quan trọng để giúp những sinh viên thiểu số có thu nhập thấp và thiệt thòi đạt được bằng cử nhân, thay vì bị dẫn dắt vào những chương trình sau trung học trong khi họ không có đủ nguồn lực để thành công.

Trong khi đó, thách thức cấp bách nhất là giúp những học sinh đã hủy bỏ kế hoạch học tập cao hơn của họ trong thời gian đại dịch - trở lại đúng hướng. Những dấu hiệu ban đầu cho học kỳ mùa Thu này không có nhiều hứa hẹn, bất chấp những cải thiện về sức khỏe cộng đồng và nền kinh tế. Vào tháng Bảy, số lượt người hoàn thành FAFSA - biểu mẫu hỗ trợ tài chính liên bang của Hoa Kỳ - giảm gần 5% so với năm ngoái, báo hiệu sự sụt giảm ghi danh có thể vẫn tiếp tục trong năm học này. Không

rõ liệu những thách thức liên tục về tài chính, những lo ngại về sức khỏe, hoặc thậm chí là những biện pháp khuyến khích trở lại làm việc có khiến những sinh viên tiềm năng miễn cưỡng bắt đầu hoặc tiếp tục việc học tập của họ hay không.

Thực tế đáng tiếc là người sử dụng lao động vẫn sẽ không thay đổi xu hướng đề cao người lao động có trình độ sau trung học hơn người không có trình độ. Những sinh viên bỏ học từ các trường cao đẳng cộng đồng giữa đại dịch COVID-19 có thể được tăng lương trong ngắn hạn trong bối cảnh thiếu nhân công hiện nay, nhưng họ có nguy cơ bị tụt hậu trong dài hạn trong một lực lượng lao động ngày càng cạnh tranh.

## Khi nào, nếu không phải bây giờ? Những chương trình ngắn hạn ở Mỹ Latinh

**Maria Marta Ferreyra**

*Maria Marta Ferreyra là Chuyên viên kinh tế cao cấp tại Văn phòng Kinh tế Trưởng khu vực Mỹ Latinh và Caribe, Ngân hàng Thế giới. Email: mferreyra@worldbank.org.*

Nâng cao kỹ năng và đào tạo lại nhân lực cho thế giới công việc mới vẫn được xem là một nhiệm vụ thiết yếu từ trước tháng 3 năm 2020, nhưng đại dịch COVID-19 đã khiến việc này trở nên cấp bách. Thật vậy, trên khắp thế giới, đại dịch đã làm nổi bật những xu hướng tồn tại từ trước như tự động hóa, sử dụng các nền tảng điện tử và sự thống trị của những kỹ năng kỹ thuật và phân tích - những xu hướng này đã phá hủy nhiều công việc, nhưng cũng tạo ra nhiều công việc khác. Đối với những quốc gia có thu nhập cao hơn cũng như thu nhập thấp hơn, chương trình nghị sự về kỹ năng là rất quan trọng để đưa mọi người trở lại làm việc, đồng thời trang bị cho họ trong môi trường mới này. Chương trình nghị sự này thậm chí còn cấp bách hơn đối với Mỹ Latinh và Caribe (Latin America and the Caribbean - LAC), là khu vực bị đại dịch tàn phá nặng nề nhất về mặt kinh tế.

Do ngắn hạn và đào tạo thực hành, những chương trình SCP (short-cycle programs) là giải pháp duy nhất phù hợp với thách thức hiện nay. Chúng hấp dẫn đối với những sinh viên có ít lựa chọn, ít thời gian, thiếu nguồn lực, hoặc không đủ điều kiện theo học chương trình cử nhân, cũng như những cá nhân có thể chỉ đang tìm kiếm những kỹ năng bổ sung. SCP cũng hấp dẫn đối với các nhà tuyển dụng, những người phải chật vật tìm kiếm nhân lực được trang bị những kỹ năng mong muốn. Tuy nhiên, ở khu vực LAC, SCP bị coi là một lựa chọn giáo dục đại học thấp kém - một sự kỳ thị có lẽ là không công bằng, như được thảo luận dưới đây.

### Bức tranh SCP ở LAC

Giáo dục đại học đã mở rộng đáng kể trong những năm gần đây, với tỷ lệ nhập học tổng (gross enrollment rates) tăng từ 23% lên 52% trong thiên niên kỷ mới. Tuy nhiên, SCP chỉ thu hút được 9% tổng số sinh viên đại

### Tóm tắt

Giáo dục đại học ở Mỹ Latinh và Caribe (LAC) đã mở rộng đáng kể trong thiên niên kỷ mới, nhưng tỷ lệ đăng ký vào những chương trình chu kỳ ngắn hạn (SCP: short-cycle programs) vẫn còn tương đối thấp. Bảng chứng gần đây chỉ ra rằng mặc dù SCP, tính trung bình, có đầu ra thị trường lao động khá tốt, chúng khác nhau rất nhiều về chất lượng. Ngoài ra, các nhà cung cấp SCP đáp ứng nhanh chóng và linh hoạt những nhu cầu của nền kinh tế địa phương. Những hoạt động cụ thể liên quan đến giảng viên, hỗ trợ tìm kiếm việc làm và tương tác với các nhà tuyển dụng tiềm năng là những điểm đặc biệt của những chương trình tốt nhất.



*Ngắn hạn và đào tạo*

*thực hành, những chương*

*trình SCP là giải pháp*

*duy nhất phù hợp với*

*thách thức hiện nay.*

học của LAC, thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ toàn cầu là 24%. SCP là sự bổ sung tương đối muộn cho bối cảnh giáo dục đại học của LAC, và loại hình tổ chức được phép cung cấp SCP (trường đại học, trường phi đại học hoặc cả hai) thay đổi tùy theo quốc gia. Các chương trình SCP kéo dài hai hoặc ba năm; và trong khi nhiều trường tuyên bố cung cấp những con đường dẫn đến bằng cấp cao hơn, trong thực tế, điều này thường không xảy ra.

Sinh viên của các SCP chịu nhiều bất lợi hơn và ít tính truyền thống hơn so với sinh viên trong các chương trình cử nhân. Tuy nhiên, họ vẫn có được kết quả đầu ra học tập và thị trường lao động thuận lợi. Họ tốt nghiệp với tỷ lệ cao hơn sinh viên cử nhân (57% so với 46%). Mặc dù họ kiếm được mức lương thấp hơn sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân - một thực tế hiển nhiên - họ có kết quả tốt hơn so với những sinh viên bỏ học chương trình cử nhân: tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn (3,8% so với 6,1%), tỷ lệ có việc làm chính thức cao hơn (82% so với 67%), và lương cao hơn (13%). Ngay cả khi tính đến những đặc điểm của sinh viên, trung bình sinh viên tốt nghiệp SCP kiếm được nhiều hơn 60% so với học sinh tốt nghiệp trung học và 25% so với sinh viên bỏ học chương trình cử nhân. Hơn nữa, nhu cầu tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp SCP cao hơn so với sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân, bằng chứng là các vị trí tuyển dụng được đăng trên các cổng trực tuyến.

Tuy nhiên, không phải mọi chương trình SCP đều tốt như nhau. Đầu ra của thị trường lao động, lợi nhuận ròng từ chi phí đầu tư cho học tập (net-of-costs returns), và lợi ích gia tăng của kết quả đầu ra của sinh viên (value-added-to-student outcomes) là khác nhau đáng kể giữa các lĩnh vực, giữa các tổ chức, giữa các cá nhân sinh viên và khu vực địa lý. Bởi vì điều này cũng đúng đối với các chương trình cử nhân, nên nhiều SCP mang lại kết quả và lợi ích tốt hơn nhiều chương trình cử nhân. Tuy nhiên, đối với một học sinh thiếu thông tin, sự khác biệt này gây ra rủi ro đáng kể.

Nguồn cung cấp SCP trong LAC rất sôi động, vì các SCP ra vào thị trường (xáo trộn) thường xuyên hơn các chương trình cử nhân. Các tổ chức mở các SCP mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động địa phương, trong đó các tổ chức tư nhân, tổ chức phi đại học đáp ứng nhu cầu tốt nhất. Ngược lại, các chương trình cử nhân đáp ứng chậm chạp hơn. Nhạy bén và linh hoạt, SCP do đó có thể điều chỉnh các dịch vụ của họ phù hợp với bối cảnh hiện tại.

### **Điều gì tạo nên một chương trình “tốt”?**

Hãy cho rằng một chương trình “tốt” là chương trình tạo ra kết quả đầu ra tốt, khi tính đến các đặc điểm của người học. Những gì làm cho nó tốt? Để thiết kế ra những chương trình tốt, việc cơ bản là xem xét “hộp đen” chất lượng của chương trình, nhưng điều này khó thực hiện được nếu thiếu thông tin từ các bộ dữ liệu tiêu chuẩn. Để khắc phục trở ngại này, tại Ngân hàng Thế giới, chúng tôi đã thiết kế và triển khai Khảo sát Chương trình Chu kỳ Ngắn hạn (World Bank Short-Cycle Program Survey - WBSCPS) của Ngân hàng Thế giới tại Brazil, Colombia, Cộng

hòa Dominica, Ecuador và Peru. Chúng tôi đã phỏng vấn khoảng 2.100 giám đốc chương trình từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 7 năm 2020, qua điện thoại và trực tuyến. Các giám đốc chương trình đã trả lời nhiều câu hỏi liên quan đến thực tiễn, đặc điểm và đầu vào của chương trình; tập thể sinh viên; và kết quả đầu ra của sinh viên.

Dữ liệu phong phú này xác định những phương pháp thực hành đặc biệt được áp dụng bởi những chương trình có kết quả tốt nhất. Liên quan đến kết quả học tập: trong những chương trình giảng dạy có cấu trúc cố định tỷ lệ bỏ học và thời gian bỏ học của sinh viên thấp hơn; đánh giá giảng viên bằng cách sử dụng đánh giá ngang hàng; và tuyển dụng giảng viên có kinh nghiệm thực hành. Liên quan đến đầu ra thị trường lao động: việc làm chính thức và tiền lương cao hơn trong những chương trình có cơ sở hạ tầng đầy đủ để đào tạo thực hành, dạy năng lực số, cung cấp dịch vụ sửa chữa trong suốt chương trình và tuyển dụng giảng viên có kinh nghiệm thực hành. Ngoài ra, những chương trình này cũng tương tác thường xuyên với khu vực tư nhân và hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm. Mặc dù không liên quan trực tiếp, nhưng bằng chứng này chỉ ra rằng việc áp dụng những thực tiễn như vậy có thể cho phép các chương trình cải thiện kết quả của sinh viên, do đó làm giảm mức độ khác biệt về chất lượng của đầu ra, vốn gây lo ngại và phần nào giải thích cho sự kỳ thị đối với SCP.

### **Sự kỳ thị này có công bằng không tại thời điểm cấp bách hiện nay?**

Có và không. Không, vì những thành công và hứa hẹn thành công của SCP (phần lớn có thể chưa được biết đến); có, vì những yếu điểm của chúng. Thay vì loại bỏ hoặc xếp SCP xuống bậc thấp nhất của giáo dục đại học - như từng thế trong quá khứ - các nhà hoạch định chính sách có thể cải thiện những điểm yếu này bằng một số chính sách bổ sung. Đầu tiên là thu thập và phổ biến thông tin ở độ cấp chương trình về SCP và các chương trình cử nhân, bao gồm mức lương trung bình của sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ có việc làm chính thức. Thông tin này là cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách - những người chịu trách nhiệm điều phối lĩnh vực - và cho sinh viên - những người cần đưa ra quyết định lựa chọn sáng suốt. Thứ hai là cung cấp hỗ trợ tài chính cho sinh viên SCP. Các quốc gia LAC cung cấp mức trợ cấp/sinh viên cao hơn cho sinh viên của chương trình cử nhân so với sinh viên thuộc SCP, mặc dù sinh viên SCP thiệt thòi hơn; và hiếm khi hỗ trợ sinh viên trong các trường tư - nơi đang đào tạo một nửa tổng số sinh viên SCP. Chính sách thứ ba liên quan đến giám sát và quy định. Các nhà hoạch định chính sách nên đánh giá các chương trình bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn giải trình dựa trên kết quả đầu ra, sàng lọc chúng một cách cẩn thận khi đưa vào triển khai và kiểm tra đánh giá định kỳ. Điều quan trọng là họ nên đóng những chương trình kém hiệu quả. Chính sách thứ tư là tạo ra những con đường linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu kỹ năng trong các khối "có thể xếp chồng lên nhau" như một phần của học tập suốt đời. Điều quan trọng nhất là các nhà hoạch định chính sách có trách nhiệm tạo ra một môi trường trong đó chỉ những SCP tốt mới được đưa vào giảng dạy và trong đó những sinh viên quan tâm, được cung cấp đủ thông tin - có đủ phương tiện để theo

học. SCP có thể chứng tỏ sự hữu ích trong việc đưa mọi người trở lại làm việc và chuẩn bị cho họ bước vào thế giới công việc ngày nay. Khi thành công, SCP có thể không còn bị coi là lựa chọn cuối nữa, mà là lựa chọn đúng đắn cho nhiều người vào thời điểm cấp thiết. Do đó, lúc này là thời gian chín muồi cho các SCP trong khu vực LAC.

### Tóm tắt

Tương lai của giáo dục sau phổ thông trung học ở Vương quốc Anh đang bị thách thức. Chính phủ dường như chỉ coi vai trò của giáo dục sau phổ thông trung học là hỗ trợ nền kinh tế thông qua việc cung cấp một nền tảng kỹ năng được cải thiện. Một cách tiếp cận khác sẽ mang lại sự thống nhất trong quản trị và quản lý giáo dục sau phổ thông trung học và đại học để tạo ra một hệ thống giáo dục đại học. Áp dụng cách tiếp cận như vậy sẽ bao hàm sự phân cấp chính sách cho các khu vực, tách khỏi chính quyền trung ương.

## Rạn nứt chính sách trong giáo dục sau phổ thông và giáo dục đại học ở Anh Quốc

**Michael Shattock**

*Michael Shattock là Giáo sư mời giảng tại Viện Giáo dục, London College, và là Nghiên cứu viên danh dự tại Đại học Oxford; ông cũng tham gia vào dự án của Trung tâm Giáo dục Đại học Toàn cầu Oxford về các trường Đại học và Khu vực, Vương quốc Anh. Email: m.shattock@ucl.ac.uk.*

Các trường cao đẳng nghề (Further Education College - FEC) hình thành dưới sự quản lý của các cơ quan giáo dục địa phương (Local Education Authority - LEA), và là nền tảng cho việc thành lập các trường kỹ thuật bách khoa (Polytechnic) vào năm 1967, nhưng vào năm 1993, những trường này được hợp nhất, thoát khỏi sự kiểm soát của LEA và có tư cách độc lập. Giáo dục sau trung học phổ thông (Further Education - FE) ở Anh hiện được tài trợ thông qua Cơ quan Giáo dục Nâng cao và Kỹ năng (Further Education and Skills Agency) thuộc Bộ Giáo dục (Department for Education - DfE). Trước đây các trường đại học được tự chủ, nhưng hiện nay chịu sự kiểm soát của Văn phòng Sinh viên (Office for Students), đồng thời có trách nhiệm báo cáo với DfE. Năm 1992, việc quản lý giáo dục đại học (Higher Education - HE) được phân cấp và sau đó được trao quyền cho Scotland, Wales, Bắc Ireland, và Anh; FE cũng như vậy.

Kể từ năm 1993, sự phát triển của các trường cao đẳng nghề về cơ bản phụ thuộc vào thị trường tuyển sinh của họ: Các FEC cung cấp cho học viên từ 16 tuổi các khóa học GCSE A-Level, các khóa học công nghệ và nghề nghiệp, và một loạt những khóa học trong chương trình cử nhân công nghệ (Bachelor of Technology - BTec); họ tham gia ngày càng nhiều vào những chương trình tiếp cận giáo dục đại học và hợp tác với các trường đại học để đào tạo hai năm nền tảng của những chương trình cấp bằng. Do đó, trên thực tế, có hai thị trường đang hoạt động, một thị trường giáo dục sau trung học và một thị trường giáo dục đại học, thị trường thứ hai được cải thiện rõ rệt bởi sự ra đời của Quy định học phí trọn khóa, vào năm 2012, thay cho tài trợ trực tiếp của chính phủ.

Vào năm 1993, khi khu vực này chính thức được thành lập, có khoảng 450 FEC ở Vương quốc Anh, nhưng con số này đã giảm đáng kể thông qua các vụ sáp nhập trong những năm sau đó; đến năm 2019 còn lại 294, và được phân bố như sau: England 248, Scotland 26, Wales 14 và Bắc Ireland 6. Trong khi đó, số lượng các trường đại học, chủ yếu thông qua

việc nâng cấp các trường cao đẳng trước đây của giáo dục đại học, đã tăng lên đến mức số lượng các trường đại học công lập hiện nay là 163. Trong giai đoạn này, FE ở cả bốn quốc gia nói trên được coi là người bà con nghèo của giáo dục trung học, ít được đầu tư và ít thu hút sự quan tâm về mặt chính trị. Trái lại, các trường đại học, không những được duy trì nhờ tài trợ cho nghiên cứu tăng lên và mức học phí cao (ngoại trừ ở Scotland), còn được tài trợ tương đối tốt và được hưởng sự quan tâm chính trị tối đa (mặc dù cách diễn đạt này có thể không hoàn toàn chính xác). Năm 2020, Wales tuyên bố ý định chuyển sang hệ thống giáo dục đại học, cân nhắc các chính sách hợp nhất FE và HE, để phù hợp hơn với hoàn cảnh kinh tế và địa vật lý của đất nước. Vào năm 2021, Scotland, nơi có 20% HE vẫn được thực hiện ở khu vực FE, đã bắt đầu quá trình tham vấn nhằm đi theo con đường tương tự.

### Những thay đổi hiện tại ở Anh

Năm 2019, chính phủ công bố bản Đánh giá Giáo dục cho người từ 18 tuổi (The Post-18 Education Review - Đánh giá Augar); ngoài khuyến nghị giảm học phí GDĐH - điều có khả năng gây bất ổn tài chính cho các trường đại học, Đánh giá Augar còn đề xuất dành một vai trò tích cực hơn cho khu vực FE, cùng với việc rút vốn rất cần thiết cho cơ sở hạ tầng. Chính phủ vẫn chưa phản hồi về những đề xuất liên quan đến FE của Đánh giá nhưng đã công bố hai tài liệu, một là Sách trắng Skills for jobs: Lifelong learning for opportunity and growth (DfE, 2021), và Tài liệu Chính sách Build back better: Our plan for growth (H M Treasury, 2021), nhằm xác định chiến lược công nghiệp của mình; cả hai tài liệu này đều thể hiện rõ quan điểm về tương lai của FE. Tài liệu đầu tuyên bố rằng sứ mệnh cốt lõi của giáo dục sau phổ thông trung học là “tăng hiệu quả, hỗ trợ các ngành tăng trưởng và mang lại cho các cá nhân cơ hội phát triển sự nghiệp của họ” và nhằm mục đích cung cấp “mối liên hệ liền mạch và bền chặt giữa giáo dục sau trung học và nền công nghiệp” - đáng lưu ý là với “giáo dục sau trung học” chứ không phải là với các trường đại học. Người sử dụng lao động “có vai trò trung tâm trong việc thiết kế các chương trình bằng cấp và đào tạo”. Tài liệu thứ hai xác định nền tảng kỹ năng là một trong “ba trụ cột” cần được đầu tư để thực hiện kế hoạch, trong đó các thành phố “sẽ là động cơ thúc đẩy tăng trưởng” và đổi mới. Trụ cột thứ hai sẽ “hỗ trợ và khuyến khích phát triển những ý tưởng sáng tạo và công nghệ sẽ định hình tương lai nền kinh tế tăng trưởng cao, bền vững và an toàn của Vương quốc Anh”, điều này có nghĩa là làm tăng thêm khoảng cách giữa một bên là FE - khu vực chịu trách nhiệm đào tạo những kỹ năng cơ bản và bên kia là HE - khu vực chịu trách nhiệm về đổi mới, và có lẽ là về những ý tưởng sáng tạo.

Tiếp theo, DfE đã tiết lộ ý định giới thiệu một loại văn bằng FE mới là T-level (Technical Qualifications-Level), song song với GCSE A-level, và hợp lý hóa các khóa học nghề, với mục đích loại bỏ “bằng cấp loại hai”. Ý định này đang bị phản đối mạnh mẽ bởi những người đứng đầu các trường cao đẳng và đã được một cựu ngoại trưởng Mỹ mô tả là “hành động phá hoại”. Điều này rõ ràng hàm ý rằng các hạn chế sẽ được áp dụng

*Do đó, trên thực tế, có hai thị trường đang hoạt động, một thị trường giáo dục sau trung học và một thị trường giáo dục đại học.*

đối với một số trường HE, có thể là trong các lĩnh vực phi nghề nghiệp, để tạo điều kiện hỗ trợ tài chính cho việc mở rộng FE.

Về cơ bản, những cải cách này cho thấy trước tiên, vai trò trong tương lai của FE sẽ chỉ đơn giản là nguồn cung cấp công nghệ cho ngành công nghệ cao, và thứ hai, là một khu vực tiếp tục hoạt động tách biệt với HE, sự phối hợp chính sách với HE chỉ là tối thiểu. Điều này ngụ ý rằng việc thu hẹp các chức năng của FE, theo ước tính, sẽ loại trừ tới 20% học sinh không thể đáp ứng những yêu cầu đầu vào T-Level về tiếng Anh và môn Toán, và sẽ rút ngắn nghiêm trọng danh mục nghề nghiệp chuyên môn mà các trường cao đẳng hiện đang đào tạo. Điều này cũng hạ thấp đáng kể vai trò của các trường cao đẳng trong việc hỗ trợ mở rộng đối tượng tham gia vào giáo dục đại học bằng cách vươn đến những khu vực đang suy thoái về kinh tế và xã hội.

### **Chính sách thay thế - phát triển những phương pháp tiếp cận đại học (tertiary)**

Thiệt hại đáng kể nhất từ những chính sách mới này là sự thiếu nhất quán giữa hai khu vực của giáo dục sau trung học và không thừa nhận hiệu quả chắc chắn của sự hợp tác chặt chẽ giữa các trường cao đẳng với cộng đồng của họ. Điều này cho thấy sự cần thiết thống nhất về quản trị và quản lý cả hai khu vực và tiến tới một hệ thống giáo dục đại học (tertiary education system). Trên cơ sở 45% phản hồi từ các FEC, nghiên cứu gần đây của Shattock và Hunt ước tính rằng 89% FEC đã có những thỏa thuận chung hoặc hợp tác trực tiếp với các trường đại học trong các lĩnh vực nâng cao trình độ của sinh viên, thỏa thuận nhượng quyền, thỏa thuận công nhận và các chương trình cấp bằng học việc. Hơn nữa, nhiều trường đại học như Lincoln hoặc Plymouth có quan hệ đối tác với mạng lưới các trường cao đẳng nằm ở những khu vực còn nhiều khó khăn về kinh tế và xã hội, cung cấp những con đường quan trọng để tiếp cận giáo dục đại học và cao hơn.

Trong tình huống mà Vương quốc Anh bị cho là phải chịu sự bất bình đẳng kinh tế lớn hơn so với bất kỳ khu vực nào khác ở châu Âu, và trong khi - theo thống kê của chính phủ - 260 trong số 317 khu vực phường xã ở Anh có một trong 20% khu vực thiếu thốn nhất ở quốc gia này, vai trò cộng tác của FE với HE đóng góp quan trọng vào chương trình nghị sự “nâng tầm” quốc gia. Nhưng để đạt được điều này, chỉ loại bỏ các lỗ hổng trong chính sách của chính quyền trung ương là chưa đủ. Sẽ hiệu quả hơn nhiều nếu việc ra quyết định được chuyển đến gần những khu vực, nơi mà kiến thức địa phương có thể đóng góp vào đó phần lớn hơn.

## Những lựa chọn thay thế cho giáo dục đại học ở Đức

**Barbara M. Kehm**

*Barbara M. Kehm là Nghiên cứu viên tại Trung tâm Khoa học và Xã hội Leibniz (LCSS), Leibniz University of Hannover, Đức. Email: bmkehm@t-online.de.*

Khu vực phi đại học của giáo dục sau trung học ở Đức là một bối cảnh khá phức tạp bao gồm các loại hình giáo dục đại học khác nhau và một hệ thống giáo dục và đào tạo nghề lớn. Hơn nữa, có sự phân biệt rõ ràng giữa các trường công và tư. Bài viết mô tả sự sắp xếp này và cung cấp thông tin về một số vấn đề của nó.

### Các trường đại học khoa học ứng dụng

Mặc dù có tên tiếng Anh chính thức là đại học (Universities of Applied Sciences), các trường đại học khoa học ứng dụng (UAS, Fachhochschulen) vẫn bị coi là những tổ chức phi đại học. Ra đời vào năm 1972 như một loại hình cơ sở giáo dục đại học mới để tạo ra một sự thay thế cho các trường đại học, UAS cung cấp nơi học tập bổ sung trong giai đoạn mở rộng giáo dục đại học. Ban đầu, UAS được xem như những tổ chức chuyên giảng dạy, không thực hiện nghiên cứu và không được phép cấp bằng tiến sĩ. Học sinh có thể đăng ký vào học tại UAS khi học xong 12 năm ở phổ thông; trong khi để vào một trường đại học cần hoàn thành 13 năm. Các giáo sư tại UAS không bắt buộc phải có bằng habilitation (một dạng bằng tiến sĩ thứ hai), nhưng thay vào đó phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm chuyên môn bên ngoài lĩnh vực giáo dục đại học. Sau khi nước Đức thống nhất vào năm 1990, các UAS cũng được triển khai ở những bang Đông Đức mới mà trước đây chúng chưa có mặt. Hiện tại, khoảng 40% tổng số sinh viên ở Đức theo học trong các UAS.

Hệ thống giáo dục đại học công lập của Đức bao gồm 121 trường đại học, 218 UAS và 57 cơ sở giáo dục đại học về nghệ thuật và âm nhạc. Trong số 218 UAS, có 30 “UAS dành cho hành chính công”, chuyên đào tạo những ngành nghề khác nhau trong khu vực công. So với các trường đại học, UAS chủ yếu cung cấp các chương trình cấp bằng theo định hướng ứng dụng hoặc thực hành, có nhiều ngành học hơn và chủ yếu cấp bằng cử nhân. Các nhóm ngành học chính có thể thấy tại các UAS là kỹ thuật, quản trị kinh doanh và chăm sóc sức khỏe/công tác xã hội. Theo thời gian, nhiều ngành học khác nhau (ví dụ: du lịch, bất động sản, quản lý khách sạn, v.v...) đã được thêm vào như hệ quả của quá trình học thuật hóa. Nét điển hình của các chương trình cấp bằng tại UAS là bao gồm ít nhất một kỳ thực tập bắt buộc.

Sự khác biệt rõ ràng ban đầu giữa các trường đại học và UAS đã mờ dần đi ở mức độ nào đó. Một số lượng lớn các UAS đã hợp tác thực hiện những nghiên cứu và phát triển thường được áp dụng tại các tổ chức hoặc công ty khu vực tư nhân. Họ cũng cấp bằng thạc sĩ trong ít nhất một số ngành học. Ở một vài bang của Đức, UAS thậm chí còn được quyền cấp bằng tiến sĩ cho những lĩnh vực nghiên cứu mà họ có thể mạnh. Ở những bang khác,

### Tóm tắt

Giáo dục đại học của Đức là một hệ thống nhị phân chủ yếu bao gồm các trường đại học và trường đại học khoa học ứng dụng (UAS) - ban đầu được định hình là những tổ chức chỉ giảng dạy những chương trình cấp bằng ứng dụng. Bài báo này tập trung vào lĩnh vực UAS, nhưng cũng cung cấp thông tin về giáo dục và đào tạo nghề (được coi là giáo dục sau trung học, nhưng không mang tính học thuật và không phải là một phần của giáo dục đại học). Nó cho thấy vì sao và theo cách nào mà ranh giới giữa các khu vực khác nhau của giáo dục sau trung học ngày càng trở nên mờ nhạt.

sinh viên tốt nghiệp UAS có thể học tiếp lên chương trình tiến sĩ với điều kiện trường của họ có thỏa thuận hợp tác với một trường đại học là trường sẽ cấp bằng. Trong những trường hợp như vậy, sinh viên được hướng dẫn đồng thời bởi một giáo sư đại học và một giáo sư của UAS. Các trường đại học cố gắng bảo vệ và giữ độc quyền trong việc cấp bằng tiến sĩ và hoàn toàn không hài lòng với việc sự khác biệt giữa hai khu vực này đang dần bị xóa mờ.

### **Các tổ chức giáo dục đại học kép**

Giáo dục sau trung học của Đức còn có hai loại tổ chức phi đại học khác nữa: UAS dành cho hành chính công (đã đề cập ở trên) và, ở một số bang còn được gọi là “tổ chức giáo dục đại học kép - dual higher education institutions”. Có 30 UAS dành cho quản lý công trong hệ thống giáo dục đại học của Đức, với hơn 57 ngàn sinh viên. Chúng tạo thành một loại hình đặc biệt hoặc loại hình phụ trong khu vực UAS. Sinh viên trong những cơ sở này là những người làm công tác quản lý nhà nước, thường là công chức, được người sử dụng lao động cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn và để có đủ điều kiện thăng tiến trong công vụ. Sau khi tốt nghiệp, họ trở lại nơi làm việc cũ hoặc đến nơi làm việc khác cũng trong khu vực dịch vụ công.

Đức có tổng cộng 41 cơ sở giáo dục đại học kép, hầu hết ở các bang Baden – Wuerttemberg và Thuringia. Trong khi ở bang Baden – Wuerttemberg những cơ sở loại này thuộc khu vực giáo dục đại học, thì ở bang Thuringia chúng là một phần của giáo dục và đào tạo nghề sau trung học. Những học sinh có chứng chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở và có hợp đồng giáo dục và đào tạo nghề với một công ty/doanh nghiệp có thể học ở những cơ sở này trong ba năm và tốt nghiệp với bằng cử nhân ứng dụng, đồng thời được đào tạo thực hành ở công ty/doanh nghiệp đã ký hợp đồng. Các chương trình cấp bằng kép hiện cũng được cung cấp tại các trường đại học và UAS; đây cũng là một hình thức xóa mờ sự khác biệt giữa 2 khu vực.

### **Giáo dục và đào tạo nghề sau trung học**

Đức nổi tiếng là nơi có khu vực giáo dục và đào tạo nghề (sau trung học) lớn và rất thành công, nhưng lại không được coi là một phần của giáo dục đại học. Để nhận được bằng cấp nghề nghiệp trong khu vực này cần khoảng ba đến ba năm rưỡi. Nhìn chung, khu vực này đào tạo 325 ngành nghề khác nhau. Phần giáo dục được thực hiện trong các trường chuyên nghiệp và cung cấp kiến thức lý thuyết khung của một nghề nhất định. Phần đào tạo được thực hiện trong các công ty, doanh nghiệp, khu vực công và do các thợ lành nghề hướng dẫn. Quá trình đào tạo nghề đòi hỏi sự tham gia hướng dẫn của một nghề nhân bậc thầy.

Giáo dục và đào tạo nghề được chia thành sáu lĩnh vực ngành nghề lớn: công thương (bao gồm ngân hàng, bảo hiểm, ăn uống và vận tải và giao thông); nghề thủ công; nông nghiệp; dịch vụ công cộng; các ngành nghề độc lập; và kinh tế gia đình. Bằng cấp bao gồm nhiều bậc như công nhân lành nghề hoặc kỹ thuật viên, thợ thủ công, và thợ thủ công bậc thầy. Năm 2019, có gần 1,33 triệu học viên (với 35% là nữ) đăng ký vào khu vực giáo

*Đức nổi tiếng là nơi có*

*khu vực giáo dục và đào*

*tạo nghề (sau trung học)*

*lớn và rất thành công,*

*nhưng lại không được coi*

*là một phần của giáo dục*

*đại học.*

dục và đào tạo nghề, nhiều hơn số sinh viên đang theo học tại các UAS. Bởi vì các học viên cũng tham gia vào quá trình sản xuất tại công ty/doanh nghiệp mà họ đang được đào tạo, họ sẽ được nhận một mức lương khiêm tốn tính từ ngày đầu tiên gia nhập, mức lương này tăng lên hàng năm.

Tuy nhiên, khu vực này đang phải đối mặt với một kiểu xóa nhòa ranh giới khác, đó là ngày càng nhiều ngành nghề và nghề thủ công đang chuyển sang khu vực giáo dục đại học (UAS hoặc các cơ sở giáo dục đại học kép). Nhưng trường hợp xóa nhòa sự khác biệt và quá trình học thuật hóa này khiến cho các tổ chức ở cả hai khu vực đều không hài lòng. Các chuyên gia giáo dục đã dự đoán những diễn biến này từ khá lâu. Những chuyển đổi này chủ yếu được coi là do sự ra đời của hệ thống hai bậc bằng cử nhân và thạc sĩ thông qua việc thực hiện Tiến trình Bologna, và sự phát triển toàn cầu do sự trôi dạt của các xã hội tri thức và nền kinh tế.

## Ireland: cảnh báo về chính sách miễn học phí

**Arthur M. Hauptman**

*Arthur M. Hauptman là Nhà tư vấn độc lập trong lĩnh vực chính sách công, chuyên về các vấn đề tài chính giáo dục đại học. Email: art.hauptman@yahoo.com. Bài viết này được tóm tắt từ một báo cáo chung của hai tác giả là Jason Delisle và Arthur Hauptman và được phát hành gần đây bởi Viện Doanh nghiệp Hoa Kỳ.*

**B**ắt đầu từ năm 1995, Ireland bãi bỏ việc thu học phí đối với sinh viên đại học chính quy; tại thời điểm đó, học phí ở quốc gia này cao hơn 20% so với mức học phí tại các trường hàng đầu của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đồng thời, học phí được thay thế bằng hệ thống phí đăng ký áp dụng với tất cả sinh viên; khi đó là 200 USD, nhưng hiện nay là khoảng 3.600 USD, tăng gấp 10 lần tính theo giá trị thực tế. Mức phí này thấp hơn mức học phí trung bình ở Hoa Kỳ, nhưng cao hơn mức học phí hiện nay ở nhiều nước châu Âu. Đồng thời, chính phủ Ireland cũng cấp cho các cơ sở giáo dục những khoản tài-trợ-thay-cho-học-phí, để bù đắp một phần học phí bị mất.

Giống như kỳ vọng của những người hiện nay đang ủng hộ miễn học phí ở những quốc gia khác, Ireland khi đó hy vọng đạt được nhiều mục tiêu: nhiều sinh viên đăng ký vào đại học hơn, cơ hội tiếp cận tốt hơn cho những người có hoàn cảnh khó khăn và nhiều loại bằng cấp hơn dẫn đến lực lượng lao động sẽ có nhiều người có trình độ hơn - đạt được tất cả những thứ đó, trong khi vẫn duy trì được hoặc cải thiện hơn nữa chất lượng của giáo dục đại học.

### Ireland đạt được gì từ chế độ miễn học phí?

- Kinh phí và nguồn lực: Kể từ khi học phí bị loại bỏ vào giữa những năm 1990, tài trợ cho giáo dục đại học ở Ireland đã trải qua một mô hình bùng nổ và phá sản. Nguồn lực của chính phủ có xu hướng tăng lên khi

### Tóm tắt

Giáo dục đại học Ireland đã trải qua một thực tiễn phức tạp từ năm 1995, khi quốc gia này bắt đầu thực hiện chính sách miễn học phí đối với sinh viên đại học chính quy. Số lượng tuyển sinh đã tăng gấp đôi, tỷ lệ hoàn thành vẫn cao và tỷ lệ đạt mục tiêu học tập tăng gấp ba (mặc dù chủ yếu là ở người lao động nước ngoài có trình độ cao chuyển đến định cư ở Ireland). Tuy nhiên, công bằng vẫn là một vấn đề và sự bùng nổ đầu tư vào nền kinh tế đã góp phần gây ra những lo ngại về chất lượng. Bài học cho những quốc gia đang cân nhắc các hình thức miễn học phí là cần có nguồn tài trợ bền vững để đảm bảo thành công.



nền kinh tế phát triển vượt bậc, nhưng lại cạn kiệt trong thời kỳ kinh tế suy thoái. Nguồn thu từ học phí của một số sinh viên, và phí đăng ký của tất cả sinh viên thường không thể theo kịp với việc cắt giảm tài trợ của chính phủ. Trong suốt 25 năm, mức chi tiêu cho mỗi sinh viên tăng nhẹ khi được điều chỉnh theo lạm phát. Tuy nhiên, những nguồn lực dành cho giáo dục đại học của Ireland tăng rất chậm so với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Kết quả là chi tiêu cho giáo dục đại học tính theo tỷ trọng GDP, từ trước vốn đã thấp theo tiêu chuẩn quốc tế, tiếp tục giảm từ năm 1995 đến năm 2015; trong khi ở nhiều nước công nghiệp phát triển khác chi tiêu cho giáo dục đại học tính theo tỷ trọng GDP đang tăng lên.

- Tỷ lệ tham gia vào giáo dục đại học: Số lượng đăng ký vào giáo dục đại học ở Ireland đã tăng gấp đôi kể từ khi chính phủ ban hành chế độ miễn học phí, được thúc đẩy bởi hai yếu tố: Ireland là một trong những quốc gia có dân số phát triển nhanh nhất ở châu Âu và sự gia tăng tỷ lệ vào đại học từ 1/3 trong những năm 1990 lên hơn 1/2 trong những năm gần đây. Khi dân số trong độ tuổi đại học ngày càng tăng, nhu cầu học đại học hiển nhiên sẽ tăng lên, nhưng miễn học phí có thể là một yếu tố góp phần quan trọng vào việc tăng tỷ lệ vào đại học ở Ireland.

- Bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học: Cải thiện cơ hội tiếp cận cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là động lực chính để Ireland thực hiện miễn học phí. Tuy nhiên, dữ liệu chỉ ra rằng mặt này đạt được rất ít tiến bộ. Chắc chắn là so với hai thập kỷ trước, sinh viên từ những gia đình có thu nhập thấp ở Ireland tham gia vào giáo dục đại học nhiều hơn, nhưng số lượng nhập học của đối tượng này vẫn thấp hơn nhiều so với sinh viên từ những gia đình giàu có, đặc biệt trong những trường đại học chọn lọc nhất.

- Tỷ lệ hoàn thành các chương trình bằng cấp: Số lượng bằng đại học được cấp đã tăng khoảng 2/3 kể từ khi bắt đầu chế độ miễn học phí - kết quả của sự gia tăng tỷ lệ vào đại học và duy trì tỷ lệ hoàn thành chương trình học cao hơn 80%. Ireland có thể duy trì tỷ lệ hoàn thành cao trong khi cơ hội tiếp cận đại học tăng mạnh, ít nhất một phần nhờ vào quy trình tuyển sinh chọn lọc tập trung của quốc gia này.

- Đạt mục tiêu học tập: Thành tựu đáng chú ý nhất của Ireland kể từ khi bãi bỏ học phí là tỷ lệ đạt mục tiêu học tập tăng gấp ba lần - tỷ lệ người lao động có trình độ đại học/cao đẳng. Do đó, Ireland hiện là một trong những quốc gia có tỷ lệ đạt mục tiêu học tập cao nhất trên thế giới và do đó, được coi là một trong những câu chuyện thành công lớn trong giáo dục đại học quốc tế trong 1/4 thế kỷ qua. Nhưng sự bùng nổ tỷ lệ đạt mục tiêu học tập ở Ireland là do tác động của mô hình nhập cư nhiều hơn là của bất kỳ sự đầu tư nào vào giáo dục đại học. Từ trước tới nay, thanh niên Ireland có xu hướng di cư sang những nước khác trong những thời kỳ kinh tế khó khăn. Nhưng trong giai đoạn Celtic Tiger, vào cuối thế kỷ XX và vào đầu thế kỷ XXI, những công ty công nghệ cao và thâm dụng tri thức đã trở thành động lực chính của nền kinh tế Ireland và thu hút một số lượng lớn nhân lực được đào tạo bài bản từ những nước khác. Do đó, trong lực lượng lao động ở Ireland hiện nay lao động sinh ra ở nước

ngoài chiếm tỷ trọng lớn hơn và có trình độ cao hơn nhiều so với lao động sinh ra ở bản xứ. Điều này trái ngược với nhiều quốc gia OECD khác, bao gồm cả Hoa Kỳ, nơi lao động bản xứ chiếm tỷ lệ lớn hơn trong lực lượng lao động và thường có trình độ chuyên môn cao hơn lao động sinh ra ở nước ngoài.

- Chất lượng giáo dục: hệ thống giáo dục đại học chất lượng cao của Ireland ghi nhận những kỷ lục trái ngược. Chương trình đảm bảo chất lượng trường đại học và khung trình độ được đánh giá cao trong các cuộc thảo luận quốc tế. Nhưng nguồn lực khiêm tốn và chậm tăng trưởng, kết hợp với số lượng tuyển sinh có mức tăng trưởng nhanh hơn nhiều - theo thời gian đã đè nặng lên hệ thống, góp phần làm tăng tỷ lệ sinh viên/giảng viên và làm xuống cấp cơ sở vật chất và thiết bị. Do rất khó đo lường chất lượng giáo dục đại học ở bất kỳ quốc gia nào, nhiều nhà quan sát tin rằng chất lượng giáo dục đại học của Ireland bị ảnh hưởng đáng kể theo một số cách, kể từ khi áp dụng chính sách miễn học phí.

*Số lượng bằng đại học*

*được cấp đã tăng khoảng*

*hai phần ba kể từ khi bắt*

*đầu chế độ miễn học phí.*

### **Bài học cho những quốc gia đang cân nhắc dự kiến miễn học phí**

Kinh nghiệm của Ireland trong việc thực hiện miễn học phí đúc kết thành một số bài học cho những quốc gia đang tích cực tìm kiếm những lựa chọn giáo dục đại học miễn phí. Để thành công, đại học miễn phí đòi hỏi mức đầu tư cao của chính phủ để thay thế cho học phí mà sinh viên đáng lẽ phải trả, và để có nguồn lực lớn hơn mức đó. Nếu không có một cam kết tài chính bền vững như vậy, chất lượng sẽ bị ảnh hưởng, đặc biệt là khi số lượng tuyển sinh tăng nhanh.

Kinh nghiệm của Ireland cũng cho thấy việc bãi bỏ học phí không đảm bảo để tiếp cận đại học bình đẳng hơn. Nếu không có những biện pháp bổ sung như trợ giúp chi phí sinh hoạt cho sinh viên nghèo và nhiều dịch vụ tư vấn hơn, sự phân tầng sẽ tiếp tục, vì sinh viên từ những gia đình giàu có đăng ký vào những cơ sở chọn lọc nhất sẽ vẫn chiếm tỷ lệ lớn hơn.

Không thu học phí không có nghĩa là sinh viên không phải trả bất cứ khoản phí nào khi vào đại học. Khi học phí được loại bỏ vào những năm 1990, Ireland đặt ra mức lệ phí đăng ký khiêm tốn; đó dường như là một cách hợp lý để đảm bảo rằng sinh viên vẫn phải trả một số phí. Nhưng lệ phí đăng ký này tăng lên nhanh chóng theo thời gian có nghĩa là nó đã thay thế cho phần lớn khoản kinh phí đáng lẽ là học phí. Như vậy, giáo dục đại học của Ireland hiện nay không còn là miễn phí. Về vấn đề này, Ireland cũng giống như một số quốc gia khác và các bang của Mỹ như California, nơi không thu học phí nhưng lệ phí có thể khá cao.

Tỷ lệ người lao động có bằng đại học ở Ireland tăng đáng kể từ khi chính sách miễn học phí được áp dụng đã đóng vai trò quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế và xu hướng nhập cư hơn bất kỳ khoản đầu tư nào - đúng hơn là khi thiếu sự đầu tư - vào hệ thống giáo dục đại học.

Cuối cùng, việc đặt ra một loại phí do chính phủ trả cho các cơ sở giáo dục để thay thế một số khoản phí mà sinh viên đáng lẽ phải trả là một ý tưởng hay. Nhưng tổng số tiền tài trợ thay thế cho những khoản phí này đã bị giới hạn ngay từ khi chương trình được đưa ra, có nghĩa là

khi số lượng đăng ký học tăng lên, mức tài trợ cho mỗi sinh viên sẽ giảm xuống, khiến những trường đang phát triển bị hạn chế dòng tiền. Sẽ là một cách tiếp cận tốt hơn nhiều nếu mức tài trợ tính theo đầu sinh viên vẫn không đổi dù số lượng đăng ký tăng lên.

Nhưng nhìn chung, trải nghiệm của Ireland với chính sách miễn học phí trong 1/4 thế kỷ qua chứa đựng một số bài học quan trọng đối với những quốc gia đang cân nhắc các đề xuất đại học miễn phí.

#### Tóm tắt

Một nghiên cứu gần đây của Al-Fanar Media cho thấy nhiều giáo sư ở Trung Đông chán nản với điều kiện làm việc tại các trường đại học và với việc không có những tổ chức độc lập bảo vệ quyền lợi của họ.

## Nhiều giáo sư Ả Rập không hứng thú với công việc giảng dạy

**Rasha Faek**

*Rasha Faek là Biên tập viên của Al-Fanar Media. Email: rfaek@alfanarmedia.org. Bài báo này được xuất bản lần đầu tiên trên Al-Fanar Media.*

Các giáo sư đại học ở các nước Ả Rập từ lâu đã phàn nàn về mức lương thấp, nhưng những cuộc khảo sát và nghiên cứu gần đây cũng cho thấy sự bất mãn rộng rãi về những điều kiện công việc khác, chẳng hạn như thiếu những lợi ích cơ bản và thời hạn hợp đồng ngắn khiến sinh kế của họ trở nên bấp bênh. Nhiều người cũng nản lòng vì không có các công đoàn giảng viên độc lập để bảo vệ quyền lợi của họ.

Các cuộc phỏng vấn với 75 giáo sư tại các trường đại học công lập và tư thục ở 11 quốc gia (Algeria, Ai Cập, Jordan, Kuwait, Lebanon, Libya, Palestine, Qatar, Sudan, Tunisia và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất) cho thấy vì những điều kiện thiếu thốn nói trên - và sự thất bại của chính phủ và các trường đại học trong việc giải quyết chúng - một số giáo sư tỏ ra hối tiếc vì đã chọn công việc giảng dạy. Đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến nhiều nhân tài di cư khỏi khu vực.

Mặc dù các giáo sư tại các trường đại học tư thục thường có mức lương cao so với đồng nghiệp của họ ở các trường đại học công lập, nhiều người cho biết họ không nhận được những phúc lợi cơ bản như bảo hiểm xã hội hoặc bảo hiểm y tế, và hợp đồng làm việc của họ quy định nhiệm vụ giảng dạy và mức lương, nhưng không có bất kỳ khoản phụ cấp nào khác.

Nhiều giáo sư không có được sự đảm bảo cơ bản về công việc, bởi vì lãnh đạo các trường đại học có thể chấm dứt hợp đồng của họ mà không cần thông báo trước và không phải bồi thường. Hơn nữa, các trường đại học công lập, thường trả lương thấp hơn, gần đây đã bắt đầu ngừng hợp đồng tạm thời với nhiều giáo sư, do nhu cầu khẩn cấp thuê thêm nhiều giảng viên và thiếu kinh phí cần thiết. Kết quả là, nhiều giáo sư ngày nay làm việc với mức lương thấp và không có phúc lợi.

#### Những tác động tiêu cực

“Việc thiếu các phúc lợi ảnh hưởng tiêu cực đến công việc giảng dạy của chúng tôi, đặc biệt trong điều kiện lớp học quá đông”- Jemil El-Hadjarin,

Giáo sư tại Đại học Manouba ở Tunisia, cho biết. “Chúng tôi cảm thấy mình bị đối xử bất công và cố gắng bù đắp điều đó bằng cách làm thêm trong những ngành nghề khác hầu hết thời gian. Một số người trong chúng tôi đang cân nhắc từ bỏ hoàn toàn việc giảng dạy hoặc di cư sang một quốc gia khác”.

Một giáo sư đại học ở Jordan, người đã rời bỏ một trường đại học tư nhân để chuyển sang công việc kinh doanh, đồng ý với El-Hadjarin. “Bố tôi và các chú tôi đều là giáo sư đại học,” anh nói, “nhưng giờ đây tôi hối hận vì đã chọn một nghề không còn địa vị xã hội hay lợi ích công việc như trước đây nữa. Các giáo sư đại học không nhận được bất kỳ lợi ích thực sự nào từ công việc, và họ dễ bị sinh viên bạo hành trong bối cảnh thiếu một tổ chức đứng ra bảo vệ họ” - ông nói.

Tại những nước Ả Rập khác tình hình cũng không khác nhiều. Theo những người được phỏng vấn, phần lớn các hợp đồng lao động tại các trường đại học tư thực áp dụng nguyên tắc “giữ đúng thỏa thuận”, theo đó các trường đại học quy định nhiệm vụ của giảng viên để đổi lấy thù lao vật chất, mà không có bất kỳ phúc lợi bảo hiểm xã hội và sức khỏe, hoặc phụ cấp cho việc đi lại hoặc nghiên cứu.

Tại Kuwait, “cuối cùng thì Giáo sư của các trường đại học công lập cũng được bảo vệ bởi những quy định áp dụng cho bất kỳ công chức nhà nước nào”, Ibrahim Al-Hmoud, Chủ tịch Hiệp hội Khoa học Đại học Kuwait cho biết. “Những người làm việc trong các trường đại học tư ít có sự đảm bảo việc làm hơn so với những người làm việc trong các trường đại học công lập”; đây là điều mà hiệp hội giảng viên tin rằng “đòi hỏi xúc tiến việc xây dựng luật cung cấp sự bảo vệ nhiều hơn cho giảng viên”

### **Thiếu sự đảm bảo việc làm**

Những bản sao hợp đồng mà Al-Fanar Media có được tiết lộ rằng hầu hết các trường đại học tư nhân đều ký với giảng viên loại hợp đồng làm việc ngắn hạn, có thể gia hạn thêm chỉ một học kỳ; và nhà trường có toàn quyền chấm dứt hợp đồng bất kỳ lúc nào.

Mazhar El-Shorbagy, Trợ lý giáo sư Triết học tại Đại học Deraya ở Minya, Ai Cập, cho biết: “Tôi nghĩ rằng việc không có hợp đồng dài hạn khiến các giáo sư sống trong trạng thái tâm lý bất an vì họ có thể phải ra đi bất cứ lúc nào”.

Omar Draider, Giáo sư Khoa Kỹ thuật Dầu khí tại Đại học Libya's Al-Rifaq, ở Tripoli, Libya, đồng ý với El-Shorbagy về tác động tiêu cực của loại hợp đồng phổ biến tại các trường đại học tư. “Dù có mức lương tốt, chúng tôi vẫn có thể bị sa thải bất cứ lúc nào, điều này đe dọa sự ổn định công việc của bất kỳ giáo sư hoặc học giả nào”.

Ở Sudan, các trường đại học tuân theo “cùng một luật áp dụng cho các công ty tư nhân, cho phép họ sa thải bất kỳ nhân viên nào bất kỳ lúc nào”, Khaled Hassan - Trợ lý Giáo sư của Khoa Kỹ thuật tại Đại học Garden City, một trường công ở Khartoum - nói. Anh cho biết trường đại học tư nhân, nơi anh làm việc trước đây đã trục xuất các giáo sư và không cho phép họ vào lại các tòa nhà của trường đại học, thậm chí để thu dọn đồ đạc cá nhân của họ trong phòng làm việc.

Trong khi đó, các hợp đồng với các trường đại học công lập có vẻ công bằng hơn, vì các giáo sư thường được thuê theo luật lao động chung áp dụng cho tất cả các công việc trong lĩnh vực công, hoặc luật việc làm của trường đại học, theo đó các giáo sư được nhận bảo hiểm xã hội và đôi khi là bảo hiểm y tế nếu quốc gia có hệ thống bảo hiểm y tế. Hợp đồng đôi khi cũng bao gồm những khoản bồi thường khác và tiền trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng.

*Tại nhiều quốc gia Ả Rập*

*không có công đoàn hoặc*

*tổ chức nào khác đại diện*

*cho các giáo sư đại học và*

*bảo vệ quyền của họ.*

### **Công đoàn hỗ trợ kém**

Tại nhiều quốc gia Ả Rập không có công đoàn hoặc tổ chức nào khác đại diện cho các Giáo sư đại học và bảo vệ quyền của họ. Không quốc gia nào trong nghiên cứu có công đoàn dành cho các giáo sư tại các trường đại học tư nhân. Tại Sudan, các giáo sư đại học đang tìm cách thành lập một liên đoàn chung gồm đại diện của các công đoàn giảng viên tại mỗi trường đại học, với mục đích hợp nhất mọi nỗ lực của họ để trở thành một thực thể có ảnh hưởng hơn. Tuy nhiên, nỗ lực thành lập công đoàn không phải lúc nào cũng thành công. Ví dụ trường hợp của Jordan. Suleiman Al-Olaimat, một Giảng viên tại Đại học Khoa học và Công nghệ Jordan cho biết: “Quyền lợi của người lao động thường được bảo vệ bởi các hiệp hội nghề nghiệp. Đã có một số nỗ lực thành lập một công đoàn các giáo sư đại học, bao gồm cả đại học công lập và tư thục, nhưng thật không may, mọi nỗ lực đều đi vào ngõ cụt”.

### **Môi trường làm việc kém**

Khó khăn của các Giáo sư đại học không chỉ giới hạn ở hợp đồng làm việc hoặc thiếu các tổ chức công đoàn. Họ phải đối mặt với nhiều vấn đề khác, chẳng hạn như thiếu cơ hội đào tạo bên ngoài và nội bộ, không có các khoản trợ cấp/bồi thường công việc, giảng viên từ những thành phố hoặc khu vực xa không được cung cấp nhà ở và phương tiện đi lại. Các trường đại học không cung cấp cho các giáo sư máy tính hoặc dịch vụ Internet miễn phí trong khuôn viên trường.

Một số người trả lời phỏng vấn cũng cho biết không có khuyến khích cho nghiên cứu khoa học và lộ trình thăng tiến không hợp lý. “Công việc học thuật đã trở thành gánh nặng đối với các giáo sư đại học”, một giáo sư đại học Algeria nói. “Không có động lực để làm việc. Điều này dẫn đến sự thiếu đam mê và khiến cho dạy học thành một nghề khó khăn”.

Việc không nhận được lợi ích từ công việc không chỉ ảnh hưởng đến các giáo sư mà đến toàn bộ quá trình đào tạo, khi nhiều giáo sư thôi việc và tìm kiếm cơ hội ra nước ngoài, gây thất thoát nguồn nhân lực lớn. Mamdouh Taj, Trợ lý giáo sư tại khoa Thư viện tại Đại học Hồi giáo Omdurman ở Sudan, cho biết: “Đó là tai họa thảm khốc đối với các trường đại học Sudan, khi ước tính khoảng 13 ngàn giáo sư có trình độ đã di cư đến các quốc gia vùng Vịnh Ả Rập và châu Âu trong những năm gần đây. [...] Sự thiếu quan tâm đến việc cải thiện địa vị của các giáo sư [được] phản ánh trong chất lượng giáo dục đại học thấp hơn, cũng như trong trình độ của sinh viên tốt nghiệp”.

## CIHE Publications

The Center for International Higher Education (CIHE), in partnership with the American Council on Education, recently published the ninth in its open access series, International Briefs for Higher Education Leaders. The ninth issue focuses on Women's Representation in Higher Education Leadership around the World and features contributions from a number of countries, including Australia, Finland, Ghana, Hong Kong, Indonesia, Kazakhstan, Malaysia, Mexico, and South Africa. A full list of CIHE-affiliated publications is available on the CIHE website <https://www.bc.edu/content/bc-web/schools/lynch-school/sites/cihe/CIHE-publications.html>.

## CIHE Updates

### Personnel Updates

We are delighted to announce that Chris R. Glass has joined CIHE as our newest affiliate faculty member. Chris' primary responsibility at Boston College will be to direct the new Executive Doctorate in Higher Education, but he will also be affiliated to both the Center and our MA program in International Higher Education.

### Monthly Webinars

Please join us for our monthly international higher education webinar series! The full calendar of events is available on our website. Individuals may also request to join the CIHE mailing list by emailing us at [internationalhighered@bc.edu](mailto:internationalhighered@bc.edu).

## CIHE Conference

Due to ongoing challenges related to the COVID-19 pandemic, we have made the difficult decision to postpone the launch of our new biennial Conference on International Higher Education until June 2023. Further information about the conference, including information about how to submit a proposal, will be available by summer 2022.

## FPT Edu đồng hành cùng dự án kết nối cộng đồng TEAM 2.0

**TEAM 2.0 (Teenage Empowerment & Advocacy Movement 2.0)** là chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng về sức khỏe, tâm sinh lý, giới tính và các vấn đề xã hội dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên do FPT Edu cùng ĐH Công nghệ Petronas, Malaysia thực hiện.

Một trong những hoạt động đầu tiên của TEAM 2.0 là buổi nói chuyện với chủ đề “Mental Health” với sự tham gia của 2 diễn giả: bà Nguyễn Hà Thành (Trưởng phòng IC-PDP, ĐH FPT Hà Nội) và ông Aiman Psikologi (Diễn giả về Mental Health) đến từ Malaysia.

Tại buổi nói chuyện, hai diễn giả đã có những chia sẻ xoay quanh nhận thức về sức khỏe tinh thần của bản thân thông qua việc xây dựng niềm tin về chính mình, sống đúng với cảm xúc, quan sát các mối quan hệ xung quanh, hiểu được các vấn đề và quyền lợi giới tính của mình. Những chia sẻ của bà Nguyễn Hà Thành và ông Aiman Psikologi đã được SV FPT Edu đón nhận tích cực.



Bà Nguyễn Hà Thành – Trưởng phòng IC-PDP, ĐH FPT Hà Nội là diễn giả tại buổi nói chuyện “Mental Health” thuộc chương trình TEAM 2.0

## SV FPT Edu Global gặp gỡ “cha đẻ” của game Angry Bird

Tại buổi VIP Talk với chủ đề “Ảnh hưởng của chuyển đổi số trong công cuộc đổi mới” do FPT Edu Global tổ chức, các SV FPT Edu Global tại châu Á đã có cơ hội gặp gỡ 2 khách mời đặc biệt là ông Peter Vesterbacka – “cha đẻ” của tựa game nổi tiếng thế giới Angry Birds.

Trò chuyện và chia sẻ với các SV FPT Edu Global về tương lai của thế giới trong bối cảnh số hoá, ông Peter Vesterbacka bày tỏ quan điểm giáo dục không thể nằm ngoài ảnh hưởng của chuyển đổi số, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của đam mê, truyền động lực cho các SV tìm kiếm và đặt nỗ lực vào đam mê của mình.

Buổi VIP Talk cũng có sự tham gia chia sẻ của ông Nguyễn Hữu Hùng Cường – Giám đốc Đối ngoại Tập đoàn FPT. Tại đây, ông Nguyễn Hữu Hùng Cường đã mang đến cho các SV FPT Edu Global một bức tranh toàn cảnh về chuyển đổi số tại Việt Nam và khẳng định Việt Nam đang là quốc gia bắt nhịp nhanh với sự đổi mới này.

Các SV FPT Edu Global đã có nhiều phản hồi tích cực về buổi VIP Talk cũng như bày tỏ sự thích thú trước bài thuyết trình đầy cảm hứng của ông Peter Vesterbacka và những kiến thức giá trị mà ông Nguyễn Hữu Hùng Cường đã chia sẻ.



VIP Talk “Ảnh hưởng của chuyển đổi số trong công cuộc đổi mới” thu hút nhiều SV quốc tế của FPT Edu



## **Giáo dục Đại học Quốc tế**

### *International Higher Education*

**Tổng biên tập:**

Philip G. Altbach

**Phó tổng biên tập:**

Hans de Wit  
Rebecca Schendel  
Gerardo Blanco

**Phát hành:**

Hélène Bernot Ullero  
Tessa DeLaquil

**Văn phòng:**

Center for International Higher Education,  
Campion Hall, Boston College, Chestnut Hill, MA 02467-USA;  
Tel: +1 617 552-4236; E-mail: ihe@bc.edu  
www.internationalhighereducation.net

Hoan nghênh các thư từ, ý tưởng thể hiện qua văn viết và báo cáo. Xin vui lòng gửi bài viết qua e-mail tới ihe@bc.edu, với thông tin về vị trí công việc (sinh viên Đại học, Giáo sư, quản trị Giáo dục, hoạch định chính sách, v.v...) cùng lĩnh vực quan tâm và chuyên môn của bạn. Không phải trả phí.

**ISSN:**

1084-0613 (bản cứng tiếng Anh)  
2372-4501 (bản mềm tiếng Anh)

© Center for International Higher Education

**Chịu trách nhiệm về bản tiếng Việt**

Lê Trường Tùng

**Dịch và biên tập**

Nguyễn Kim Ánh  
Trần Ngọc Tuấn  
Đỗ Thủy Uyên  
Đào Thị Thanh Lam

**Thư ký:**

Lê Thị Loan

**Thiết kế bản in và Web**

Nguyễn Thị Thu Nga  
Huỳnh Lệ Thục Anh  
Ngô Ngọc Trâm  
Nguyễn Thị Hà

**Văn phòng:**

Trường Đại học FPT,  
Khu Giáo dục và Đào tạo, Khu CNC Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội  
E-mail: ihe@fpt.edu.vn  
http://ihe.fpt.edu.vn  
Điện thoại: 024 7300 5588  
© Trường Đại học FPT

In 1.000 bản, mỗi bản 56 trang, khổ 19x27cm, tại Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và In Phú Sĩ  
Văn phòng: C5-14, Tầng 14, Tòa nhà Golden West, 2 Lê Văn Thiêm, Thanh Xuân, Tp. Hà Nội  
Nhà máy: Km11, Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội  
Giấy phép xuất bản đặc san số 20/GP-XBĐS cấp ngày 15/01/2021  
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2021

